

Số: **8245**/BKHDĐT-PTDNV/v Báo cáo tổng kết 05 năm tình hình
thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CPHà Nội, ngày **14** tháng **12** năm 2020

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2020 và Công văn số 4108/VPCP-TH ngày 26/5/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc tổ chức Hội nghị chuyên đề năm 2020 đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ Báo cáo tổng kết 05 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP với một số nội dung chính như sau:

1. Quá trình xây dựng Báo cáo

- Ngày 15/6/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 3833/BKHĐT-PTDN đề nghị các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan báo cáo đánh giá tổng kết 05 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP. Trên cơ sở báo cáo nhận được của 20 Bộ, ngành, 55 địa phương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết 05 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP và gửi xin ý kiến các bộ ngành và địa phương tại Công văn số 6751/BKHĐT-PTDN ngày 12/10/2020.

- Ngày 19/10/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Hội nghị góp ý dự thảo Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 35/NQ-CP tại Hà Nội với hơn 120 đại biểu đại diện cho 12 Bộ ngành, 21 địa phương và 20 hiệp hội doanh nghiệp (DN)¹.

- Trên cơ sở ý kiến góp ý nhận được trực tiếp từ Hội thảo và công văn góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội DN², Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện Báo cáo tổng kết 05 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP.

2. Nội dung chính của Báo cáo

Báo cáo gồm 04 phần chính và 03 phụ lục đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của các Bộ, ngành tại Nghị quyết số 35/NQ-CP; tổng hợp ý kiến góp ý của các bộ ngành, địa phương và hiệp hội doanh nghiệp, cụ thể:

¹ 12 Bộ, ngành (Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Khoa học và Công nghệ, Lao động-Thương binh và Xã hội, Công Thương, Thanh tra Chính phủ...) 21 địa phương (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Bến Tre, Bắc Giang, Cần Thơ, Thanh Hóa...) và 20 hiệp hội DN (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội DN nhỏ và vừa Việt Nam, Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ Thông tin Việt Nam (VINASA), ...

² Tính đến ngày 5/11/2020, Bộ KH&ĐT nhận được góp ý của 21 Bộ, ngành; 30 địa phương; Hiệp hội DN

(I) Bối cảnh ban hành và nội dung chính của Nghị quyết số 35/NQ-CP

Trong bối cảnh phát triển kinh tế của Việt Nam còn nhiều thách thức, tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, triển vọng tăng trưởng những tháng đầu năm 2016 không như dự kiến, ngay từ đầu nhiệm kỳ Thủ tướng Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt và đặt trọng tâm vào phát triển doanh nghiệp, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Chỉ sau 2 tuần làm việc của Chính phủ mới, Hội nghị Thủ tướng Chính phủ gặp cộng đồng các doanh nghiệp đã được tổ chức vào ngày 29/4/2016. Hội nghị đã khẳng định định hướng trọng tâm nêu trên, phản ánh tinh thần đổi mới mạnh mẽ và hành động quyết liệt của Chính phủ mới, coi doanh nghiệp là động lực của phát triển kinh tế. Trên cơ sở kết quả của Hội nghị, ngày 16/5/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Nghị quyết cũng là bước cụ thể hoá quan trọng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, là các giải pháp để góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã được Quốc hội thông qua.

Nghị quyết bao gồm 06 mục tiêu đến năm 2020: (1) Xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động, trong đó có các doanh nghiệp có quy mô lớn, nguồn lực mạnh; (2) Khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp khoảng 48 - 49% GDP; (3) Khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp khoảng 49% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; (4) Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp khoảng 30 - 35% GDP; (5) Năng suất lao động xã hội tăng khoảng 5%/năm; (6) Hàng năm, có khoảng 30 - 35% DN Việt Nam có hoạt động đổi mới sáng tạo.

Nghị quyết đã quán triệt 10 nguyên tắc và quy định cụ thể 05 nhóm nhiệm vụ và giải pháp nhằm đạt được mục tiêu đề ra. 05 nhóm này được thiết kế tương ứng với các giai đoạn phát triển của doanh nghiệp, bao gồm: (1) Cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; (2) Tạo dựng môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp sáng tạo và khởi nghiệp; (3) Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh; (4) Giảm chi phí kinh doanh; và (5) Bảo vệ lợi ích và quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp.

(II) Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 35/NQ-CP

(a) Một số kết quả đạt được:

(i) Về cơ bản các nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Nghị quyết số 35/NQ-CP đã được hoàn thành.

- Trong giai đoạn 5 năm vừa qua, với tinh thần chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 35/NQ-CP.

Tính đến thời điểm báo cáo, nếu xét theo số nhiệm vụ có thời hạn (25 nhiệm vụ có thời hạn cụ thể trong tổng số 90 nhiệm vụ và giải pháp) thì 99% tổng số nhiệm vụ và giải pháp giao cho các Bộ, ngành đã được hoàn thành³. Một số nhiệm vụ có tính chất thường xuyên thì hiện các Bộ, ngành và địa phương đang tiếp tục tích cực triển khai thực hiện.

- Ở cấp địa phương, 100% địa phương đã xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP⁴, đồng thời ký cam kết với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về việc cải thiện môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp, trong đó, có 40/63 tỉnh, thành phố có cam kết cụ thể về số lượng doanh nghiệp của địa phương đến 2020.

(ii) Tốc độ số lượng doanh nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ so với giai đoạn trước (2011-2015).

Bình quân giai đoạn 2016-2019, tốc độ tăng trưởng số lượng doanh nghiệp thành lập mới của cả nước đạt 10,5%, tăng gấp hai lần so với giai đoạn 2011-2015; tốc độ tăng số doanh nghiệp hoạt động là 15%, tăng khoảng 80% so với giai đoạn 2011-2015; tỷ lệ đóng góp của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước trong tổng mức đầu tư toàn xã hội liên tục tăng từ 36,7% năm 2015 lên 46% năm 2019. Một số tỉnh, thành phố có số doanh nghiệp tăng trưởng cao so với giai đoạn trước (An Giang tăng trưởng 55%; Kiên Giang tăng trưởng 80%; Bạc Liêu tăng trưởng 105%; TP Hồ Chí Minh tăng trưởng 53%).

(iii) Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, năng lực cạnh tranh quốc gia được nâng lên và đổi mới sáng tạo có nhiều bước tiến lớn so với giai đoạn trước.

Giai đoạn 2016-2020, với những nỗ lực cải cách mạnh mẽ của Chính phủ, Việt Nam tăng 20 bậc về xếp hạng môi trường kinh doanh từ vị trí 90/189 quốc gia năm 2015 (Doing Business 2016) lên vị trí 70/190 quốc gia năm 2019 (Doing Business 2020); Năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam năm 2019 đã tăng 10 bậc, từ vị trí thứ 77 năm 2018 lên vị trí thứ 67⁵. Điểm số và thứ hạng của Việt Nam vượt bậc, rút ngắn đáng kể so với nhóm ASEAN 4, Trung Quốc và Ấn Độ.

Sau 5 năm, Chỉ số Đổi mới sáng tạo của Việt Nam liên tiếp tăng hạng từ vị trí 59 (năm 2016) trong bảng xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu, đã tăng 17 bậc, xếp vị trí 42 (năm 2020) trên tổng số 131 quốc gia và nền kinh tế. Hiện nay, Việt Nam đứng thứ nhất trong nhóm 29 quốc gia có thu nhập trung bình thấp, đứng thứ 3 trong ASEAN⁶.

³ Việc nghiên cứu, đề xuất sửa đổi quy định hiện hành về đất đai theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đất sản xuất đã được thực hiện và báo cáo Chính phủ. Tuy nhiên việc sửa đổi Luật Đất đai đang được triển khai thực hiện, chưa hoàn thành.

⁴Theo báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP của 55 UBND của các tỉnh, thành phố

⁵ Báo cáo xếp hạng về năng lực cạnh tranh quốc gia (GCI) do Diễn đàn Kinh tế thế giới công bố

⁶ Đánh giá xếp hạng của WIPO

(iv) Tinh thần Chính phủ kiến tạo, đồng hành cùng doanh nghiệp đã được các cấp, các ngành quán triệt, quan tâm và thực hiện sát sao thông qua các hoạt động đối thoại công khai định kỳ với cộng đồng doanh nghiệp và các kênh tương tác trực tuyến với doanh nghiệp.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Thủ tướng Chính phủ đã dành sự quan tâm rất lớn cho các hoạt động đối thoại, lắng nghe trực tiếp ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2016-2020, các hội nghị thường niên “Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp” với sự chủ trì trực tiếp của Thủ tướng luôn được cộng đồng doanh nghiệp và quốc tế đánh giá cao⁷. Bên cạnh vai trò trực tiếp của Thủ tướng và Chính phủ, hoạt động đối thoại với doanh nghiệp cũng được các Bộ, các tỉnh đẩy mạnh. Trong số 55 tỉnh, thành phố gửi báo cáo, có 87% địa phương thực hiện đối thoại ít nhất 2 lần/năm với cộng đồng doanh nghiệp⁸. 96% địa phương thực hiện cơ chế liên thông tại cơ quan hành chính của tỉnh, 85% địa phương đã tiến hành việc quán triệt cán bộ về đạo đức công vụ, chống sách nhiễu doanh nghiệp, làm việc trên tinh thần hỗ trợ doanh nghiệp, 81% địa phương thiết lập đường dây nóng và 75% địa phương đã xây dựng Trung tâm hành chính công cấp tỉnh⁹.

(v) Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Trong 5 năm qua, với tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp của Nghị quyết số 35/NQ-CP, Chính phủ đã ban hành và thực hiện nhiều giải pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân¹⁰. Đặc biệt, ngày 02/10/2019, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1269/QĐ-TTg thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia nhằm thực hiện hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng phát triển khoa học và công nghệ. Nhìn chung, các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã diễn ra rất sôi động những năm trở lại đây và dần chuyển từ phát triển chiều rộng sang chiều sâu, nhận được sự đánh giá, ghi nhận của cộng đồng doanh nghiệp cùng các các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước, tạo động lực, tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ cho các cá nhân, doanh nghiệp tại Việt Nam.

(vi) Nỗ lực tập trung cắt giảm 50% các điều kiện kinh doanh.

⁷Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với DN năm 2016, 2017, 2018 (về thúc đẩy DN đầu tư vào nông nghiệp), 2019, 2020.

⁸ Một số tỉnh có báo cáo cụ thể số lượt DN tham gia đối thoại trong giai đoạn 2016-2019 như Ninh Bình có 550 lượt DN tham gia, Bắc Kạn có 850 lượt DN, Vĩnh Phúc có 2035 lượt DN, Yên Bái có 207, Lào Cai có 673, Quảng Ninh có 7200, Ninh Thuận có 2650, Sơn La có 40, Bình Thuận có 2800, Trà Vinh có 2800, Đắk Nông có 1400, Nam Định có 2300, Kiên Giang có 163.

⁹ Tỉ lệ tính trên tổng số 55 địa phương gửi báo cáo.

¹⁰ Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844); Đề án hỗ trợ học sinh sinh viên khởi nghiệp đến năm 2015 (Đề án 1665); Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 phê duyệt Kế hoạch phát triển bền vững DN khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Cải cách quy định về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh là trọng tâm của Chính phủ trong những năm qua nhằm dỡ bỏ rào cản gia nhập thị trường, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững. Chính phủ quyết liệt và thường xuyên chỉ đạo các Bộ, ngành cải cách quy định về điều kiện kinh doanh theo hướng tạo thuận lợi thực chất cho doanh nghiệp đồng thời thay đổi phương thức quản lý nhà nước tiệm cận với thông lệ quốc tế (như nguyên tắc thị trường của các nước OECD). Chỉ tính riêng ba năm gần đây nhất đã có tới gần 40 văn bản của Chính phủ chỉ đạo trực tiếp về nội dung cải cách điều kiện kinh doanh, tập trung cắt bỏ, đơn giản hóa 50% số điều kiện kinh doanh.

(vii) **Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khu vực tư nhân**

- Nhằm tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tiếp cận các nguồn lực và cơ hội kinh doanh, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Hỗ trợ DNNVV (Luật số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017). Đây được coi là dấu mốc quan trọng khẳng định cam kết mạnh mẽ của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về ưu tiên phát triển DNNVV, doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước trở thành động lực quan trọng cho phát triển kinh tế, đảm bảo quyền bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, quy mô.

- Trong giai đoạn 2016-2020, các Bộ, ngành đã tích cực nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực xúc tiến mở rộng thị trường trong và ngoài nước, khai thác các hiệp định thương mại tự do; tiếp cận, ứng dụng công nghệ, đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ; tiếp cận tín dụng, bảo lãnh tín dụng, tái cấu trúc thị trường chứng khoán; đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bao gồm cấp quản lý và người lao động. Nhằm tháo gỡ khó khăn về thuế, về tín dụng cho doanh nghiệp, tái cấu trúc thị trường chứng khoán, Chính phủ đã trình Quốc hội 04 Luật và Nghị quyết của Quốc hội; 01 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ban hành 40 Nghị định của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 22 Thông tư hướng dẫn đã được các Bộ ban hành.

- Về tiếp cận tín dụng: Tính đến thời điểm cuối năm 2019, dư nợ tín dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp chiếm 53,08% tổng dư nợ toàn nền kinh tế; dư nợ tín dụng đối với DNNVV đạt hơn 1,6 triệu tỷ đồng, chiếm 36,8% tổng dư nợ khối doanh nghiệp, tăng 21,1% so với cuối năm 2018. Mới đây, theo báo cáo của Doing Business 2020 (Ngân hàng Thế giới), chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam tăng 7 bậc so với báo cáo Doing Business 2019, từ thứ bậc 32 lên 25, xếp hạng 25/190 nước.

(viii) **Tăng cường quy định pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp**

- Giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã tích cực rà soát và hoàn thiện khung pháp luật liên quan đến sở hữu tài sản và bảo vệ quyền sở hữu tài sản; bảo đảm quyền tự do hợp đồng và thực thi hiệu lực các hợp đồng; bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát độc quyền kinh doanh tiếp tục được bổ sung, sửa đổi để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) vừa được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 với nhiều điểm mới, tạo bước đột phá trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, trong đó góp phần nâng hạng chỉ số Bảo vệ cổ đông thiểu số. Khung khổ pháp lý về quản trị doanh nghiệp đã tiếp cận theo chuẩn mực quản trị quốc tế. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ luôn quyết liệt chỉ đạo Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cùng các bộ, ngành và địa phương quán triệt việc không hình sự hóa các quan hệ kinh tế.

(ix) Việc xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, tình trạng những nhiều doanh nghiệp được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đặc biệt quan tâm, chỉ đạo sát sao.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 Chỉ thị: Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với DN; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Đây là bước tiến đột phá so với giai đoạn trước khi các doanh nghiệp mất nhiều thời gian, công sức để tiếp quá nhiều đoàn kiểm tra trong một năm, ảnh hưởng đến tâm lý, hoạt động kinh doanh. Chỉ đạo kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã hạn chế đáng kể vấn đề những nhiễu, gây phiền hà đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp. Tỷ lệ hàng hóa kiểm tra chuyên ngành trong giai đoạn thông quan đã giảm từ 30-35% (năm 2015) xuống còn khoảng 19,1% (10 tháng đầu năm 2019). Tính đến tháng 10 năm 2019 các mặt hàng thuộc diện quản lý và kiểm tra chuyên ngành giảm 12.600 mặt hàng (từ 82.698 năm 2015 xuống còn 70.087).

(x) Chính phủ luôn chủ động với những thay đổi, kịp thời có các quyết sách để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, với tinh thần chủ động, sáng tạo, đồng hành cùng doanh nghiệp, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành kịp thời ban hành các chính sách, giải pháp nhằm tháo gỡ bước đầu các khó khăn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện duy trì và sớm phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh, sớm tận dụng cơ hội sau khi hết dịch để vực dậy nền kinh tế và phát triển nhanh, bền vững. Nhờ các biện pháp phòng chống dịch chính xác, hiệu quả, chi phí thấp và sự điều hành kinh tế vĩ mô chủ động, linh hoạt và quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, kinh tế Việt Nam tiếp tục là điểm sáng trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam là một trong số ít quốc gia đã thành công trong kiểm soát dịch Covid-19, đồng thời giữ ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì mức tăng trưởng dương: GDP năm 2020 ước đạt 2-3%. Niềm tin về môi trường kinh doanh và triển vọng kinh tế của doanh nghiệp và nhà đầu tư trong trung và dài

hạn về cơ bản được duy trì tốt. Một số cơ hội và xu hướng kinh doanh mới dựa trên chuyển đổi số, kinh tế số, thương mại điện tử được đẩy mạnh triển khai và bước đầu phát huy được lợi thế.

(b) Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp và đạt kết quả tích cực như đã nêu ở trên, tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của cộng đồng doanh nghiệp. Cụ thể:

(i) Về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh: Mặc dù có những bước tiến lớn so với giai đoạn trước, vị trí xếp hạng môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia vẫn còn ở mức độ thấp so với các nước khác trong khu vực và quốc tế. Theo Chỉ số xếp hạng môi trường kinh doanh năm 2020 do Ngân hàng Thế giới công bố, Việt Nam chỉ xếp thứ 70/190 nền kinh tế, đứng thứ 5 trong ASEAN về thuận lợi trong kinh doanh. Vị trí xếp hạng này cách khá xa Malaysia và Thái Lan, gần ngang bằng với vị trí của Ấn Độ và Indonesia là hai quốc gia mà các nhà đầu tư quốc tế đều coi là quốc gia chưa thuận lợi về môi trường kinh doanh¹¹. Năng lực đổi mới công nghệ, hấp thụ công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong nước còn nhiều hạn chế.

(ii) Doanh nghiệp khó tiếp cận với các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước; vấn đề thanh kiểm tra, cắt giảm điều kiện kinh doanh chưa triệt để.

Các doanh nghiệp tiếp tục có các phản ánh, kiến nghị liên quan tới thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, sự mâu thuẫn, không rõ ràng giữa các quy định pháp lý, chưa tiếp cận với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước... Một số lĩnh vực cắt giảm điều kiện kinh doanh chưa thực chất và chưa công bố công khai minh bạch, chưa so sánh cụ thể các thủ tục doanh nghiệp cần thực hiện trước và sau khi cắt giảm; vẫn còn gần 20% số doanh nghiệp được khảo sát cho biết vẫn bị thanh, kiểm tra 02 lần/năm¹². Đặc biệt trong bối cảnh khó khăn bởi Covid-19, doanh nghiệp phải áp dụng nhiều biện pháp để tồn tại và cầm cự sản xuất như giảm giờ làm, cắt giảm lao động... chưa thể xoay xở được nguồn tiền để nộp các khoản phí, khoản tiền như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, các doanh nghiệp phản ánh không những không được chia sẻ khó khăn mà vẫn tiếp tục nhận được các yêu cầu thanh tra vì nợ đọng các khoản phải nộp.

(iii) Hiệu quả thực thi các chính sách hỗ trợ còn hạn chế.

- Một số giải pháp về chính sách mặc dù đã được cấp có thẩm quyền ban hành nhưng chưa thực sự đi vào cuộc sống: Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu đãi về tín dụng, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp mới ở những bước đầu, các hỗ trợ

¹¹ Theo Chỉ số xếp hạng môi trường kinh doanh năm 2020 do Ngân hàng Thế giới công bố: Malaysia xếp thứ 12, Thái Lan xếp thứ 21, Indonesia xếp 73, Ấn Độ xếp thứ 63.

¹² Khảo sát của VCCI năm 2019

chuyên sâu còn hạn chế. ... do chưa có sự đồng nhất giữa các Luật; hoặc do thiếu nguồn lực để triển khai, công tác thực thi còn chưa hiệu quả.

(iv) Công tác giải đáp kiến nghị của doanh nghiệp còn chậm và chưa giải quyết được triệt để.

Tiến độ và chất lượng giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp còn chưa đáp ứng kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp. Nhiều vướng mắc các Bộ, ngành và địa phương chưa thể giải quyết nhanh cho doanh nghiệp do vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc phải sửa đổi quy định pháp luật. Phần lớn đường dây nóng thành lập ở các địa phương chủ yếu phục vụ trả lời thủ tục hành chính của người dân, không có nhiều địa phương thiết lập đường dây nóng trả lời phản ánh kiến nghị của doanh nghiệp riêng. Theo báo cáo của VCCI (2018)¹³, tiếp nhận và phản hồi qua đường dây nóng và hộp thư điện tử không mang lại nhiều hiệu quả cho phản ánh kiến nghị từ doanh nghiệp.

(v) Công tác báo cáo một số Bộ ngành, địa phương còn thực hiện chưa nghiêm túc: ví dụ: một số tỉnh, thành phố không có báo cáo hàng quý, năm và tổng kết tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết, đa số các địa phương gửi báo cáo hàng quý chậm so với thời hạn quy định. Nội dung báo cáo chủ yếu mang tính liệt kê các văn bản, chương trình đã ban hành thay vì cần đánh giá kết quả thực hiện và tác động của các giải pháp đối với cộng đồng doanh nghiệp. Do đó, công tác tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết gặp nhiều khó khăn.

(c) Một số nguyên nhân chủ yếu:

(i) Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện dẫn đến việc triển khai các giải pháp chính sách trên thực tế bị vướng mắc, tác động của các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu (ví dụ: hỗ trợ về đất đai, về thuế, vườn ươm, khu làm việc chung, cấp bù lãi suất...).

(ii) Trong một thời gian dài, các chính sách hầu như chỉ tập trung, quan tâm đến việc thành lập nhiều doanh nghiệp mà chưa quan tâm đúng mức đến việc phát triển chất lượng cho lực lượng doanh nghiệp Việt Nam. Các chủ thể kinh tế như các doanh nghiệp khu vực tư nhân, DNNVV luôn yếu thế trong việc tiếp cận nguồn lực nhà nước để hoạt động sản xuất-kinh doanh. Doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là các tập đoàn tư nhân lớn, không được đặt đúng vai trò chức năng trong cơ cấu lực lượng phát triển khi cạnh tranh toàn cầu và phát triển kinh tế hiện đại.

(iii) Công tác phối hợp, cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp giữa các Bộ ngành, giữa Trung ương và địa phương chưa hiệu quả. Hệ thống cơ quan, tổ chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp từ Trung ương đến địa phương

¹³ VCCI, Australian AID, và Aus4Reform (2018), Thực hiện Nghị quyết 19/NQ-CP và Nghị quyết 35/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh và phát triển DN, Góc nhìn từ DN, Hà Nội.

chưa được hình thành đầy đủ, nhất quán. Ý thức của cán bộ, công chức chưa có tinh thần phục vụ doanh nghiệp. Năng lực, trình độ và số lượng cán bộ công chức chưa đáp ứng yêu cầu công việc.

(iv) Mặc dù có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân trong thời gian vừa qua, tuy nhiên, nguồn lực dành cho hoạt động hỗ trợ (bao gồm cả nguồn lực từ nhà nước và các nguồn lực huy động khác trong nền kinh tế) chưa tương xứng với tiềm năng của khu vực này. Tình trạng chung hiện nay của hầu hết các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa là không xác định rõ được nguồn lực triển khai các giải pháp¹⁴ hoặc nếu có thì cũng không đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp. Theo phản ánh của các địa phương và hiệp hội doanh nghiệp, định mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho DNNVV còn chưa đảm bảo yếu tố thị trường, dẫn đến các chương trình hỗ trợ chưa có chất lượng cao, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn cần hỗ trợ của doanh nghiệp.

(v) Khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ còn thấp nguyên nhân còn do hạn chế từ chính khu vực doanh nghiệp Việt Nam: thông tin sổ sách kế toán, tài chính chưa minh bạch, tư duy và tầm nhìn còn ngắn hạn. Một số bộ phận doanh nghiệp tư duy chộp giật, không chú trọng xây dựng và bảo vệ uy tín, thương hiệu với đối tác, khách hàng, sợ rủi ro, không mạnh dạn đầu tư vào công nghệ... Đa số các doanh nghiệp khu vực tư nhân có cách thức quản lý, quản trị mang tính gia đình, chưa có tầm nhìn, chiến lược kinh doanh dài hạn và thiếu sản phẩm mũi nhọn có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Gần 98% doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, trên 60% có quy mô siêu nhỏ nên khả năng tích tụ và tập trung vốn để đầu tư, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất... hầu như không có.

(III) Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu chính của Nghị quyết số 35/NQ-CP

(1) Các mục tiêu hoàn thành

(i) Mục tiêu đến năm 2020, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng GDP khoảng 30 - 35%.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của Tổng cục Thống kê, năm 2019, đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%, bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, cao hơn rất nhiều so với mức bình quân 33,6% của giai đoạn 2011 - 2015. Như vậy, mục tiêu này đạt và vượt mục tiêu đề ra.

¹⁴Luật Hỗ trợ DNNVV tuy đã được triển khai từ 1/1/2018, báo cáo đánh giá 2 năm thi hành Luật của các Bộ, ngành và địa phương cho thấy, nguồn lực để triển khai các chính sách hỗ trợ còn hạn chế dẫn đến các địa phương chưa chủ động bố trí được kinh phí hỗ trợ theo quy định. Đa số các địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình hoặc đề án hỗ trợ DNNVV theo quy định tại Luật nhưng chưa bố trí được kinh phí triển khai, trong khi nguồn lực trung ương cũng chưa chủ động được để tập trung vào triển khai một số chính sách trọng tâm.

(ii) *Mục tiêu đến năm 2020, năng suất lao động (NSLĐ) tăng khoảng 5%/năm.*

Năng suất lao động bình quân theo giá so sánh năm 2019 đạt 6,2%, bình quân giai đoạn 2016-2019 là 5,86%, cao hơn mức tăng bình quân 4,2% của giai đoạn 2011-2015. Như vậy mục tiêu về NSLĐ cũng vượt mục tiêu đề ra.

(iii) *Mục tiêu đến năm 2020, hàng năm có khoảng 30-35% DN Việt Nam có hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST).*

Hiện nay, trong số liệu thống kê điều tra doanh nghiệp hàng năm chưa có thông tin về tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, theo báo cáo điều tra về Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp tại Việt Nam do Bộ Khoa học và Công nghệ (KH-CN) cùng World Bank phối hợp thực hiện năm 2017¹⁵, tỷ lệ doanh nghiệp có ĐMST¹⁶ trong giai đoạn 2014 - 2016 là 32,08% trong tổng số doanh nghiệp trả lời điều tra¹⁷.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2016-2020, Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam liên tiếp tăng thứ hạng và hiện đang đứng thứ nhất trong nhóm 29 quốc gia có thu nhập trung bình thấp, đứng thứ 3 trong ASEAN. Các nhóm chỉ số đầu vào tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo tiếp tục tăng, minh chứng cho việc duy trì đầu tư của nhà nước, các doanh nghiệp cho KH-CN và đổi mới sáng tạo, tạo môi trường thuận lợi về thể chế, trình độ kinh doanh, tín dụng tiếp tục ở mức cao. Từ việc đầu tư đầu vào, các chỉ số đầu ra của Việt Nam cũng tiếp tục được duy trì và tăng.

Do đó, mục tiêu hàng năm có khoảng 30 - 35% doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động ĐMST đã đạt được và có thể tăng lên trong giai đoạn tới với những nỗ lực cải cách của Chính phủ.

(2) Các mục tiêu không hoàn thành

(i) *Mục tiêu: đến năm 2020, cả nước có ít nhất 1 triệu DN hoạt động, trong đó có các DN có quy mô lớn, nguồn lực mạnh.*

Trên thực tế, ngay từ ban đầu việc xác định mục tiêu đạt 1 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2020 đã là một thách thức rất lớn. Bởi lẽ, với con số 442.485 doanh nghiệp đang hoạt động vào năm 2015, muốn đạt được mục tiêu này thì tốc độ tăng trưởng số doanh nghiệp hoạt động bình quân của các giai đoạn 2016-2020 phải đạt 17,7%/năm. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2016-2019, cả tốc độ tăng số doanh nghiệp đang hoạt động (14,4%/năm) và tốc độ tăng số doanh nghiệp thành lập mới (10,5%) đều thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng cần đạt được. Bên cạnh đó, mặc dù số lũy kế doanh nghiệp thành lập mới tính đến

¹⁵ Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Thế giới (2019), *Đổi mới sáng tạo trong DN Việt Nam - Phân tích từ một cuộc điều tra thống kê*, Dự án First, Tiểu dự án FIRST-NASATI, Tài liệu tham khảo, Hà Nội.

¹⁶ Theo Bộ KH-CN, DN đổi mới sáng tạo là DN thực hiện một trong các hoạt động: (1) Đổi mới sản phẩm (hàng hóa hay dịch vụ); (2) Đổi mới quy trình, công nghệ, thiết bị; (3) Đổi mới tổ chức và quản lý; và (4) Đổi mới tiếp thị.

¹⁷ 8.000 DN chế biến, chế tạo được lựa chọn, trong đó số phiếu có thể sử dụng được là 7.641, trong đó 66,1% là DN ngoài nhà nước, 31% là DN có vốn đầu tư NN và chỉ có 2,9% DNNN. Nguồn: Bộ KH-CN và WB (2019)

thời điểm hiện nay đã vượt 1 triệu doanh nghiệp, song số lượng doanh nghiệp đóng cửa, rút lui khỏi thị trường tăng cao nên không đủ 1 triệu doanh nghiệp đang hoạt động. Đặc biệt, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 tới nay, không chỉ việc thành lập doanh nghiệp gặp khó khăn mà cả số doanh nghiệp giải thể, đóng cửa cũng tăng mạnh¹⁸. Ước tính đến hết năm 2020, có khoảng 810 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động.

Ngoài ra, việc triển khai các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chưa đạt được hiệu quả, tác động như mong muốn. Đặc biệt chính sách khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp chưa đủ hấp dẫn, do đó số lượng doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh còn rất khiêm tốn. Trong khi đó, đây là khu vực được kỳ vọng sẽ bổ sung một lực lượng lớn cho khu vực doanh nghiệp.

Mặc dù mục tiêu đạt 1 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2020 là không khả thi nhưng trung bình giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng về số doanh nghiệp hoạt động đã tăng cao hơn 80% so với giai đoạn 2011-2015.

(ii) Mục tiêu đến năm 2020, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam đóng góp 48-49% GDP.

Giai đoạn 2016-2020, khu vực kinh tế tư nhân đã có chuyển biến tích cực về tỷ trọng đóng góp GDP. Tuy nhiên, tỷ trọng này mới dao động trong khoảng 43% GDP, không đạt mục tiêu 48-49% GDP. Nguyên nhân có thể do quy mô và năng lực của khu vực này còn quá nhỏ dẫn đến mức độ đóng góp vào GDP của nền kinh tế còn hạn chế. Tuy nhiên, một điểm sáng cần ghi nhận trong giai đoạn 2016 - 2020 là tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực kinh tế tư nhân có chiều hướng đi lên. Trong hai năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực này cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP cả nước. Nếu duy trì được xu hướng tăng và có sự đột phá thì mục tiêu đóng góp 48-49% GDP của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam có thể sớm đạt được trong thời gian tới.

(iii) Mục tiêu đến năm 2020, khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp khoảng 49% vốn đầu tư toàn xã hội.

Năm 2015, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam mới đóng góp khoảng 39% vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Tỷ lệ đóng góp này liên tục tăng theo thời gian đạt 43,2% vào năm 2018 và 46% vào năm 2019. Đây là tín hiệu tốt cho thấy nguồn lực trong dân đang được huy động và ngày càng tăng cho đầu tư toàn xã hội. Tuy nhiên, bước sang năm 2020, hoạt động đầu tư kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Do đó, mục tiêu khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp 49% vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội là khó có thể đạt được.

(IV) Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ và phát triển DN giai đoạn 2021-2025

¹⁸ Trong 10 tháng năm 2020, cả nước có gần 111.200 DN đăng ký thành lập mới nhưng cũng có tới gần 85.600 DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể

(1) Quan điểm

- Đổi mới tư duy quản lý nhà nước về doanh nghiệp khu vực tư nhân, theo đó, Nhà nước coi doanh nghiệp vừa là khách hàng được phục vụ, vừa là đối tượng quản lý. Nhà nước bảo đảm sự ổn định, nhất quán, dễ dự báo của chính sách; ổn định kinh tế vĩ mô; cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng thuận lợi, an toàn và thân thiện. Nhà nước bảo đảm quyền bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp, không phân biệt loại hình, thành phần kinh tế trong cơ hội tiếp cận các nguồn lực như: vốn, tài nguyên, đất đai... và đầu tư kinh doanh.

- Phát triển doanh nghiệp khu vực tư nhân hiệu quả, bền vững, đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Khuyến khích phát triển doanh nghiệp khu vực tư nhân có quy mô vừa và lớn; xây dựng các thương hiệu mạnh của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước.

- Kinh tế thế giới và Việt Nam đang đứng trước cuộc CMCN 4.0 và kinh tế số, do vậy, Nhà nước cần tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khu vực tư nhân phát minh, đổi mới, sáng tạo và áp dụng mô hình kinh doanh, dịch vụ và sản phẩm chưa từng có tiền lệ và tiếp cận được tới các nguồn vốn có tính chất sáng tạo hơn là chỉ từ nguồn mang tính truyền thống là ngân hàng. Đồng thời, cần tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng giữa doanh nghiệp hoạt động trên các nền tảng công nghệ khác nhau.

(2) Mục tiêu

Trên cơ sở mục tiêu về phát triển doanh nghiệp đến năm 2025 phần đầu có 1,5 triệu doanh nghiệp (Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa); Mức độ tăng trưởng, phát triển của các doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 (tốc độ tăng số doanh nghiệp thành lập mới trung bình 10,5%/năm; tốc độ tăng trưởng các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn khoảng 4-5%/năm; năm 2020 trên thị trường chứng khoán hiện có 13 doanh nghiệp khu vực tư nhân vốn hóa trên 1 tỷ đô la Mỹ; khả năng tạo việc làm, mức độ đóng góp vào ngân sách nhà nước); đồng thời trên cơ sở phân tích cơ hội và thách thức đối với khu vực doanh nghiệp trong tình hình mới, đặc biệt diễn biến khó đoán định của dịch bệnh Covid-19 trong và ngoài nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất sơ bộ một số mục tiêu về phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 như sau:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam: có khoảng 1,3 - 1,5 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2025; trung bình tốc độ gia tăng số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đạt khoảng 12-14%/năm giai đoạn 2021-2025. Số doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn đạt khoảng 60.000- 70.000 doanh nghiệp vào năm 2025.

- Giai đoạn 2021-2025, doanh nghiệp Việt Nam có mức tăng trưởng bình quân số lao động đạt khoảng 6-8%/năm; tăng trưởng bình quân thu nhập của người lao động đạt khoảng 25-30%/năm; tăng trưởng bình quân mức đóng góp vào ngân sách nhà nước đạt khoảng 23-25%/năm.

- Có 15-20 doanh nghiệp khu vực tư nhân có vốn hóa trên thị trường chứng khoán đạt trên 1 tỷ đô la Mỹ vào năm 2025¹⁹.

(3) Nhiệm vụ, giải pháp

(3.1) Nhóm giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp sau tác động bởi dịch bệnh Covid-19:

- Nghiên cứu xu hướng chuyển dịch chuỗi giá trị, các ngành tiềm năng mới sau Covid-19 để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển (dịch vụ trực tuyến, giảm thiểu tối đa tiếp xúc trực tiếp, các ngành/sản phẩm về y tế, sức khỏe...).

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo Luật Hỗ trợ DNNVV và các Nghị định hướng dẫn.

- Hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi, đổi mới mô hình kinh doanh, sản phẩm, phương thức kinh doanh để phù hợp với tình hình mới: Triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị giai đoạn 2021-2025 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp: Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030; xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(3.2) Nhóm giải pháp phát triển các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, có vai trò dẫn dắt trong một số ngành, tạo cực tăng trưởng mới cho phát triển kinh tế.

- Nghiên cứu ban hành chính sách phát triển DN nhằm hình thành lực lượng DN có quy mô vừa và lớn, đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành kinh tế, tạo ra các sản phẩm chiến lược của quốc gia, khẳng định được thương hiệu Việt Nam trên trường quốc tế. Sản phẩm của những DN này cần được coi là sản phẩm quốc gia, thành công của những sản phẩm chủ lực này cũng chính là sự thành công của quốc gia; tạo thành xu hướng chuyển dịch từ “Made in Vietnam” tiến tới “Made by Vietnam”, khẳng định được thương hiệu Việt Nam trên trường quốc tế.

¹⁹Theo báo cáo tổng kết 20 năm thành lập Thị trường Chứng khoán Việt Nam: đến năm 2020 có 30 mã chứng khoán vốn hoá trên 1 tỷ đô la Mỹ, trong đó có 13 mã chứng khoán là DN khu vực tư nhân ở Việt Nam

(3.3) Nhóm giải pháp về thúc đẩy nghiên cứu - phát triển, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

- Tập trung nguồn lực hỗ trợ các dự án khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; hình thành hệ thống /mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Hoàn thiện cơ chế khuyến khích cho doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu phát triển, đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp (start-up), đổi mới sáng tạo.

(3.4) Giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng

- Nghiên cứu đổi mới cơ chế khuyến khích phát triển các hình thức liên kết đào tạo giữa nhà trường với các doanh nghiệp; giáo dục ở bậc đại học cần gắn chặt với nhu cầu xã hội thông qua các đơn đặt hàng của các cơ sở thực tế, bảo đảm cân đối giữa các ngành, nghề; xây dựng và triển khai Chương trình thu hút các chuyên gia trong và ngoài nước, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các hoạt động, chương trình đào tạo và nghiên cứu KHCN tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

(3.5) Nhóm giải pháp về tăng cường liên kết doanh nghiệp, tham gia chuỗi giá trị: giữa doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp lớn, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI.

- Xác định các nhóm ngành hàng, nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu và doanh nghiệp trong nước có khả năng sản xuất thay thế để định hướng cho doanh nghiệp dịch chuyển cơ cấu sản xuất, chủ động được nguyên vật liệu sản xuất trong chuỗi giá trị; Nghiên cứu ban hành quy định cụ thể danh mục các sản phẩm, chi tiết linh kiện, phụ kiện chỉ có các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa được sản xuất.

- Hỗ trợ hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng, chuỗi liên kết do doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt; có chính sách ưu đãi đặc biệt đối với các dự án FDI có mức độ tham gia lớn của các doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị.

(3.6) Nhóm giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước đối với công tác phát triển doanh nghiệp.

Nghiên cứu xây dựng các tiện ích ứng dụng công nghệ trong việc tiếp nhận kiến nghị, chia sẻ cung cấp thông tin và phản hồi ý kiến của cộng đồng DN; Phát triển hệ thống các tổ chức hoặc các nền tảng công nghệ trợ giúp doanh nghiệp; Hạn chế tối đa việc thanh tra, kiểm tra trùng lặp tại doanh nghiệp; Hoàn thiện hệ thống cơ quan, đơn vị đầu mối thực hiện công tác hỗ trợ doanh nghiệp, tăng tính liên kết giữa các Bộ, ngành, giữa Trung ương và địa phương trong hỗ trợ doanh nghiệp.

3. Kiến nghị

Căn cứ quá trình xây dựng, lấy ý kiến góp ý và hoàn thiện Báo cáo tổng kết đánh giá 05 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét:

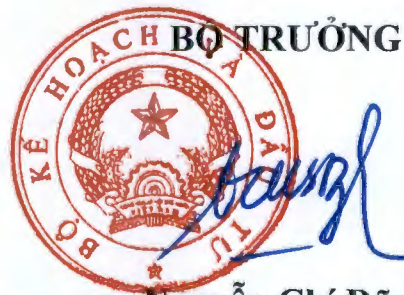
- Cho ý kiến về nội dung Báo cáo và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành, địa phương và các hiệp hội doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP vào Quý I năm 2021.

- Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và hiệp hội doanh nghiệp nghiên cứu xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030 trên cơ sở các đề xuất, kiến nghị của báo cáo, đồng thời sẽ là sản phẩm kết quả của Hội nghị tổng kết nói trên.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./. *hcb*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Công Thương, NN & PTNT, KH-CN, LĐ-TBXH, GTVT, Tư pháp, Công an, GD&ĐT, TN&MT, Xây dựng;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thanh tra Chính phủ;
- Các đơn vị: Viện: CLPT, QLKTTW, Vụ: THKTQD, TTĐMST, PC, LĐVX, TCTT, KHGD, KCHTĐT, KTCN, KTNN, KTDV, Cục: ĐKKD, ĐTNN, QLĐT, Quỹ PTDNNVV;
- Lưu: VT, PTDN. *L3*



Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BÁO CÁO TỔNG KẾT 05 NĂM TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 35/NQ-CP VỀ HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ĐẾN NĂM 2020



(Kèm theo Công văn số ⁸²⁴⁵/BKHĐT-PTDN ngày ¹⁴ tháng ¹² năm 2020)

HÀ NỘI, 12/2020

MỤC LỤC

I. BỐI CẢNH NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 35/NQ-CP.....	4
1. Bối cảnh ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP.....	4
2. Nội dung chính của Nghị quyết số 35/NQ-CP	4
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TẠI NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP	5
A. Kết quả đạt được	5
1. Cải cách hành chính, tạo thuận lợi doanh nghiệp.....	5
2. Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.....	9
3. Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh.....	13
4. Giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp.....	18
5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp	19
6. Tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, ứng phó với dịch Covid- 19 của doanh nghiệp	22
B. Tồn tại, hạn chế	23
C. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 35/NQ-CP	25
III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP.....	29
1. Nhóm mục tiêu đã hoàn thành	29
1.1. Mục tiêu về năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của khu vực tư nhân Việt Nam.....	29
1.2. Mục tiêu về năng suất lao động	29
1.3. Mục tiêu về đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp Việt Nam	29
2. Nhóm mục tiêu chưa hoàn thành.....	30
2.1. Mục tiêu về số lượng doanh nghiệp hoạt động.....	30
2.2. Mục tiêu về đóng góp của khu vực tư nhân Việt Nam vào GDP	33
2.3. Mục tiêu về đóng góp của khu vực tư nhân Việt Nam vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội.....	35

IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 – 2025	36
A – Bối cảnh khu vực, toàn cầu và thực trạng doanh nghiệp Việt Nam trong đại dịch Covid-19 và dự báo tình hình doanh nghiệp trong giai đoạn 2021-2025.....	36
1. Bối cảnh kinh tế, xã hội khu vực, toàn cầu do tác động của đại dịch Covid-19	36
2. Thực trạng doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19	39
B- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 – 2025	41
1. Quan điểm.....	41
2. Mục tiêu	41
3. Khuyến nghị về nhiệm vụ, giải pháp	42
3.1. Nhóm giải pháp hỗ trợ DN sau tác động bởi dịch bệnh Covid-19	42
3.2. Nhóm giải pháp phát triển các DN có quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt.....	43
3.3. Nhóm giải pháp về thúc đẩy nghiên cứu - phát triển, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.....	44
3.4 Giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cho doanh nghiệp...	45
3.5. Nhóm giải pháp về tăng cường liên kết doanh nghiệp, tham gia chuỗi giá trị:	46
3.6. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước đối với công tác phát triển doanh nghiệp	47
PHỤ LỤC	49
1. Phụ lục số 1- Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại của Nghị quyết số 35/NQ-CP.....	49
2. Phụ lục số 2 – Tổng hợp các ý kiến góp ý về dự thảo Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 35/NQ-CP.....	49
3. Phụ lục số 3 – Danh sách các bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo tổng kết Nghị quyết số 35/NQ-CP.....	49

I. BỐI CẢNH NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 35/NQ-CP

1. Bối cảnh ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP

Trong bối cảnh phát triển kinh tế của Việt Nam còn nhiều thách thức, tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, triển vọng tăng trưởng những tháng đầu năm 2016 không như dự kiến, Thủ tướng Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt và đặt trọng tâm vào phát triển doanh nghiệp, tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Hội nghị Thủ tướng Chính phủ gặp cộng đồng các doanh nghiệp ngày 29/4/2016 (tức là chỉ sau 2 tuần làm việc của Chính phủ mới), đã khẳng định định hướng trọng tâm nêu trên, phản ánh tinh thần đổi mới mạnh mẽ và hành động quyết liệt của Chính phủ mới, coi doanh nghiệp là động lực của phát triển kinh tế.

Trên cơ sở kết quả của Hội nghị nói trên, ngày 16/5/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Nghị quyết cũng là bước cụ thể hoá quan trọng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, là các giải pháp để góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã được Quốc hội thông qua.

2. Nội dung chính của Nghị quyết số 35/NQ-CP

Nghị quyết bao gồm 06 mục tiêu đến năm 2020: (1) Xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động, trong đó có các doanh nghiệp có quy mô lớn, nguồn lực mạnh; (2) Khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp khoảng 48 - 49% GDP; (3) Khoảng 49% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; (4) Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp khoảng 30 - 35% GDP; (5) Năng suất lao động xã hội tăng khoảng 5%/năm; (6) Hàng năm, có khoảng 30 - 35% DN Việt Nam có hoạt động đổi mới sáng tạo.

Nghị quyết bao gồm 10 nguyên tắc đã được Thủ tướng Chính phủ phát biểu kết luận tại Hội nghị “Doanh nghiệp Việt Nam - động lực phát triển kinh tế” ngày 29/4/2016. Trong đó có những nguyên tắc quen thuộc nhưng vẫn mang đầy đủ ý nghĩa thời sự, như: Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; Nhà nước lấy doanh nghiệp là đối tượng phục vụ; Nhà nước có chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Đồng thời, cũng có nguyên tắc mang quan điểm rất mới, được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, như: Không hình sự hóa quan hệ kinh tế, dân sự.

Nghị quyết đã quy định cụ thể 05 nhóm nhiệm vụ và giải pháp nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Năm nhóm này được thiết kế tương ứng với các giai đoạn phát triển của doanh nghiệp, bao gồm (1) Cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; (2) Tạo dựng môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp sáng

tạo và khởi nghiệp; (3) Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh; (4) Giảm chi phí kinh doanh; và (5) Bảo vệ lợi ích và quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp.

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TẠI NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP

A. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn 5 năm vừa qua, với tinh thần chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 35/NQ-CP. Về cơ bản các nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Nghị quyết số 35/NQ-CP đã được hoàn thành.

Tính đến thời điểm báo cáo¹, xét theo số nhiệm vụ có thời hạn (25 nhiệm vụ có thời hạn cụ thể trong tổng số 90 nhiệm vụ và giải pháp) thì 99% tổng số nhiệm vụ và giải pháp giao cho các Bộ, ngành đã được hoàn thành². Một số nhiệm vụ có tính chất thường xuyên thì hiện các Bộ, ngành và địa phương đang tiếp tục tích cực triển khai thực hiện theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp của Nghị quyết số 35/NQ-CP.

- Ở cấp địa phương, 100% địa phương đã xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP³, đồng thời ký cam kết với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về việc cải thiện môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp, trong đó, có 40/63 tỉnh, thành phố có cam kết cụ thể về số lượng doanh nghiệp của địa phương đến 2020.

- Tốc độ số lượng doanh nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ so với giai đoạn trước (2011-2015). Bình quân giai đoạn 2016-2019, tốc độ tăng trưởng số lượng doanh nghiệp thành lập mới của cả nước đạt 10,5%, tăng gấp hai lần so với giai đoạn 2011-2015; tốc độ tăng số doanh nghiệp hoạt động là 15%, tăng khoảng 80% so với giai đoạn 2011-2015; tỷ lệ đóng góp của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước trong tổng mức đầu tư toàn xã hội liên tục tăng từ 36,7% năm 2015 lên 46% năm 2019. Một số tỉnh, thành phố có số doanh nghiệp tăng trưởng cao so với giai đoạn trước (An Giang tăng trưởng 55%; Kiên Giang tăng trưởng 80%; Bạc Liêu tăng trưởng 105%; TP Hồ Chí Minh tăng trưởng 53%).

Một số kết quả chính đạt được theo 05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp như sau:

1. Cải cách hành chính, tạo thuận lợi doanh nghiệp

- *Về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia:* Đây là một trong các nhiệm vụ được các Bộ, ngành, địa phương nghiêm túc thực

¹ Có 19 các Bộ, ngành và 55 địa phương gửi báo cáo tổng kết thực hiện 5 năm Nghị quyết số 35/NQ-CP

² Việc sửa đổi Luật Đất đai đang được triển khai thực hiện, chưa hoàn thành.

³ Theo báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP của 55 UBND của các tỉnh, thành phố

hiện theo các chỉ đạo cụ thể của Chính phủ tại các Nghị quyết số 19 và Nghị quyết số 02 hàng năm.

Giai đoạn 2016-2020, với những nỗ lực cải cách mạnh mẽ của Chính phủ, Việt Nam tăng 20 bậc về xếp hạng môi trường kinh doanh từ vị trí 90/189 quốc gia năm 2015 (Doing Business 2016) lên vị trí 70/190 quốc gia năm 2019 (Doing Business 2020); Năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam năm 2019 đã tăng 10 bậc, từ vị trí thứ 77 năm 2018 lên vị trí thứ 67⁴. Điểm số và thứ hạng của Việt Nam vượt bậc, rút ngắn đáng kể so với nhóm ASEAN 4, Trung Quốc và Ấn Độ.

Sau 5 năm, Chỉ số Đổi mới sáng tạo của Việt Nam liên tiếp tăng hạng từ vị trí 59 (năm 2016) trong bảng xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu, đã tăng 17 bậc, xếp vị trí 42 (năm 2020) trên tổng số 131 quốc gia và nền kinh tế. Hiện nay, Việt Nam đứng thứ nhất trong nhóm 29 quốc gia có thu nhập trung bình thấp, đứng thứ 3 trong ASEAN⁵.

Nhiều văn bản quan trọng được Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành nhằm đẩy mạnh cải cách, tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, như: Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2019 và năm 2020 (nối tiếp loạt Nghị quyết 19 trước đó của Chính phủ từ các năm 2014 tới 2018), các Nghị quyết về: Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững; Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ,.....

- *Về xây dựng chính phủ điện tử*: Từ năm 2018, Chính phủ đã coi đây là một trong các nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy hiện đại hóa quản trị công, tạo lập môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp nối việc điều chỉnh, nâng cấp Ủy ban quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trở thành Ủy ban quốc gia về Chính phủ điện tử do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp đứng đầu Ủy ban, Chính phủ đã đưa vào vận hành một số hệ thống thông tin nền tảng có ý nghĩa, như: Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (E-Cabinet); Cổng dịch vụ công Quốc gia. Đã có 07 Bộ, cơ quan trong số 12 Bộ, cơ quan kiểm tra đã hoàn thành việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 ...Trên 99% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động thực hiện kê khai thuế, nộp thuế điện tử. Các thủ tục lĩnh vực hải quan, xuất nhập khẩu, bảo hiểm xã hội... cũng phần lớn thực thi trên môi trường mạng và tư duy quản lý hành chính cũng đang có bước chuyển khá mạnh mẽ đi kèm với quá trình này.

- *Về công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC)*: đây tiếp tục là lĩnh vực nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Chính phủ cùng các bộ, ngành và địa

⁴ Báo cáo xếp hạng về năng lực cạnh tranh quốc gia (GCI) do Diễn đàn Kinh tế thế giới công bố

⁵ Đánh giá xếp hạng của WIPO

phương. Chính phủ và Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đã tích cực hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương nghiêm túc quán triệt triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo quy định tại Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 về phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 về ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và gần đây nhất là Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 05 năm 2020 về ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

Mục tiêu đổi mới mạnh mẽ công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ đồng bộ giữa cải cách hành chính với xây dựng Chính phủ điện tử và kiểm soát thủ tục hành chính dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ đã được thể hiện tại Nghị định 150/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ (thay thế Nghị định số 74/2012/NĐ-CP).

Đặc biệt trong năm 2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số văn bản quan trọng nhằm đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách thủ tục hành chính, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bị tác động bởi dịch bệnh Covid-19, như Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Tính đến tháng 5 năm 2020, tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đang được các Bộ, ngành, địa phương cung cấp cho người dân, doanh nghiệp là hơn 56.000 dịch vụ, trong đó số dịch vụ công trực tuyến mức 4 là gần 17.000. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến là 25,62%⁶. Các Bộ, ngành liên tục thực hiện rà soát để cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh và cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành, giảm thiểu sự chồng chéo trong các quy trình, thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

- Về tổ chức đối thoại công khai định kỳ với cộng đồng doanh nghiệp, báo chí và xây dựng các kênh tương tác trực tuyến với doanh nghiệp:

Giai đoạn 2016-2020, Thủ tướng Chính phủ luôn dành sự quan tâm rất lớn cho các hoạt động đối thoại, lắng nghe trực tiếp ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp. Hàng năm, Thủ tướng Chính phủ đều trực tiếp chủ trì các Hội nghị “Thủ tướng với doanh nghiệp” đồng thời chủ trì nhiều diễn đàn kinh tế lớn và các diễn đàn/hội nghị chuyên đề nhằm lắng nghe và chia sẻ những khó khăn, vướng mắc, tiếp nhận đề xuất, sáng kiến của cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời có các giải pháp, chính sách hỗ trợ tháo

⁶ Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông.

gỡ khó khăn, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.⁷

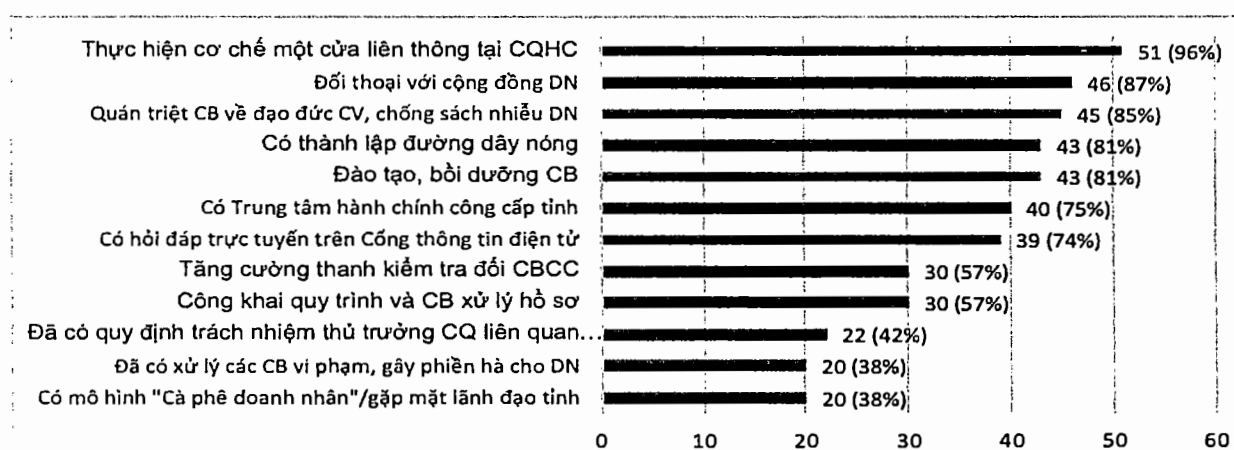
Bên cạnh vai trò trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động đối thoại với doanh nghiệp cũng được các Bộ, các tỉnh đẩy mạnh, 87% tỉnh báo cáo có thực hiện đối thoại ít nhất 2 lần/năm với cộng đồng doanh nghiệp⁸.

- Nhiều địa phương đã khai trương Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh nhằm đảm bảo sự thuận tiện, hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp; thành lập đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố để tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn, giải đáp cho doanh nghiệp.

Thống kê từ 55 tỉnh có gửi báo cáo, 96% tỉnh báo cáo có thực hiện cơ chế liên thông tại cơ quan hành chính của tỉnh, 85% tỉnh báo cáo đã tiến hành việc quán triệt cán bộ về đạo đức công vụ, chống sách nhiễu doanh nghiệp, làm việc trên tinh thần hỗ trợ doanh nghiệp, 81% số tỉnh có thiết lập đường dây nóng và 75% số tỉnh đã xây dựng Trung tâm hành chính công cấp tỉnh (chi tiết tại Hình 1).

Để cải cách hành chính tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tỉnh cũng chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng thực hiện các thủ tục hành chính góp một phần tạo thuận lợi cho doanh nghiệp: 81% tỉnh có báo cáo đã thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ với tổng số lượt cán bộ đã qua đào tạo là 1.073.755 và với tổng kinh phí là 510 tỷ đồng.

Hình 1: Nhiệm vụ chính trong Nghị quyết số 35/NQ-CP được các tỉnh/thành phố thực hiện



(Ghi chú: số trong hình là số tỉnh trả lời, số trong ngoặc () là số phần trăm so với báo cáo của 55 tỉnh)

⁷ Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp năm 2016, 2017, 2018 (về thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp), 2019, 2020.

⁸ Một số tỉnh có báo cáo cụ thể số lượt DN tham gia đối thoại trong giai đoạn 2016-2019 như Ninh Bình có 550 lượt DN tham gia, Bắc Kạn có 850 lượt DN, Vĩnh Phúc có 2035 lượt DN, Yên Bái có 207, Lào Cai có 673, Quảng Ninh có 7200, Ninh Thuận có 2650, Sơn La có 40, Bình Thuận có 2800, Trà Vinh có 2800, Đắk Nông có 1400, Nam Định có 2300, Kiên Giang có 163.

2. Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Ở cấp Trung ương:

- Trong 5 năm qua, với tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp của Nghị quyết số 35/NQ-CP, Chính phủ đã ban hành và thực hiện nhiều giải pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Hai Đề án cùng nhiều văn bản hết sức quan trọng đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành: Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844) đã hỗ trợ cho hơn 23.000 người nằm trong chủ thể hệ sinh thái khởi nghiệp; Đề án hỗ trợ học sinh sinh viên khởi nghiệp đến năm 2015 (Đề án 1665); Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 18/2/2020 về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Chỉ thị số 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam. Đồng thời để thúc đẩy doanh nghiệp khu vực tư nhân tăng trưởng chất lượng và hiệu quả bền vững: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 phê duyệt Kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Đặc biệt, ngày 02/10/2019, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1269/QĐ-TTg thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia nhằm thực hiện hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng phát triển khoa học và công nghệ. Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế, chính sách ưu đãi và khuyến khích đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, trong đó có các cơ chế, chính sách tạo đột phá hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, phát triển công nghệ. Ngoài ra, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị giai đoạn 2021 – 2025 đang được trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và ban hành trong thời gian tới.

Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cũng tích cực triển khai các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo như: tổ chức Diễn đàn thanh niên khởi nghiệp 2018; tổ chức Ngày hội gọi vốn quốc gia (Startup Funding Camp 2018, thu hút hơn 100 hồ sơ, hơn 10.000 thanh niên quan tâm), tổ chức Cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo (Startup Hunt 2019, 3 nhóm có thành tích tốt nhất nhận được hỗ trợ vốn xã hội hóa trị giá 670 triệu đồng).

- Nhằm hỗ trợ vốn cho các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV, Quỹ Phát triển DNNVV đã công bố tiêu chí lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, phối hợp với các cơ quan liên quan, Hiệp hội doanh nghiệp để tìm kiếm DNNVV để hỗ trợ. Hiện nay, Quỹ đã phối hợp với các ngân hàng thương mại như BIDV, MBBank, SHB, HDBank, Bắc Á Bank để thực hiện cho vay gián tiếp, hỗ trợ các DNNVV thuộc nhóm đối tượng này tiếp cận tín dụng.

- Đối với hỗ trợ đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, sau khi Nghị định 38/2018/NĐ-CP được ban hành, đến tháng 03/2020, cả nước có 5 quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tư nhân đã thông báo thành lập hợp lệ với tổng số vốn điều lệ là 5,32 tỷ đồng⁹.

Các hoạt động đầu tư khởi nghiệp sáng tạo diễn ra rất sôi nổi vì nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đánh giá khá lạc quan vào môi trường, tiềm năng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam. Theo báo cáo của TOPICA Founder Institutes (TFI) năm 2018, các khoản đầu tư vào các công ty khởi nghiệp Việt Nam đạt 889 triệu USD, cao gấp 3 lần so với năm 2017 (khoảng 291 triệu USD). Tại Diễn đàn Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức, quy tụ hơn 100 quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế tham dự, 18 quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đã công bố tổng mức đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Việt trong vòng 3 năm 2020-2023 là 10.000 tỷ đồng. Các quỹ đầu tư nước ngoài đang ngày một nhìn nhận Việt Nam là thị trường tiềm năng với nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tốt để đầu tư.

b) Ở cấp địa phương:

Thời gian qua, đã có hơn 30 địa phương đã xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án hỗ trợ riêng cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (Ninh Bình, Vũng Tàu, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Cần Thơ, Bến Tre v.v.). Hoạt động khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp ở các địa phương ngày càng trở nên phổ biến, góp phần từng bước hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp. Trong đó, một số tỉnh đã tích cực triển khai, đưa chính sách vào thực tiễn, mang lại những hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp khởi nghiệp. Ví dụ tỉnh Thừa Thiên Huế hỗ trợ giảm 50%-70% chi phí văn phòng làm việc tại các khu làm việc chung trong tỉnh, hỗ trợ 50% kinh phí ương tạo, tập huấn, tham dự các sự kiện, hỗ trợ vốn môi.... Bến Tre tổ chức thành công Ngày hội “Bến Tre - Đồng Khởi khởi nghiệp” được Thủ tướng Chính phủ tham dự và chỉ đạo; 55 sự kiện/diễn đàn về khởi nghiệp với nhiều chủ đề, nội dung phong phú được tổ chức, đã tổ chức 1.098 lớp đào tạo, bồi dưỡng với 64.306 lượt học viên tham gia. Đặc biệt, trong năm 2018-2019, một số địa phương đã thành lập Quỹ khởi nghiệp (Bình Phước, Thừa Thiên Huế) để hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp địa phương.

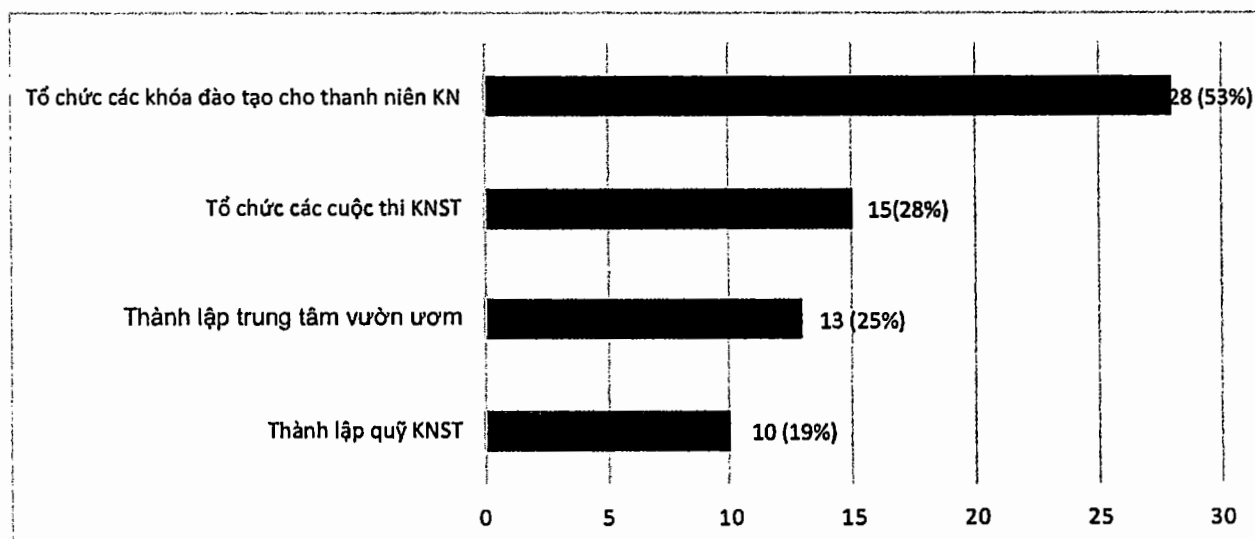
⁹ Quỹ VSV Venture Capital Fund (2 tỷ đồng – Hà Nội); Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo BCNEX (550 triệu đồng – Hà Nội); Quỹ khởi nghiệp Quốc gia (500 triệu đồng – Hà Nội); Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo IC1 (480 triệu đồng – T.P Hồ Chí Minh); Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Đắk Lắk Số 1 (1,79 tỷ đồng – Đắk Lắk).

Riêng Thành phố Hồ Chí Minh, một đầu tàu về kinh tế của đất nước, các hoạt động thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo đã được thực hiện mạnh mẽ từ nhiều năm nay với sự ủng hộ rất lớn từ Thành phố và sự vào cuộc đầy năng động, hiệu quả của hệ thống Đoàn Thanh niên - Hội Liên hiệp Thanh niên. Trung tâm hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp sáng tạo (BSSC) trực thuộc Hội liên hiệp thanh niên Thành phố đã có những chương trình mang thương hiệu “quốc gia” và “khu vực” như: Bánh xe khởi nghiệp (Startup Wheel), Ngày hội khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo (Startup Day) với sự tham gia của hàng nghìn doanh nghiệp khởi nghiệp mỗi năm, thu hút sự quan tâm và tham dự của nhiều startup cùng các quỹ đầu tư quốc tế.

Để thúc đẩy khởi nghiệp tại địa phương, 28/55 tỉnh có báo cáo đã tổ chức các lớp đào tạo nhằm trang bị những kiến thức về khởi nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành cho lãnh đạo doanh nghiệp cho thanh niên khởi nghiệp; đồng thời tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo nhằm tìm kiếm ý tưởng, dự án khởi nghiệp để từ đó hỗ trợ từ khâu đăng ký sở hữu công nghiệp, sở hữu trí tuệ.

Nhìn chung, các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã diễn ra rất sôi động những năm trở lại đây và dần chuyển từ phát triển chiều rộng sang chiều sâu, nhận được sự đánh giá, ghi nhận của cộng đồng doanh nghiệp cùng các các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước, tạo động lực, tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ cho các cá nhân, doanh nghiệp tại Việt Nam. (Hình 2).

Hình 2: Khảo sát thực hiện hoạt động khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của 55 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

c) Riêng về hoạt động hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp:

Thời gian qua, Chính phủ cũng rất quan tâm đến công tác khuyến khích hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi và đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Bên cạnh việc cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ DN NVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh

quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV¹⁰, Chính phủ cũng đã bổ sung quy định đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh¹¹, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh đã được hướng dẫn quy trình cụ thể, được thực hiện tại Phòng Đăng ký kinh doanh tại địa phương nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính.

Đa số các địa phương đều tổ chức các buổi cung cấp thông tin, vận động, hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ và thủ tục thành lập doanh nghiệp chuyển đổi từ các hộ kinh doanh người dân khi có nhu cầu thành lập doanh nghiệp. Có địa phương như Trà Vinh còn xây dựng, chuẩn hóa quy trình tư vấn, vận động hộ kinh doanh chuyển sang doanh nghiệp, trong đó nêu 8 lợi ích, 4 ưu đãi khi chuyển sang doanh nghiệp và các cán bộ của Phòng Tài chính – Kế hoạch từ cấp huyện trở lên là có thể trực tiếp tư vấn, hỗ trợ hoàn toàn. Theo đó, địa phương chủ động hướng dẫn cho hộ kinh doanh các lợi ích khi chuyển đổi thành doanh nghiệp, các nội dung hỗ trợ được nhận khi chuyển đổi thành doanh nghiệp như: hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ thủ tục thành lập doanh nghiệp; hỗ trợ cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu; hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán.... Ngoài ra, các địa phương cũng đã đẩy mạnh triển khai tư vấn, hỗ trợ thủ tục, giải đáp thắc mắc thành lập doanh nghiệp qua điện thoại, qua mạng internet, các video clip hướng dẫn.... Các địa phương cũng đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp đạt cấp độ 3, cấp độ 4, đăng ký doanh nghiệp tại nhà, cho phép tổ chức, đổi, tạm dừng nhân có nhu cầu đăng ký thành lập mới, tạm ngừng, giải thể gửi hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp và nhận kết quả tại nhà. Một số địa phương còn thực hiện giao chỉ tiêu thành lập doanh nghiệp mới tới từng địa bàn huyện, quận.

Trong báo cáo của các địa phương gửi về, có 10/55 (18,8%) địa phương có chương trình, đề án, kế hoạch dành riêng cho hỗ trợ các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Kết quả ghi nhận từ các địa phương cho thấy, tuy chưa tạo ra làn sóng chuyển đổi lên doanh nghiệp từ hộ kinh doanh nhưng các địa phương cũng đã có sự chuyển biến nhất định. Điển hình nhất là Thanh Hóa có hơn 1000 doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh trong 2 năm 2018, 2019. Bến Tre có 165 hộ chuyển đổi lên doanh nghiệp, Thừa Thiên Huế có 26 hộ chuyển đổi năm 2019¹² ...

¹⁰ Nghị định 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV

¹¹ Nghị định 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

- Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp

¹² Phú Yên có 02 hộ, Lâm Đồng có 6 hộ chuyển đổi lên DN; Sóc Trăng có 13 hộ; Bình Định có 12 hộ; Phú Thọ có 6 hộ; Ninh Thuận có 11 hộ, Đắk Nông có 10 hộ; Cà Mau có 8 hộ, Bạc Liêu có 26 hộ.

Việc chuyển đổi từ hộ kinh doanh thành doanh nghiệp trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn. Phần lớn các hộ kinh doanh vẫn còn tâm lý e ngại khi chuyển đổi lên doanh nghiệp như sẽ phải nộp thuế cao hơn, chế độ kế toán, sổ sách chứng từ, hóa đơn khi chuyển đổi lên doanh nghiệp sẽ phải thực hiện phức tạp hơn, cần thêm nhân lực, chi phí thực hiện công tác quản lý. Ngoài ra, chủ hộ kinh doanh còn thiếu kiến thức quản trị, marketing, kế toán, thuế.... trong khi chủ hộ cho rằng việc chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên doanh nghiệp mà không thay đổi nhiều về quy mô, chỉ là hình thức tổ chức, doanh nghiệp vẫn phải xin lại các giấy phép hoạt động có liên quan, dẫn đến việc các hộ không muốn chuyển đổi.

3. Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh

a) Ở cấp Trung ương:

(i) Về đảm bảo quyền kinh doanh:

- Kể từ khi Việt Nam mở cửa hội nhập mạnh mẽ, quyền tự do kinh doanh cũng đã được mở rộng và được hiện thực tại Hiến pháp năm 2013. Hiến pháp đã thừa nhận quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản của con người. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng, khi đã coi tự do kinh doanh là quyền con người cơ bản đồng nghĩa, quyền con người trong đó có quyền tự do kinh doanh được Nhà nước không những công nhận, tôn trọng mà phải bảo vệ, bảo đảm. Cụ thể, Hiến pháp 2013 khẳng định, các thành phần kinh tế bình đẳng với nhau trong hoạt động. Tạo bước đột phá mạnh mẽ hơn về quyền tự do kinh doanh và sự bình đẳng trong hoạt động kinh doanh giữa các thành phần kinh tế. Quyền tự do kinh doanh đã có một bước tiến mới, cởi mở với nguyên tắc: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” (Điều 33). Hiện thực hóa các quyền tự do kinh doanh tại Hiến pháp, hệ thống pháp luật về kinh doanh cũng đã được hoàn thiện. Điển hình như: Luật Doanh nghiệp (2014, 2020); Luật Đầu tư (2014, 2020); Bộ luật dân sự; Bộ luật lao động; Luật đất đai...

- Cải cách quy định về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh là trọng tâm của Chính phủ trong những năm qua nhằm dỡ bỏ rào cản gia nhập thị trường, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững. Chính phủ quyết liệt và thường xuyên chỉ đạo các Bộ, ngành cải cách quy định về điều kiện kinh doanh theo hướng tạo thuận lợi thực chất cho doanh nghiệp đồng thời thay đổi phương thức quản lý nhà nước tiệm cận với thông lệ quốc tế (như nguyên tắc thị trường của các nước OECD). Chỉ tính riêng ba năm 2017-2019 đã có tới gần 40 văn bản của Chính phủ chỉ đạo trực tiếp về nội dung cải cách điều kiện kinh doanh, tập trung cắt bỏ, đơn giản hóa 50% số điều kiện kinh doanh.

- Về Danh mục ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện: Ngày 17/6/2020, Quốc hội biểu quyết tán thành thông qua Luật Đầu tư (sửa đổi), theo đó đề xuất bãi bỏ 21 ngành, nghề; sửa đổi 24 ngành, nghề và bổ sung 7 ngành, nghề.

Có thể nói, cải cách các quy định về điều kiện kinh doanh đã có những kết quả bước đầu tích cực. Đến hết năm 2019, về cơ bản, các điều kiện kinh doanh quy định chung chung, khó tiên liệu, không rõ ràng, trùng lặp đã được cắt giảm.

(ii) Về quyền bình đẳng tiếp cận các nguồn lực, cơ hội kinh doanh:

- Với mục tiêu đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch, tạo cơ hội phát triển cho kinh tế tư nhân, giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đẩy mạnh triển khai các giải pháp của Nghị quyết số 12-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trong đó cần tập trung vào việc sắp xếp lại DNNN (trọng tâm là cổ phần hóa) và Ủy ban quản lý vốn nhà nước – cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp. Qua đó, tạo sự bình đẳng, minh bạch trong môi trường kinh doanh, tạo thêm cơ hội cho doanh nghiệp khu vực tư nhân đầu tư vào những lĩnh vực mà trước đây chỉ dành cho doanh nghiệp nhà nước.

- Bên cạnh đó, nhằm tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các nguồn lực và cơ hội kinh doanh, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Hỗ trợ DNNVV (Luật số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017). Đây được coi là dấu mốc quan trọng khẳng định cam kết mạnh mẽ của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về ưu tiên phát triển DNNVV, doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước trở thành động lực quan trọng cho phát triển kinh tế, đảm bảo quyền bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, quy mô.

Sau khi Luật được ban hành và có hiệu lực từ ngày 1/1/2018, đến nay, 05/05 Nghị định và 09 Thông tư hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đã được ban hành. Cả nước có 56 địa phương xây dựng kế hoạch, đề án hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp. Một số tỉnh/thành phố đã rất chủ động và tích cực xây dựng và thực hiện các chính sách của địa phương về thúc đẩy khởi nghiệp và hỗ trợ DNNVV trên địa bàn như: Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Hà Tĩnh, Bà Rịa Vũng Tàu...

- Trong giai đoạn 2016-2020, các Bộ, ngành đã tích cực nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực xúc tiến mở rộng thị trường trong và ngoài nước, khai thác các hiệp định thương mại tự do; tiếp cận, ứng dụng công nghệ, đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ; tiếp cận tín dụng, bảo lãnh tín dụng, tái cấu trúc thị trường chứng khoán; đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bao gồm cấp quản lý và người lao động...*(chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

- Nhằm tháo gỡ khó khăn về thuế, về tín dụng cho doanh nghiệp, tái cấu trúc thị trường chứng khoán, Chính phủ đã trình Quốc hội 04 Luật và Nghị quyết của Quốc hội; 01 Nghị quyết của UBTWQH; 40 Nghị định của Chính phủ và Quyết

định của Thủ tướng Chính phủ; 22 Thông tư hướng dẫn đã được ban hành. Danh sách chi tiết 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam hàng năm được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

- *Về hỗ trợ tiếp cận, ứng dụng công nghệ, đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ:* Trong giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định để sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy trình đánh giá sự phù hợp, hợp chuẩn, tạo điều kiện thuận lợi để thương mại hóa sản phẩm của doanh nghiệp. Các bộ, ngành tiếp tục tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm thông qua hệ thống các chương trình KHCN quốc gia (Chương trình sản phẩm quốc gia, Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia, Chương trình phát triển hạ tầng công nghệ cao, các chương trình KC, KX, Độc lập, Quỹ gen...). Mạng lưới các Trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ hiện nay bao gồm 30 viện/trường được kết nối với nhau để hỗ trợ tiếp cận thông tin KH&CN, khai thác tiềm năng đổi mới sáng tạo, xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đã và đang hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho 100 lượt sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản mang địa danh.

- *Về tiếp cận tín dụng:* Trong giai đoạn 2016 đến nay, Chính phủ ban hành 02 Nghị định, 05 Thông tư và 01 Quyết định về cơ chế, chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp, người dân¹³. Theo đó, các cơ chế, chính sách tín dụng tiếp tục được hoàn thiện như quy định về bảo lãnh ngân hàng, quy định về hoạt động cho vay để đầu tư ra nước ngoài của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các chính sách tín dụng đặc thù đối với các ngành, lĩnh vực.

Quy định trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ đối với các lĩnh vực ưu tiên, trong đó có DNNVV, theo đó từ năm 2016 đến nay, NHNN đã chủ động 5 lần điều chỉnh giảm mức lãi suất này với tổng mức giảm là 3%/năm, thấp hơn từ 1 - 1,5% đối với lĩnh vực cho vay thông thường khác. Hiện ở mức khoảng 5%/năm. Chương trình kết nối ngân hàng-doanh nghiệp¹⁴, trực tiếp đối thoại, tháo gỡ khó khăn trong quan hệ tín dụng giữa ngân hàng và doanh nghiệp được tăng cường triển khai.

¹³Nghị định 116/2018/NĐ-CP, Nghị định 17/2018/NĐ-CP, Thông tư 25/2018/TT-NHNN, Thông tư 12/2018/TT-NHNN, Thông tư 13/2017/TT-NHNN, Thông tư 36/2018/TT-NHNN, Thông tư 45/2018/TT-NHNN, Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017.

¹⁴ Ngành Ngân hàng đã tổ chức các Hội nghị, buổi gặp gỡ, đối thoại để kết nối ngân hàng-doanh nghiệp trong năm 2016 là 733 cuộc; năm 2017 là 1.070 cuộc; năm 2018 là 1.500 cuộc. Riêng trong năm 2019, NHNN đã phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố tổ chức 06 Hội nghị lớn về công tác tín dụng tại 03 thành phố lớn (Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng) và 03 khu vực kinh tế trọng điểm (Tây Nam Bộ, Miền núi phía bắc và Đồng bằng sông Hồng), cùng với 350 cuộc gặp gỡ, đối thoại trên cả nước do NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố phối hợp với các TCTD trên địa bàn tổ chức. Trong những tháng đầu năm 2020, NHNN đã tổ chức Hội nghị tại 14 tỉnh, thành phố nhằm triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

- Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh, thiên tai¹⁵, gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế-xã hội, NHNN đã kịp thời chỉ đạo các TCTD, NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong tiếp cận vốn. Đặc biệt, năm 2020, trong bối cảnh dịch bệnh tác động tiêu cực đến kinh tế xã hội trên diện rộng, NHNN đã và đang quyết liệt triển khai kịp thời, có hiệu quả các giải pháp tín dụng nhằm tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp để khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh¹⁶.

Nhờ triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nêu trên, tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2016-2019 có xu hướng giảm dần, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP tăng dần và cao hơn giai đoạn 2011-2015 cho thấy nguồn vốn tín dụng được tăng cường sử dụng hiệu quả và phân bổ phù hợp.¹⁷ Tính đến 31/12/2019, dư nợ tín dụng đối với toàn nền kinh tế tăng 13,65% so với cuối năm 2018. Trong đó dư nợ tín dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp đạt 4,35 triệu tỷ đồng, chiếm 53,08% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, tăng 10,61% so với cuối năm 2018; dư nợ tín dụng đối với DNNVV đạt hơn 1,6 triệu tỷ đồng, chiếm 36,8% tổng dư nợ khối doanh nghiệp, tăng 21,1% so với cuối năm 2018. Mới đây, theo báo cáo của Doing Business 2020 (Ngân hàng Thế giới) công bố ngày 24/10/2019, chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam tăng 7 bậc so với báo cáo Doing Business 2019, từ thứ bậc 32 lên 25, xếp hạng 25/190 nước.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, mặc dù cầu tín dụng của nền kinh tế yếu do dịch bệnh tác động, tuy nhiên nhờ sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, triển khai có hiệu quả các giải pháp tín dụng của NHNN, tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng vẫn tăng (ngày 30/6 tăng 3,63% so với đầu năm; cùng kỳ 2019: tăng 7,33%); tăng ổn định trở lại từ tháng 5 (T3: 1,13%; T4: 0,12%; T5: 0,53%; 30/6: 1,64%). Cơ cấu tín dụng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tín dụng phục vụ nhu cầu đời sống được kiểm soát chặt chẽ.

b) Ở cấp địa phương:

¹⁵Dịch tả lợn Châu Phi; Hạn hán, xâm nhập mặn tại ĐBSCL; Dịch Covid-19; Khó khăn đối với người trồng tiêu tại khu vực Tây Nguyên; Cho vay bình ổn thị trường.

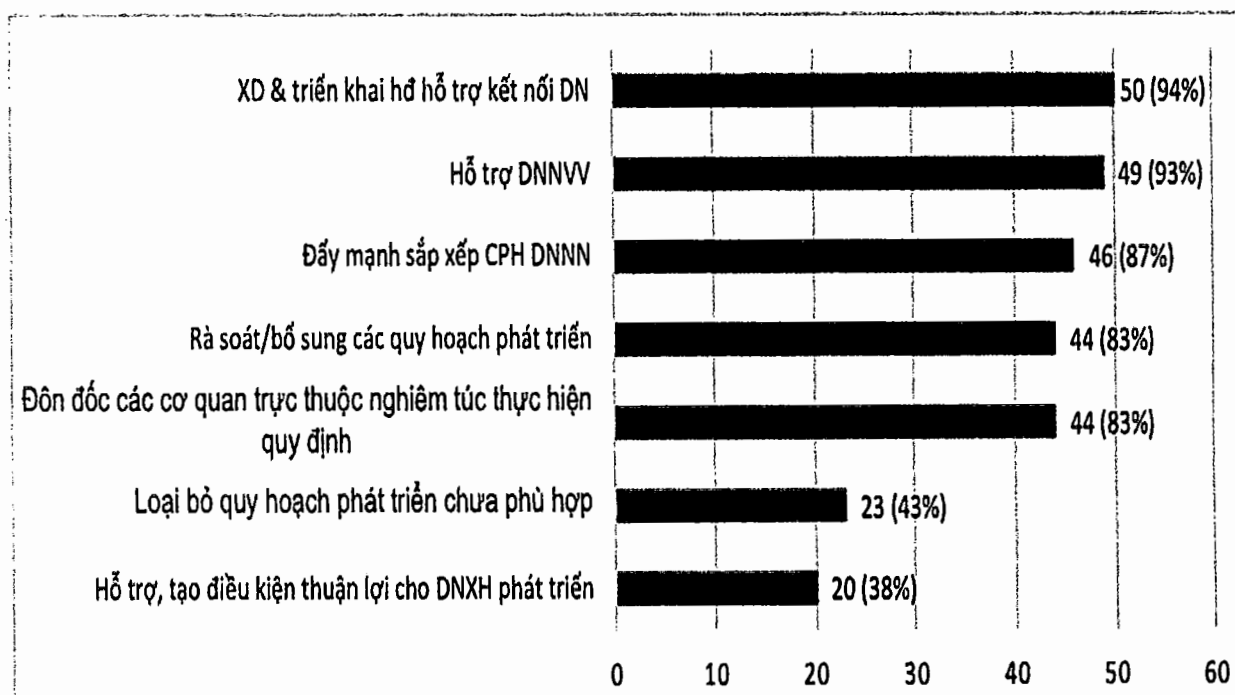
¹⁶(i) Kịp thời rà soát để điều chỉnh tăng hạn mức tăng trưởng tín dụng cho các TCTD để hỗ trợ các TCTD mở rộng tín dụng lành mạnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của nền kinh tế, góp phần khôi phục và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; (ii) Ban hành Thông tư 01/16 với nhiều cơ chế đột phá, tạo hành lang pháp lý rộng để TCTD tháo gỡ khó khăn về vốn vay cho khách hàng (cơ cấu lại nợ gốc và lãi, không chuyển nợ xấu, không bị tính lãi phạt; miễn, giảm lãi, phí; tiếp tục được vay vốn để sản xuất kinh doanh); (iii) Ban hành Chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 yêu cầu các TCTD đẩy mạnh hiệu quả các giải pháp hỗ trợ khách hàng; tiết giảm chi phí hoạt động để có điều kiện giảm lãi suất ở mức tối đa, chia sẻ khó khăn với khách hàng; (iv) Tổ chức 14 Hội nghị kết nối ngân hàng - doanh nghiệp trên toàn quốc và tiếp tục tổ chức để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho khách hàng

¹⁷Tăng trưởng tín dụng và GDP các năm lần lượt là: năm 2016: 18,25% và 6,21%; năm 2017: 18,28% và 6,81%; năm 2018: 13,89% và 7,08%; năm 2019: 13,65% và 7,02%. Giai đoạn 2016-2019, tăng trưởng tín dụng bình quân là 16,02%/năm (giai đoạn 2011-2015: 13,45%/năm), tăng trưởng GDP bình quân là 6,78%/năm (giai đoạn 2011-2015: 5,9%/năm).

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của 55 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổng số tiền dành cho hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn 2016-2020 là gần 7.000 tỷ. Trong đó, phần lớn các địa phương tập trung thực hiện một số nhiệm vụ như sau: xây dựng và triển khai một số hoạt động hỗ trợ kết nối doanh nghiệp (94%), hỗ trợ DNNVV (93%), đẩy mạnh sắp xếp cổ phần hóa DN nhà nước (87%) (Chi tiết Hình 3).

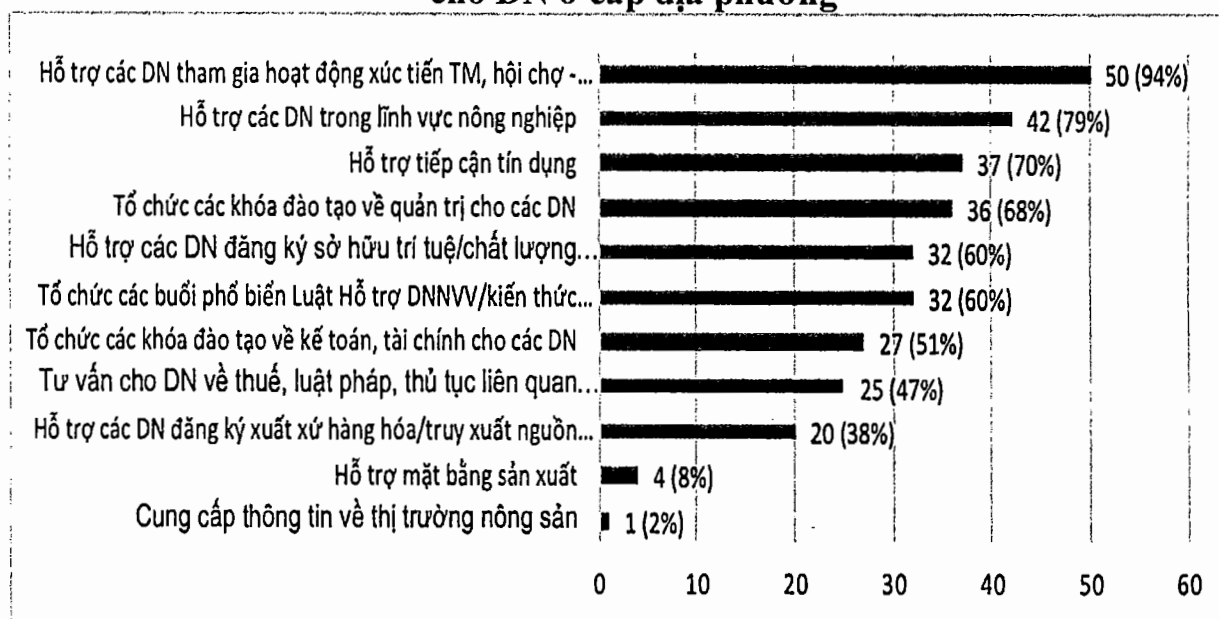
Trong nhóm các giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực nâng cao năng lực cạnh tranh: 94% địa phương thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, thị trường; 79% hỗ trợ doanh nghiệp trong nông nghiệp; 70% hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng; 68% hỗ trợ đào tạo về quản trị doanh nghiệp; 60% hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, quản lý chất lượng; 60% phổ biến hướng dẫn Luật Hỗ trợ DNNVV. Trong khi đó chỉ có 8% địa phương thực hiện giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp về tiếp cận mặt bằng sản xuất; 2% địa phương cung cấp thông tin về thị trường nông sản (Chi tiết Hình 4).

Hình 3: Tình hình triển khai nhóm giải pháp 3 của Nghị quyết 35/NQ-CP ở địa phương



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của 55 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Hình 4: Đánh giá tình hình triển khai các giải pháp để hỗ trợ, tạo điều kiện cho DN ở cấp địa phương



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của 55 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

4. Giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp

- Về Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp:

Thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, trong năm 2019, nhiều Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện rà soát, trình Chính phủ bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh không rõ ràng, không cụ thể, không khả thi; xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý (Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bình Dương, Đồng Tháp, Tuyên Quang, v.v...).

- Về cắt giảm các khoản phí, lệ phí có liên quan đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp: Bộ Tài chính đã ban hành 17 Thông tư điều chỉnh mức thu phí, lệ phí do các Bộ, ngành quy định, trong đó dự kiến bỏ quy định thu 06 khoản phí và 04 khoản lệ phí (được chi tiết thành 17 dòng phí, lệ phí); điều chỉnh giảm mức phí đối với 21 khoản phí và 02 khoản lệ phí (được chi tiết thành 47 dòng phí, lệ phí) với mức giảm khoảng từ 5% - 25% so với mức hiện hành; cá biệt có một số khoản phí điều chỉnh mức giảm lớn hơn.

- Về xây dựng chính sách tiền lương linh hoạt, trả lương theo năng suất, chất lượng công việc: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã rà soát, đề xuất các chính sách lao động, tiền lương phù hợp với năng suất lao động, bảo hiểm xã hội

theo mức của ASEAN 4, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người sử dụng lao động và người lao động.

- Về rà soát chi phí cầu đường: Bộ Giao thông vận tải đã cơ bản hoàn thành phương án điều chỉnh giá dịch vụ BOT của 55 dự án BOT đã có giá trị quyết toán. Các bất cập tại trạm thu phí cũng được xử lý quyết liệt và hiện nay, một phần các bất cập tại các trạm thu phí đã cơ bản được giải quyết. Tuy nhiên, tại một số trạm thu phí mặc dù Bộ Giao thông vận tải phối hợp các bộ, ngành, địa phương và nhà đầu tư triển khai tất cả các biện pháp xử lý, khắc phục bất cập nhưng vẫn chưa thể xử lý dứt điểm. Bộ Giao thông vận tải đang tiếp tục tổng hợp và sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ có giải pháp xử lý dứt điểm đối với các trạm thu phí này.

- Về cải cách kiểm tra chuyên ngành (KTCN): Cải cách quản lý, kiểm tra chuyên ngành là nội dung có ý nghĩa đối với thúc đẩy tạo thuận lợi thương mại bởi trong tổng thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới, thì thời gian doanh nghiệp thực hiện các thủ tục về quản lý, kiểm tra chuyên ngành chiếm 72%. Do đó, yêu cầu về cải cách quản lý, kiểm tra chuyên ngành là mục tiêu trọng tâm hàng năm của Chính phủ; được nêu tại nhiều Nghị quyết của Chính phủ (như Nghị quyết số 19, Nghị quyết số 02, các Nghị quyết phiên họp Chính phủ các năm 2015-2019,...) và thể hiện rõ qua các Hiệp định thương mại tự do.

Với những chỉ đạo mạnh mẽ, quyết liệt và thường xuyên của Chính phủ, công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành đã đạt được một số kết quả nhất định. Tỷ lệ hàng hóa kiểm tra chuyên ngành trong giai đoạn thông quan đã giảm từ 30-35% (năm 2015) xuống còn khoảng 19,1% (10 tháng đầu năm 2019). Tính đến tháng 10 năm 2019 các mặt hàng thuộc diện quản lý và kiểm tra chuyên ngành giảm 12.600 mặt hàng (từ 82.698 năm 2015 xuống còn 70.087). Bên cạnh việc cắt giảm danh mục, một số ít Bộ ngành cũng đã triển khai các giải pháp như: thay đổi phương thức kiểm tra, áp dụng quản lý rủi ro (ví dụ, lĩnh vực an toàn thực phẩm, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật,...), đa số mặt hàng đã được chuyển thời điểm kiểm tra từ giai đoạn trước thông quan sang sau thông quan. Các Bộ, ngành tiếp tục rà soát, cắt giảm 50% số mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành và thực hiện việc công khai đầy đủ danh mục này. Đồng thời, Chính phủ cũng chỉ đạo các Bộ rà soát quyết liệt để giảm sự chồng chéo về đầu mối đối với các mặt hàng cần kiểm tra chuyên ngành.

5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp

a) Ở cấp Trung ương:

- Thời gian qua, Chính phủ đã tích cực rà soát và hoàn thiện khung pháp luật liên quan đến sở hữu tài sản và bảo vệ quyền sở hữu tài sản; bảo đảm quyền tự do hợp đồng và thực thi hiệu lực các hợp đồng; bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình

đăng và kiểm soát độc quyền kinh doanh tiếp tục được bổ sung, sửa đổi để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) vừa được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 với nhiều điểm mới, tạo bước đột phá trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, trong đó góp phần nâng hạng chỉ số Bảo vệ cổ đông thiểu số. Khung khổ pháp lý về quản trị doanh nghiệp đã tiếp cận theo chuẩn mực quản trị quốc tế. Đó là mở rộng mức độ, phạm vi quyền của cổ đông nhằm tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình và khởi kiện trong trường hợp người quản lý lạm dụng địa vị, quyền hạn gây thiệt hại cho công ty và cổ đông; mở rộng quyền tiếp cận thông tin của cổ đông về tình hình hoạt động của công ty; tạo thuận lợi hơn cho cổ đông thực hiện quyền khởi kiện người quản lý... Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) quy định, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (trước đây là 10%) có quyền xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính, yêu cầu triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong một số trường hợp... Luật cũng bãi bỏ quy định về thời gian sở hữu “ít nhất 6 tháng liên tục” nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Để cải thiện chỉ số Giải quyết tranh chấp hợp đồng và Giải quyết phá sản doanh nghiệp, Bộ Tư pháp đã triển khai một số giải pháp như: (i) Công khai thủ tục hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự; (ii) Triển khai thống nhất cơ chế một cửa, hỗ trợ trực tuyến thi hành án dân sự; (iii) Đề xuất xây dựng phần mềm đấu giá trực tuyến tài sản trong thi hành án dân sự.

Các quy định pháp luật liên quan đến đầu tư, sản xuất kinh doanh được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các Hiệp định tự do thương mại và các cam kết quốc tế khác, ví dụ như các luật để thực thi CPTPP: Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Lao động, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Kinh doanh bảo hiểm.... Các Bộ, ngành với đầu mối là Bộ Tư pháp thường xuyên rà soát, đề xuất với Chính phủ các giải pháp trong quá trình thẩm định, rà soát pháp lý để vận dụng hợp lý các quy định linh hoạt trong các cam kết quốc tế để bảo vệ tối đa lợi ích của Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam, ví dụ các quy định có lợi như: quy định về bản quyền trong sở hữu trí tuệ khi xem xét phê chuẩn CPTPP, hoặc quy định về biện pháp khẩn cấp khi thực thi chương Kiểm dịch động thực vật của Hiệp định CPTPP.

- Về việc xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, tình trạng những nhiều doanh nghiệp: Công tác xây dựng thể chế về thanh tra được Chính phủ đặc biệt

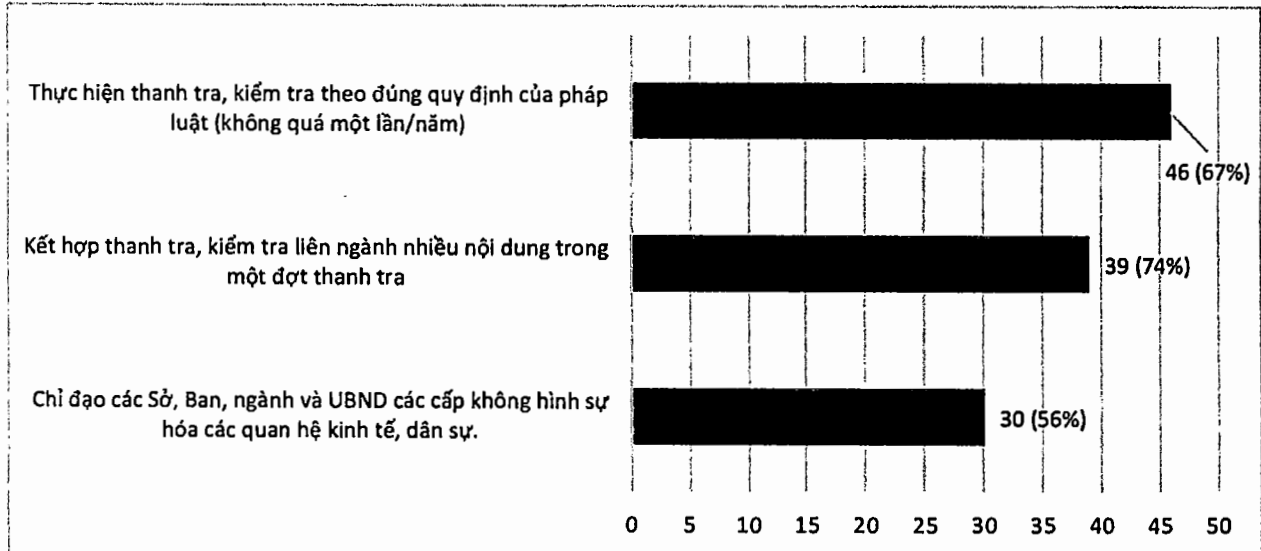
quan tâm, chỉ đạo sát sao. Trong 5 năm qua, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua 02 dự án Luật¹⁸, ban hành 03 Nghị định. Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 Chỉ thị, 01 Đề án, 01 Quyết định và 06 Thông tư do Thanh tra Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành hướng dẫn quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy cơ quan thanh tra các cấp...Đồng thời, nhiệm vụ sửa đổi Luật Thanh tra 2010 đã được Quốc hội đồng ý đưa vào chương trình xây dựng luật năm 2021. Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp. Chỉ thị là căn cứ quan trọng góp phần hạn chế tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động giữa các cơ quan thanh tra với nhau và giữa các cơ quan thanh tra với các cơ quan chức năng khác, đặc biệt là với Kiểm toán Nhà nước.

Ngày 22/4/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Đây là bước tiến đột phá so với giai đoạn trước khi các doanh nghiệp mất nhiều thời gian, công sức để tiếp quá nhiều đoàn kiểm tra trong một năm, ảnh hưởng đến tâm lý, hoạt động kinh doanh. Chỉ đạo kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã làm hạn chế đáng kể vấn đề nhũng nhiễu, gây phiền hà đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp.

b) Ở cấp địa phương:

Theo báo cáo của các địa phương: thực hiện rà soát thường xuyên thời gian, đối tượng, kế hoạch thanh tra hằng năm kịp thời phối hợp và xử lý, không để xảy ra việc chồng chéo. Đồng thời, quán triệt toàn thể cán bộ, công chức khi triển khai tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra phải thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường tuyên truyền pháp luật về thanh tra cho mọi đối tượng để thực hiện. Tỷ lệ khá cao các địa phương (67%) thực hiện thanh tra, kiểm tra không quá 1 lần/năm đối với doanh nghiệp; 74% địa phương kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra. Có 56% địa phương chỉ đạo các Sở, ban, ngành và UBND các cấp không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự (Chi tiết Hình 5).

¹⁸ Luật Tổ chức 2018, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018

Hình 5: Tình hình thực hiện thanh tra, kiểm tra ở cấp địa phương

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của 55 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

6. Tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, ứng phó với dịch Covid-19 của doanh nghiệp

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, với tinh thần chủ động, sáng tạo, đồng hành cùng doanh nghiệp, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành kịp thời ban hành các chính sách, giải pháp nhằm tháo gỡ bước đầu các khó khăn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện duy trì và sớm phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh, sớm tận dụng cơ hội sau khi hết dịch để vực dậy nền kinh tế và phát triển nhanh, bền vững. Nhờ các biện pháp phòng chống dịch chính xác, hiệu quả, chi phí thấp và sự điều hành kinh tế vĩ mô chủ động, linh hoạt và quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, kinh tế Việt Nam tiếp tục là điểm sáng trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam là một trong số ít quốc gia đã thành công trong kiểm soát dịch Covid-19, đồng thời giữ ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì mức tăng trưởng dương: GDP năm 2020 ước đạt 2-3%. Niềm tin về môi trường kinh doanh và triển vọng kinh tế của doanh nghiệp và nhà đầu tư trong trung và dài hạn về cơ bản được duy trì tốt. Một số cơ hội và xu hướng kinh doanh mới dựa trên chuyển đổi số, kinh tế số, thương mại điện tử được đẩy mạnh triển khai và bước đầu phát huy được lợi thế. Cụ thể:

Để hỗ trợ nền kinh tế, chia sẻ gánh nặng và khó khăn với các doanh nghiệp ngay trong lúc dịch còn đang diễn ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện ngay 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, hướng tới các đối tượng là các doanh nghiệp, người lao động bị mất việc làm có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng, góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội.

Các ngành ngân hàng, tài chính, công thương, giao thông vận tải... đã kịp thời triển khai các giải pháp như giảm lãi suất, cơ cấu lại nợ, miễn giảm phí dịch vụ, thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi; gia hạn, giãn, hoãn các khoản phải nộp của doanh nghiệp về thuế, tiền thuê đất; cắt giảm chi phí cho các doanh nghiệp, giảm giá điện, giá xăng dầu, giá dịch vụ... với tổng giá trị quy đổi ước tính khoảng 330 nghìn tỷ đồng, tương đương gần 14 tỷ USD.

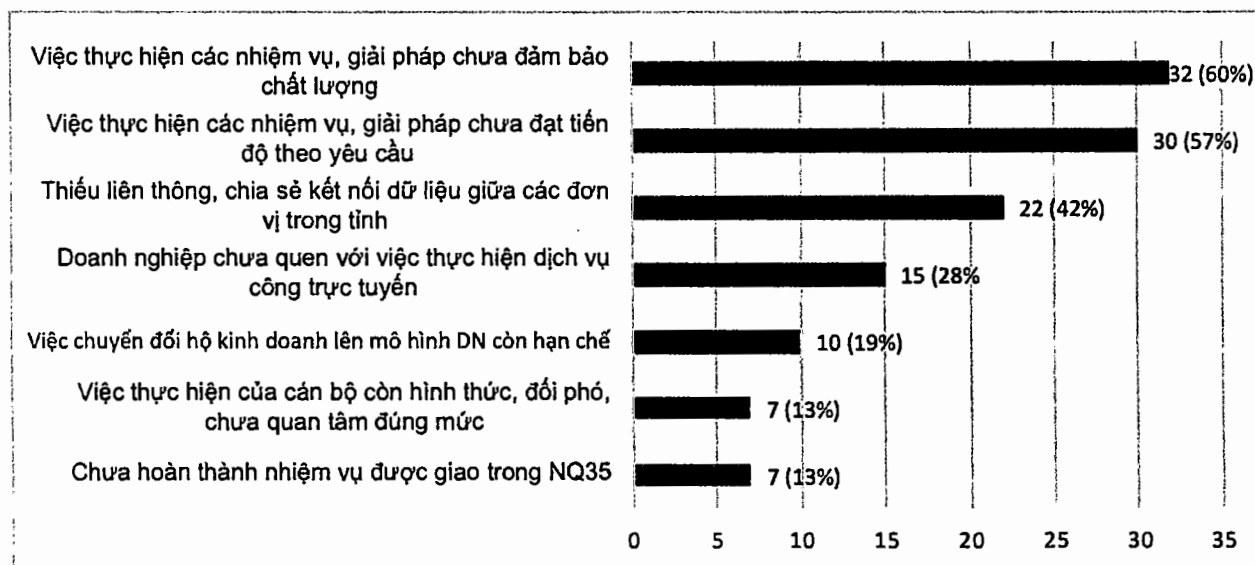
Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 07/4/2020 cho phép gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất cho các đối tượng là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trong một số ngành nghề chịu tác động nặng nề, trực tiếp của dịch Covid-19, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, trong đó Nhà nước chia sẻ trách nhiệm với doanh nghiệp trong việc bảo đảm cuộc sống cho người lao động.

Ngày 09/5/2020, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị với doanh nghiệp (Hội nghị được truyền hình trực tiếp và trực tuyến tới cộng đồng gần 800 nghìn doanh nghiệp và nhân dân cả nước) nhằm khích lệ động viên tinh thần doanh nhân nỗ lực vượt khó, kịp thời nắm bắt, lắng nghe các kiến nghị, đề xuất của cộng đồng doanh nghiệp; ngày 29/5/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết 84/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Hiện nay, các Bộ, ngành và địa phương đang tích cực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao.

Trong quý II năm 2020, Chính phủ đã trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH) ban hành 04 Nghị quyết (gồm: Nghị quyết của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác; Nghị quyết của UBTVQH về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân (TNCN); Nghị quyết của UBTVQH về mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay đến hết ngày 31/12/2020). Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất.

B. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp và đạt kết quả tích cực như đã nêu ở trên, tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của cộng đồng doanh nghiệp. Cụ thể:

Hình 6: Các tồn tại, hạn chế chủ yếu

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của 55 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Các cải cách về xếp hạng môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh vẫn còn ở mức độ còn thấp so với các nước khác trong khu vực và quốc tế. Theo Chỉ số xếp hạng môi trường kinh doanh năm 2020 do Ngân hàng Thế giới công bố, Việt Nam chỉ xếp thứ 70/190 nền kinh tế, đứng thứ 5 trong ASEAN về thuận lợi trong kinh doanh. Vị trí xếp hạng này cách khá xa Malaysia và Thái Lan, gần ngang bằng với vị trí của Ấn Độ và Indonesia là hai quốc gia mà các nhà đầu tư quốc tế đều coi là quốc gia chưa thuận lợi về môi trường kinh doanh (Theo Chỉ số xếp hạng môi trường kinh doanh năm 2020 do Ngân hàng Thế giới công bố: Malaysia xếp thứ 12, Thái Lan xếp thứ 21, Indonesia xếp 73, Ấn Độ xếp thứ 63). Năng lực đổi mới công nghệ, hấp thụ công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong nước còn nhiều hạn chế.

- Các doanh nghiệp vẫn liên tục có các phản ánh, kiến nghị liên quan tới thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, sự mâu thuẫn, không rõ ràng giữa các quy định pháp lý, chưa tiếp cận với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước... Một số lĩnh vực cắt giảm điều kiện kinh doanh chưa thực chất và chưa công bố công khai minh bạch, chưa so sánh cụ thể các thủ tục doanh nghiệp cần thực hiện trước và sau khi cắt giảm; vẫn còn gần 20% số doanh nghiệp được khảo sát cho biết vẫn bị thanh, kiểm tra 02 lần/năm¹⁹. Đặc biệt trong bối cảnh khó khăn bởi Covid-19, doanh nghiệp phải áp dụng nhiều biện pháp để tồn tại và cầm cự sản xuất như giảm giờ làm, cắt giảm lao động... chưa thể xoay xở được nguồn tiền để nộp các khoản phí, khoản tiền như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, các doanh nghiệp phản ánh họ không những không được chia

¹⁹ Khảo sát của VCCI năm 2019

sẽ khó khăn mà vẫn tiếp tục nhận được các yêu cầu thanh tra vì nợ đọng các khoản phải nộp.

- Một số giải pháp về chính sách mặc dù đã được cấp có thẩm quyền ban hành nhưng chưa thực sự đi vào cuộc sống: Ưu đãi thuế thu nhập DN cho các DN nhỏ và vừa; ưu đãi về tín dụng, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp mới ở những bước đầu, các hỗ trợ chuyên sâu còn hạn chế. ... do chưa có sự đồng nhất giữa các Luật; hoặc do thiếu nguồn lực để triển khai, công tác thực thi còn chưa hiệu quả.

- Công tác giải đáp kiến nghị của doanh nghiệp còn chậm và chưa giải quyết được triệt để các vướng mắc của doanh nghiệp vì nhiều vướng mắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc phải sửa đổi quy định pháp luật. Phần lớn đường dây nóng thành lập ở các địa phương chủ yếu phục vụ trả lời thủ tục hành chính của người dân, không có nhiều địa phương thiết lập đường dây nóng trả lời phản ánh kiến nghị của doanh nghiệp riêng. Theo báo cáo của VCCI (2018)²⁰ và kết quả một số khảo sát độc lập gần đây, việc tiếp nhận và phản hồi qua đường dây nóng và hộp thư điện tử không mang lại nhiều hiệu quả đối với phản ánh kiến nghị từ doanh nghiệp²¹.

- Công tác báo cáo một số Bộ ngành, địa phương còn thực hiện chưa nghiêm túc: ví dụ: một số tỉnh, thành phố không có báo cáo hàng quý, năm và tổng kết tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết, đa số các địa phương gửi báo cáo hàng quý chậm so với thời hạn quy định (tính đến thời điểm báo cáo mới có 19 Bộ ngành và 55 địa phương gửi Báo cáo tổng kết Nghị quyết 35/NQ-CP). Nội dung báo cáo chủ yếu mang tính liệt kê các văn bản, chương trình đã ban hành thay vì cần đánh giá kết quả thực hiện và tác động của các giải pháp đối với cộng đồng doanh nghiệp. Do đó, công tác tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết gặp nhiều khó khăn.

C. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 35/NQ-CP

Theo báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội doanh nghiệp, một

²⁰ VCCI, Australian AID, và Aus4Reform (2018), Thực hiện Nghị quyết 19 và Nghị quyết 35 về cải thiện Môi trường kinh doanh và phát triển doanh nghiệp, Góc nhìn từ doanh nghiệp, Hà Nội.

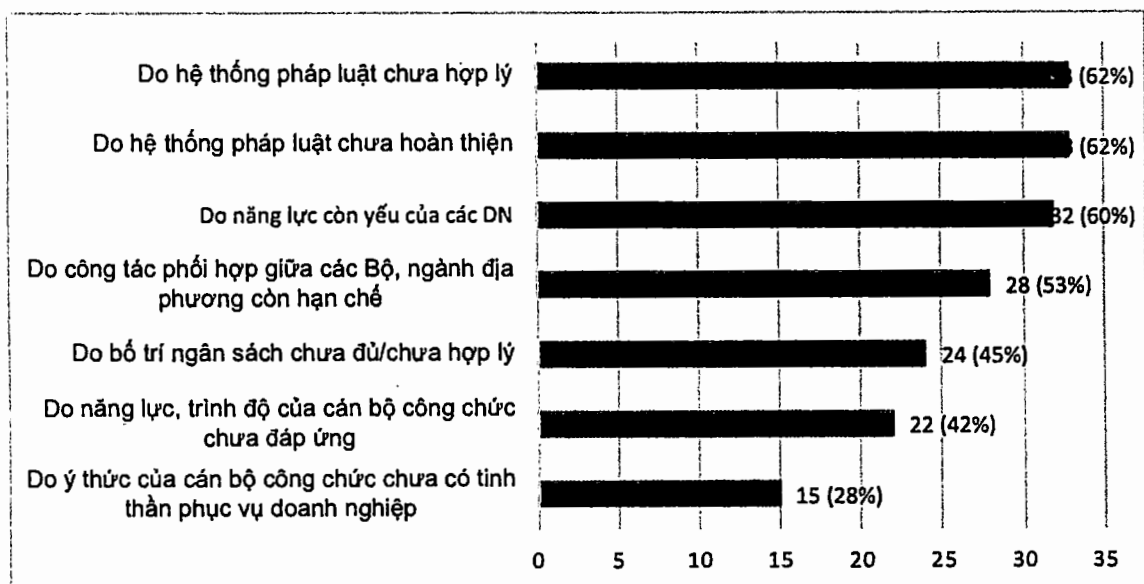
²¹ Theo khảo sát đánh giá của chuyên gia tư vấn USAID-LinkSME (2020): 63 tỉnh, thành đều công bố số "hotline" để tiếp nhận phản ánh của người dân, DN nhưng: Chỉ có 38/63 tỉnh (60%) thành công trong lần gọi thứ nhất; Tổng số cuộc gọi thành công (có công chức/cán bộ trả lời): 46/63 tỉnh (tương đương với 73%); 10/46 cuộc gọi thành công (22%) có cán bộ/công chức trả lời với thái độ nhiệt tình (Bắc Kạn, Bình Phước, Điện Biên, Đồng Nai, Hải Phòng, Phú Yên, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Thành phố Hồ Chí Minh, Trà Vinh). 63 tỉnh, thành đều có mục hỏi đáp trực tuyến để hỗ trợ người dân, trong đó: 48% dễ tìm qua website (nhìn thấy ngay trên giao diện trang chủ Cổng TTĐT tỉnh); 43% tương đối dễ tìm; 9% rất khó tìm. Sau 10 ngày đội ngũ khảo sát độc lập gửi đi cùng 1 câu hỏi tới 63 tỉnh, thành (qua kênh trực tuyến đó) đề nghị hướng dẫn thủ tục thành lập DN, thì không nhận được phản hồi hay hướng dẫn từ tỉnh nào cả.

số nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống quy quy phạm pháp luật chưa hoàn thiện, chưa hợp lý; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành còn yếu kém, năng lực các cấp thực thi cũng nhiều hạn chế

Một nguyên nhân quan trọng khác đó chính là do năng lực còn yếu của khu vực doanh nghiệp Việt Nam, chưa đủ sức để hấp thụ các chính sách hỗ trợ: thông tin sổ sách kế toán, tài chính chưa minh bạch, tư duy và tầm nhìn còn ngắn hạn. Một số bộ phận doanh nghiệp tư duy chộp giật, không chú trọng xây dựng và bảo vệ uy tín, thương hiệu với đối tác, khách hàng, sợ rủi ro, không mạnh dạn đầu tư vào công nghệ...

Do quy mô nhỏ bé nên doanh nghiệp tư nhân Việt Nam gặp phải những hạn chế cố hữu, như công nghệ lạc hậu, nguồn vốn hạn chế, trình độ quản lý thấp, nguồn nhân lực nhỏ bé cả về lượng và chất. Đa số các DNTN có cách thức quản lý, quản trị mang tính gia đình, chưa có tầm nhìn, chiến lược kinh doanh dài hạn và thiếu sản phẩm mũi nhọn có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đa số các DN thuộc khu vực kinh tế tư nhân có quy mô nhỏ/thậm trí siêu nhỏ nên khả năng tích tụ và tập trung vốn để đầu tư, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất...hầu như không có.

Hình 7 : Kết quả khảo sát các nguyên nhân chủ yếu gây ra tồn tại, hạn chế trong thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của 55 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện dẫn đến việc triển khai các giải pháp chính sách trên thực tế bị vướng mắc, tác động của các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu. (ví dụ: hỗ trợ về đất đai, về thuế, vườn ươm, khu làm việc chung, cấp bù lãi suất...)

Mặc dù cơ chế chính sách ban hành nhiều, tương đối đầy đủ, song chậm được triển khai đã làm mất đi tính cơ hội, lạc hậu với tình hình thực tiễn, nên phải điều chỉnh, bổ sung nhiều, đã ảnh hưởng đến hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân (do không tiếp cận được các ưu đãi từ các chính sách đã ban hành).

Các chính sách khuyến khích đầu tư còn riêng rẽ, manh mún, mới tập trung ưu đãi đầu tư theo chiều rộng, chưa tạo được tác động mong muốn đối với mục tiêu chính sách. Do thực hiện cơ chế quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo lãnh thổ, dẫn đến cùng một đối tượng điều chỉnh song phải tuân thủ nhiều văn bản khác nhau theo dõi, quản lý thực hiện. Chính cơ chế này đã làm cho doanh nghiệp rất khó tìm hiểu nắm bắt và tiếp cận các ưu đãi do chính sách quy định. Một số chính sách ưu đãi chưa đủ hấp dẫn để khuyến khích doanh nhân đầu tư vốn kinh doanh ở các vùng khó khăn và kém lợi thế

- Trong một thời gian dài, các chính sách hầu như chỉ tập trung, quan tâm đến việc thành lập nhiều doanh nghiệp mà chưa quan tâm đúng mức đến việc phát triển chất lượng cho lực lượng doanh nghiệp Việt Nam. Doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là các tập đoàn tư nhân lớn, không được đặt đúng vai trò chức năng trong cơ cấu lực lượng phát triển khi cạnh tranh toàn cầu và phát triển kinh tế hiện đại. Các DN FDI và DNNN được hưởng nhiều ưu đãi, tồn tại cơ chế xin-cho quá lâu kéo theo lãng phí nguồn lực, các chủ thể kinh tế như các DN khu vực tư nhân, DNNVV luôn yếu thế trong việc được phân bổ nguồn lực nhà nước để hoạt động sản xuất-kinh doanh.

- Công tác phối hợp, Cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ DN giữa các Bộ ngành, giữa Trung ương và địa phương chưa hiệu quả. Hệ thống cơ quan, tổ chức thực hiện hỗ trợ DN từ Trung ương đến địa phương chưa được hình thành đầy đủ, nhất quán. Ý thức của cán bộ, công chức chưa có tinh thần phục vụ doanh nghiệp. Năng lực, trình độ và số lượng cán bộ công chức chưa đáp ứng yêu cầu công việc.

Thực tiễn hiện nay, hầu như mỗi một bộ/ngành độc lập triển khai các chính sách/chương trình của mình, thiếu sự liên kết với các chương trình khác để có thể tập trung cho một nhóm doanh nghiệp trọng điểm để phát triển thành các doanh nghiệp có quy mô lớn hơn và có tác động lan tỏa tới các doanh nghiệp khác.

Hơn nữa, năng lực của các đơn vị đầu mối thực hiện trợ giúp DNNVV còn yếu và thiếu. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những yếu kém, tồn tại khiến cho việc thực hiện các chính sách trợ giúp phát triển DNNVV chưa thực sự hiệu quả.

- Do bố trí ngân sách chưa đủ để triển khai thực hiện các chính sách giải pháp hỗ trợ DN

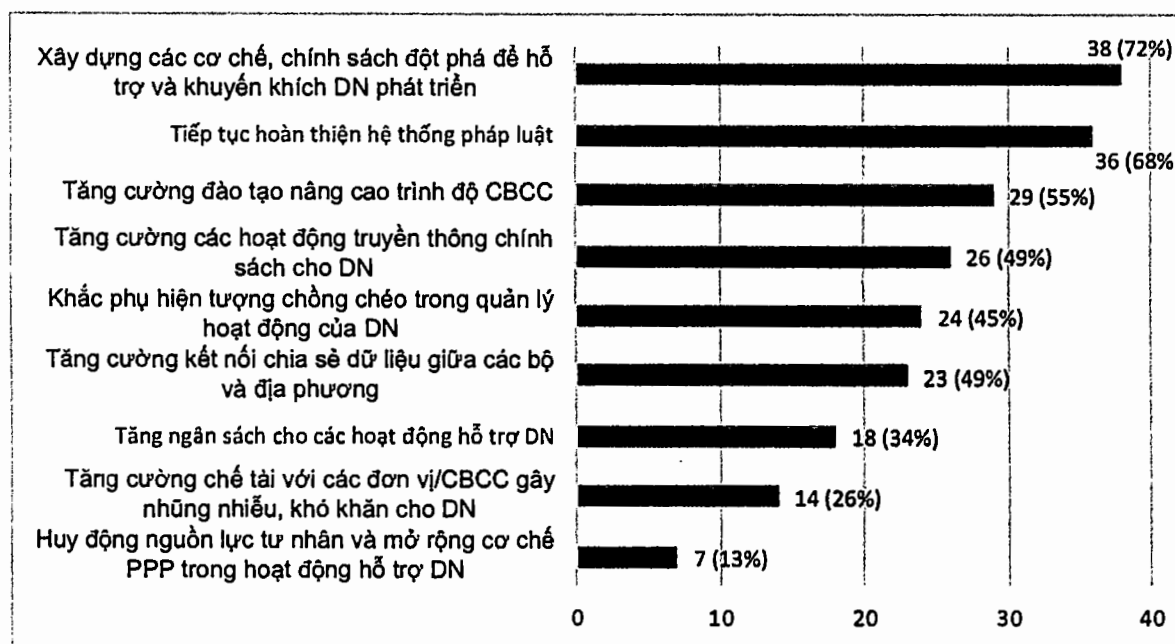
Mặc dù có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ DN khu vực tư nhân trong thời gian vừa qua, tuy nhiên, nguồn lực dành cho hoạt động hỗ trợ (bao gồm cả

nguồn lực từ nhà nước và các nguồn lực huy động khác trong nền kinh tế) chưa tương xứng với tiềm năng của khu vực này. Tình trạng chung hiện nay của hầu hết các chương trình, kế hoạch hỗ trợ DN khu vực tư nhân là không xác định rõ được nguồn lực triển khai các giải pháp hoặc nếu có thì cũng không đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng DN.

Luật Hỗ trợ DNNVV tuy đã được triển khai từ 1/1/2018, báo cáo đánh giá 2 năm thi hành Luật của các Bộ, ngành và địa phương cho thấy, nguồn lực để triển khai các chính sách hỗ trợ còn hạn chế dẫn đến các địa phương chưa chủ động bố trí được kinh phí hỗ trợ theo quy định. Đa số các địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình hoặc đề án hỗ trợ DNNVV theo quy định tại Luật nhưng chưa bố trí được kinh phí triển khai, trong khi nguồn lực trung ương cũng chưa chủ động được để tập trung vào triển khai một số chính sách trọng tâm.

Theo phản ánh của các địa phương và hiệp hội doanh nghiệp, định mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho DNNVV còn chưa đảm bảo yếu tố thị trường, dẫn đến các chương trình hỗ trợ chưa có chất lượng cao, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn cần hỗ trợ của doanh nghiệp.

Hình 8: Các đề xuất kiến nghị chủ yếu của các địa phương



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của 55 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo tiếp tục tăng, minh chứng cho việc duy trì đầu tư của nhà nước, các doanh nghiệp cho KH-CN và đổi mới sáng tạo, tạo môi trường thuận lợi về thể chế, trình độ kinh doanh, tín dụng tiếp tục ở mức cao. Từ việc đầu tư đầu vào, các chỉ số đầu ra của Việt Nam cũng tiếp tục được duy trì và tăng.

Do đó, mục tiêu hằng năm có khoảng 30 - 35% doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động ĐMST đã đạt được và có thể tăng lên trong giai đoạn tới với những nỗ lực cải cách của Chính phủ.

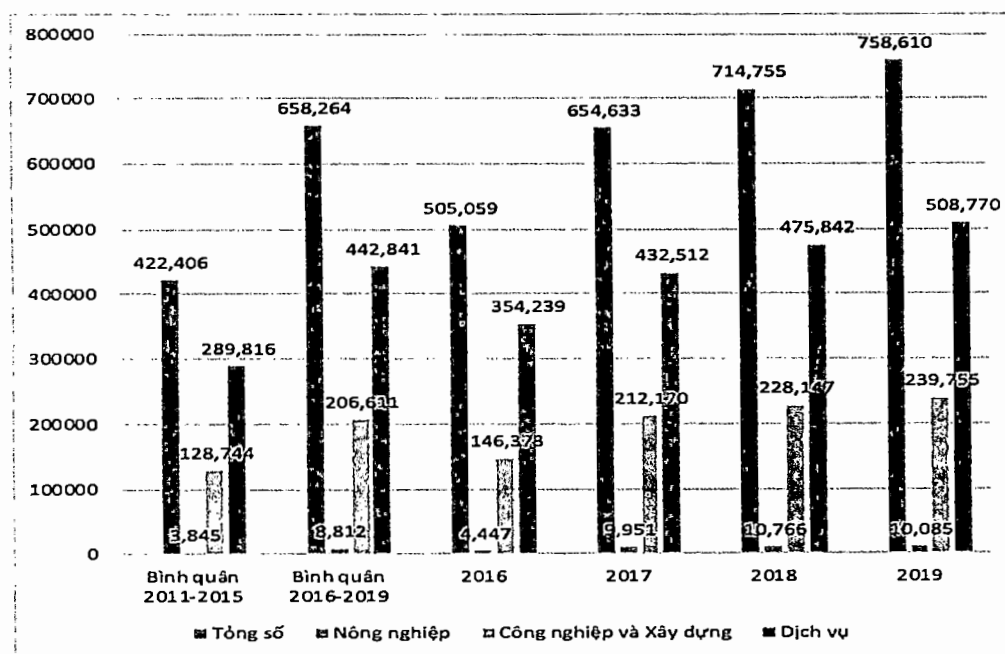
2. Nhóm mục tiêu chưa hoàn thành

2.1. Mục tiêu về số lượng doanh nghiệp hoạt động

Mục tiêu: đến năm 2020, cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động, trong đó có các doanh nghiệp có quy mô lớn, nguồn lực mạnh.

Tính đến ngày 31/12/2019, cả nước có 758.610 doanh nghiệp²⁵ đang hoạt động, tăng 6,1% so với cùng thời điểm năm 2018. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (khu vực I) có 10.085 doanh nghiệp (chiếm 1,3% số doanh nghiệp của cả nước), khu vực công nghiệp và xây dựng (khu vực II) có 239.755 doanh nghiệp (chiếm 31,6%) và khu vực dịch vụ (khu vực III) có 508.770 (chiếm 67,1%). Ước tháng 10/2020, có khoảng 795 nghìn doanh nghiệp hoạt động, đến hết năm²⁶. Như vậy, chỉ tiêu có được 1 triệu DN hoạt động vào năm 2020 là không đạt được.

Hình 9: Số doanh nghiệp đang hoạt động tính đến thời điểm 31/12 hằng năm theo ngành kinh tế



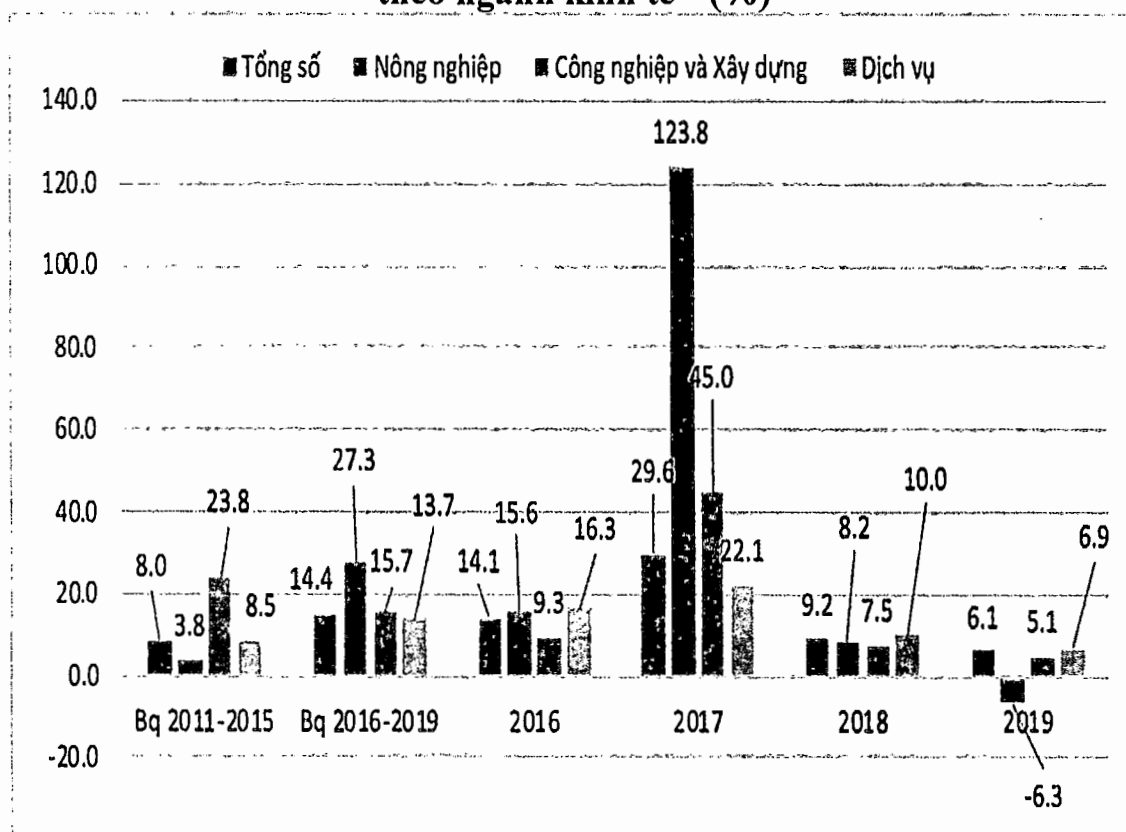
Nguồn: Niên giám thống kê 2015, 2017, 2019

²⁵ Sách trắng doanh nghiệp 2020 – Tổng cục Thống kê

²⁶ Theo số liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Số doanh nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2019 là 658.264 doanh nghiệp, tăng 55,8% so với bình quân giai đoạn 2011-2015 (Hình 9). Tốc độ tăng doanh nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2019 là 14,4%, tăng khoảng 80% so với bình quân giai đoạn 2011-2015 (8,0%). Tính theo ngành kinh tế, bình quân giai đoạn 2016-2019, tốc độ tăng doanh nghiệp đang hoạt động của khu vực I là cao nhất, đạt 27,3%, tiếp đó là khu vực II là 15,7% và khu vực III là 13,7%. Trong giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng bình quân của số doanh nghiệp trong khu vực công nghiệp và xây dựng là cao nhất, 23,8% (Hình 10).

Hình 10: Tốc độ tăng doanh nghiệp đang hoạt động ở thời điểm 31/12 theo ngành kinh tế²⁷ (%)

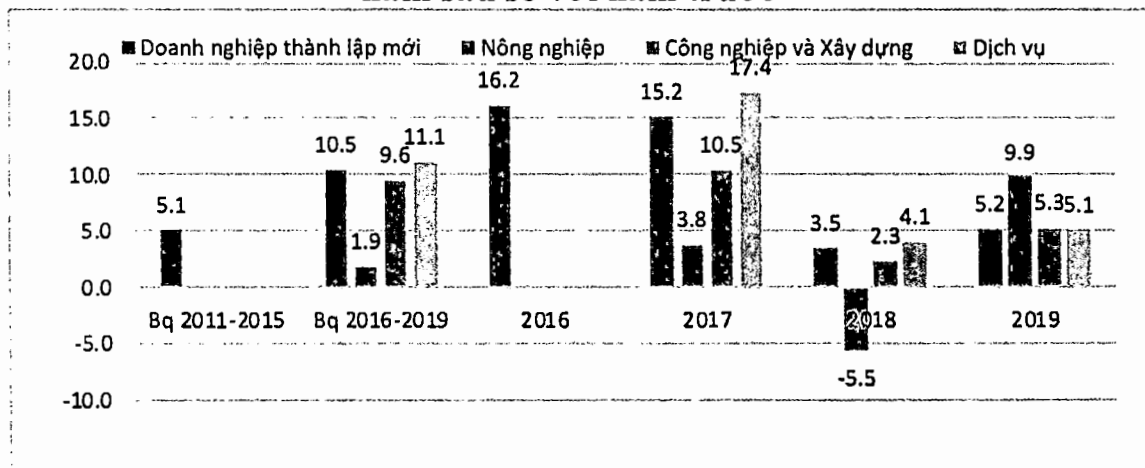


Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu thống kê Niên giám thống kê 2015, 2017 và 2019

Về tốc độ tăng doanh nghiệp thành lập mới bình quân giai đoạn 2016-2019 gấp hai lần so với tốc độ này giai đoạn 2011-2015. Tốc độ tăng doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản (khu vực I) thành lập mới thấp nhất, trung bình giai đoạn 2016-2019 là 1,9%. Tuy nhiên tốc độ tăng số doanh nghiệp của khu vực này trong giai đoạn 2016-2019 lại cao nhất (27,3%) (Hình 2). Nguyên nhân có thể do các doanh nghiệp trong khu vực I có tỷ lệ giải thể/tạm ngừng kinh doanh thấp trong hai năm 2016 và 2017 (Hình 11).

²⁷ Số liệu năm từ 2016 đến 2019 là tốc độ tăng năm sau so với năm trước

Hình 11: Tốc độ tăng doanh nghiệp thành lập mới theo ngành kinh tế năm sau so với năm trước²⁸



Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu thống kê Niên giám thống kê 2015, 2017 và 2019

Số doanh nghiệp năm 2015 là 442.485, với mục tiêu đến năm 2020 có 1 triệu doanh nghiệp thì tốc độ tăng trưởng số doanh nghiệp hoạt động bình quân phải đạt 17,7%/năm. Trong giai đoạn 2016-2019, tốc độ tăng số doanh nghiệp đang hoạt động là 15% (Hình 2) và tốc độ tăng số doanh nghiệp thành lập mới là 8% (Hình 3), cả hai con số này đều thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng cần đạt được. Mặc dù thì tốc độ này tăng cao trong hai năm đầu 2016 - 2017 nhưng lại có xu hướng đi xuống trong hai năm cuối 2018 - 2019²⁹. Hiện nay, số lũy kế doanh nghiệp thành lập mới là trên 1 triệu doanh nghiệp, tuy nhiên số doanh nghiệp đóng cửa, rút lui khỏi thị trường còn cao. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp ngừng hoạt động và giải thể tăng đột biến trong năm 2018. Tính đến ngày 20/12/2018, cả nước có 27.126 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, 63.525 doanh nghiệp ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể và 16.314 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Trong số 63.525 doanh nghiệp ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể có 44.730 doanh nghiệp ngừng hoạt động không đăng ký và 18.795 doanh nghiệp chờ giải thể. Đối với 18.795 doanh nghiệp chờ giải thể thì có 18.100 doanh nghiệp (chiếm tỷ lệ 96,3%) là những doanh nghiệp đã ngừng hoạt động từ những năm trước đây, được xếp vào tình trạng chờ giải thể sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh, phối hợp cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan thực hiện kế hoạch rà soát, làm sạch dữ liệu trong năm 2018.

Đặc biệt, do ảnh hưởng của đại dịch Covid19 diễn ra từ đầu năm 2020 tới nay, việc doanh nghiệp thành lập mới cũng sẽ gặp khó khăn còn số doanh nghiệp

²⁸ Bình quân giai đoạn 2011-2015 tính dựa vào Sách trắng Doanh nghiệp Nhỏ và vừa năm 2017 của Cục Phát triển Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Năm 2016, chỉ so sánh số liệu tổng số doanh nghiệp do trong báo cáo thống kê Tình hình đăng ký doanh nghiệp 2015 không có số liệu chi tiết theo ngành.

²⁹ Điểm lưu ý trong giai đoạn này Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) được ban hành tháng 6/2017, có hiệu lực từ 1/1/2018 với mục tiêu hỗ trợ DNNVV duy trì và phát triển. Số liệu phản ánh Luật Hỗ trợ DNNVV chưa thực sự có tác động lớn đến việc tăng số lượng doanh nghiệp đang hoạt động nói chung và số lượng doanh nghiệp thành lập mới nói riêng.

giải thể, đóng cửa chờ giải thể có xu hướng tăng lên. Do đó **mục tiêu 1 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2020 là không đạt.**

Một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Tại thời điểm năm 2016, khi nghiên cứu xây dựng mục tiêu 1 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2020, Chính phủ kỳ vọng với các nhóm giải pháp và nhiệm vụ tại Nghị quyết 35/NQ-CP sẽ giúp đạt được mục tiêu này. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy đa số các chính sách, giải pháp mới dừng ở việc ban hành các quy định, văn bản quy định pháp luật, chưa đi vào cuộc sống. Mức độ tiếp cận, thụ hưởng chính sách hỗ trợ của các doanh nghiệp còn hạn chế. Hộp thư điện tử, đường dây nóng trả lời doanh nghiệp ở các địa phương hầu như không hoạt động. Doanh nghiệp gửi câu hỏi đến nhưng sau mấy tháng không thấy có thông tin phản hồi.

Đặc biệt chính sách khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp chưa đủ hấp dẫn, do đó số lượng doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh còn rất khiêm tốn. Trong khi đó, đây là khu vực này đã được kỳ vọng sẽ bổ sung một lực lượng lớn cho khu vực doanh nghiệp.

Bên cạnh đó do tác động của dịch bệnh Covid-19, số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn gia tăng đột biến: tăng gần 82% so với cùng kỳ năm 2019, cao hơn gấp 3,7 lần so với mức tăng trung bình của cả giai đoạn 2015-2019. Trung bình mỗi tháng đầu năm 2020 có 8.701 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 27,2% so với trung bình 9 tháng đầu năm 2019. Trong khi đó số doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng năm 2020 đạt mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua (gần 99 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới).

Do vậy, trong thời gian tới cần đẩy mạnh triển khai hiệu quả các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, nâng cao sức cạnh tranh để tồn tại và phát triển đóng góp cho tăng trưởng kinh tế.

2.2. Mục tiêu về đóng góp của khu vực tư nhân Việt Nam vào GDP

Mục tiêu đến năm 2020, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam đóng góp 48-49% GDP.

Tỷ lệ số doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam (DN ngoài nhà nước) so với tổng số doanh nghiệp trung bình giai đoạn 2016 - 2019 không khác nhiều so với giai đoạn 2011 - 2015. Số doanh nghiệp này hiện chiếm khoảng hơn 96% số doanh nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm (Bảng 1).

Mặc dù chiếm đa số về số lượng nhưng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2019 chỉ dao động trong khoảng 43% GDP (Hình 12), **không đạt được mục tiêu đóng góp 48-49% GDP.** Điều này cho thấy, vẫn còn rất nhiều dư địa để phát triển sự đóng góp của khu vực này vào nền kinh tế, đặt ra bài toán lớn cho các chiến lược và chính sách giai đoạn tới.

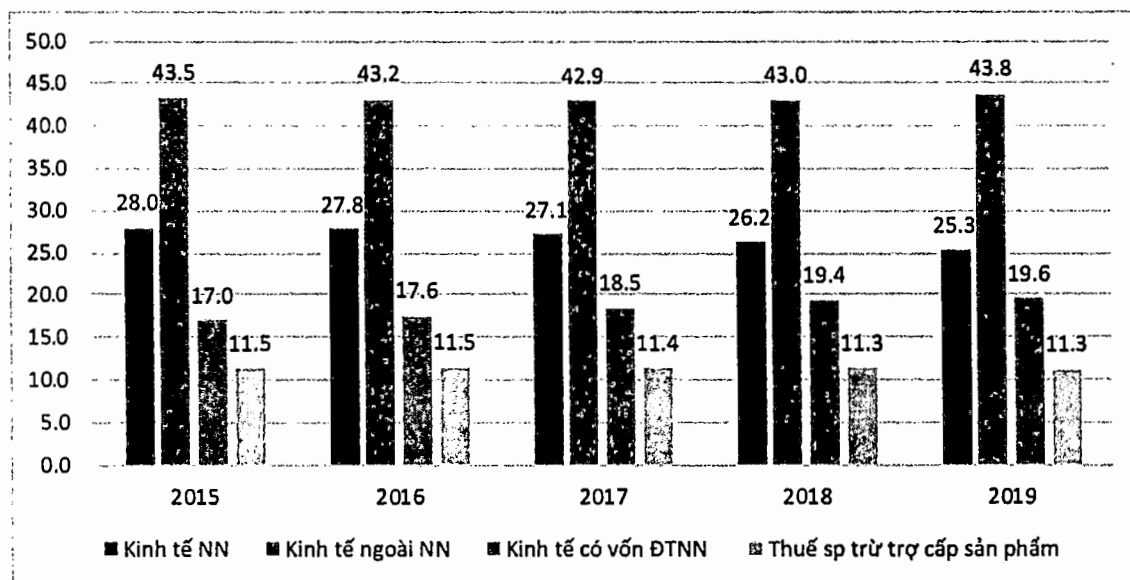
Bảng 1: Cơ cấu doanh nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh tại 31/12 hằng năm phân theo loại hình sở hữu (%)

Tỉ lệ số lượng DN theo loại hình SH	Bình quân 2011-2015	Bình quân 2016-2019	2016	2017	2018
DNNN	0,8	0,4	0,5	0,4	0,4
DN ngoài nhà nước	96,5	96,8	96,7	96,7	96,9
DN nước ngoài	2,7	2,8	2,8	2,9	2,8

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu thống kê Niên giám thống kê 2015, 2017 và 2019

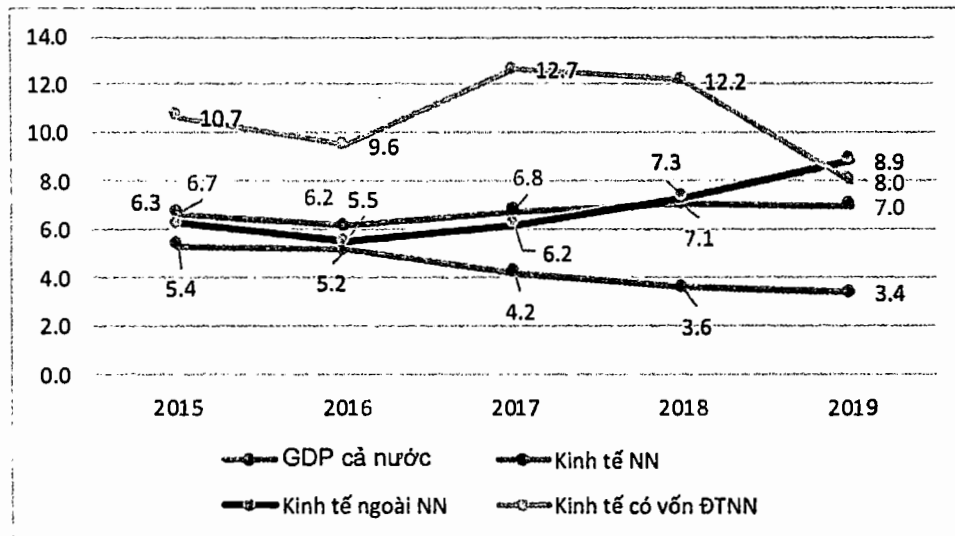
Tuy nhiên, một điểm sáng cần ghi nhận trong giai đoạn 2016 - 2020 là tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực kinh tế ngoài nhà nước không phải cao nhất, nhưng chỉ thấp hơn tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Hình 13). Xu hướng tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực này có chiều hướng đi lên và trong hai năm 2018-2019, tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP cả nước lần lượt là 7,3% và 8,9%. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực kinh tế Nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lại có xu hướng đi xuống rõ rệt. Nếu duy trì được xu hướng tăng và có mức tăng đột phá thì mục tiêu đóng góp 48-49% GDP của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam có thể sớm đạt được trong thời gian tới.

Hình 12: Đóng góp vào GDP theo giá so sánh 2010 phân theo thành phần kinh tế (%)



Nguồn: Niên giám thống kê 2015, 2019

Hình 13: Tốc độ tăng GDP theo giá so sánh 2010 phân theo thành phần kinh tế (%)



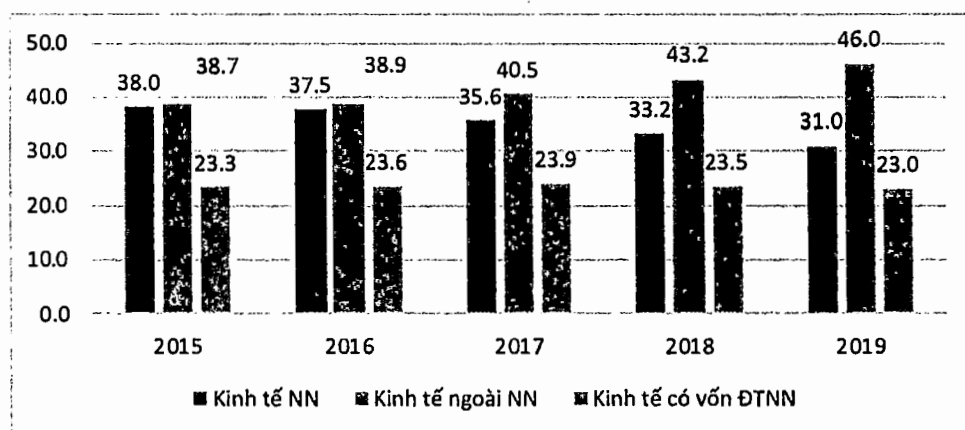
Nguồn: Niên giám thống kê 2015, 2019

2.3. Mục tiêu về đóng góp của khu vực tư nhân Việt Nam vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội

Mục tiêu đến năm 2020, khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp khoảng 49% vốn đầu tư toàn xã hội.

Năm 2015, khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam mới đóng góp khoảng 39% vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Tỷ lệ đóng góp này liên tục tăng theo thời gian đạt 43,2% vào năm 2018 và 46% vào năm 2019. Đây là tín hiệu tốt cho thấy nguồn lực trong dân đang được huy động và ngày càng tăng cho đầu tư toàn xã hội. Tuy nhiên, bước sang năm 2020, hoạt động đầu tư kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Do đó, mục tiêu khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp 49% vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội là khó có thể đạt được.

Hình 14: Cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội theo giá so sánh 2010 phân theo thành phần kinh tế (%)



Nguồn: Niên giám thống kê năm 2015, 2019

IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

A – Bối cảnh khu vực, toàn cầu và thực trạng doanh nghiệp Việt Nam trong đại dịch Covid-19 và dự báo tình hình doanh nghiệp trong giai đoạn 2021-2025

1. Bối cảnh kinh tế, xã hội khu vực, toàn cầu do tác động của đại dịch Covid-19

1.1. Sự ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Với sự phát triển nhanh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0), theo dự báo, các quốc gia và doanh nghiệp có cơ hội để đảo ngược sự suy giảm năng suất cũng như rào cản về nguồn lực. Trên đà đó, doanh nghiệp Việt Nam có nhiều lợi thế để thúc đẩy tăng trưởng.

Cuộc CMCN 4.0 diễn ra trên 3 lĩnh vực chính gồm công nghệ sinh học, kỹ thuật số và vật lý. Những yếu tố cốt lõi của kỹ thuật số trong cuộc CMCN 4.0 (trí tuệ nhân tạo, kết nối vạn vật, dữ liệu lớn) dự kiến sẽ tạo ra những bước nhảy vọt trong nhiều lĩnh vực, tạo ra nhiều cơ hội cho các DN nhưng cũng mang lại nhiều thách thức cho DN khi phải thay đổi phương thức quản lý, sản xuất, sử dụng nguồn lực để thích nghi. Đặc biệt, trong lĩnh vực sản xuất, cuộc CMCN 4.0 sẽ biến đổi nhiều mô hình sản xuất và kinh doanh, làm thay đổi toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị trong các ngành sản xuất.

Giai đoạn 2021-2030 sẽ tiếp tục chứng kiến sự thay đổi của nhiều phương thức, mô hình kinh doanh. Với sự hình thành và phát triển của mô hình kinh tế chia sẻ ở cuối giai đoạn trước (2019-2020), kinh tế chia sẻ đã và đang giúp tối ưu hóa nguồn lực thông qua việc dùng chung hàng hóa và dịch vụ dư thừa năng suất. Đây chính là những yếu tố khiến mô hình nền kinh tế chia sẻ có những tiềm năng phát triển lớn mạnh hơn nữa trong tương lai, không chỉ là một thị trường ngách hay một hiện tượng nhất thời mà là tương lai của môi trường kinh doanh toàn cầu.

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, kinh tế chia sẻ vẫn còn là một lĩnh vực khá mới mẻ và chưa được khai thác tối đa. Hầu hết các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chia sẻ đều mới chỉ đang ở trong bước ngoặt đầu tiên của cả chặng đường dài, trong khi năng lực công nghệ và động lực của người tiêu dùng dịch vụ này vẫn còn đang trong quá trình lớn mạnh. Việt Nam sẽ vẫn là thị trường tiềm năng cho sự phát triển của các mô hình kinh doanh mới.

1.2. Hội nhập và thực thi các FTAs.

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam tiếp tục được đẩy nhanh với một loạt các Hiệp định đa phương và song phương đã được ký kết và có hiệu lực ở cuối giai đoạn trước, đặc biệt là Hiệp định CPTPP và Hiệp định thương mại Việt Nam – EU (EVFTA) được kỳ vọng sẽ đảm bảo tạo điều kiện tốt nhất cho việc phát triển quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia trong khối.

Việc công bố Khung chính sách kinh tế Việt Nam (ngày 5/12/2018) với mục tiêu phát triển dài hạn dựa trên các trụ cột (1) Thịnh vượng kinh tế, bền vững môi trường, (2) Công bằng và hoà nhập xã hội và (3) Nhà nước hiệu quả và trách nhiệm giải trình là điều kiện thuận lợi – như một cam kết hành động để phát triển kinh tế trong thời gian tới. Trong đó, mục tiêu hiện đại hoá nền kinh tế và phát triển kinh tế tư nhân, phát triển năng lực đổi mới sáng tạo đã được nêu rõ trong trụ cột thứ nhất.

Môi trường kinh doanh Việt Nam sẽ tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ khi Việt Nam buộc phải thực hiện các cam kết trong Hiệp định CPTPP về cải thiện môi trường kinh doanh, đồng thời Chính cũng phủ sẽ tiếp tục nỗ lực để củng cố một Chính phủ “kiến tạo” nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp sẽ có những tác động tích cực đến các hoạt động kinh tế của khu vực doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn tiếp theo, theo đó khu vực tư nhân - động lực mới cho tăng trưởng, sẽ có cơ hội vươn lên mạnh mẽ.

Các FTAs mới được ký kết và chính thức có hiệu lực sẽ tạo lợi thế cho các DN Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. DN cần tập trung nghiên cứu các quy định mới này để có thể tận dụng cơ hội trong giai đoạn hiện nay.

1.3. Quản lý nhà nước hướng tới một nền quản trị hiện đại, trực tuyến, kiến tạo cho DN.

Giai đoạn 2016-2020, đặc biệt từ năm 2018 trở đi, chính quyền các cấp từ Trung ương tới địa phương đã có đạt được nhiều kết quả bước đầu quan trọng làm nền tảng trong triển khai xây dựng Chính phủ điện tử. Hành lang pháp lý trong ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử đã dần được thiết lập. Do đó, bước sang giai đoạn 2021-2030, Chính phủ sẽ tiếp tục kế thừa, phát huy những thành quả đạt được, đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu của quản lý nhà nước hiện đại, tinh gọn và hiệu quả, từng bước hiện thực hóa quyết tâm xây dựng Chính phủ kiến tạo, phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ người dân, doanh nghiệp nhất là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Chính phủ sẽ đẩy mạnh các hành động để hoàn thiện nền tảng cho phát triển Chính phủ điện tử hướng tới nền kinh tế số, xã hội số và nâng cao năng lực, hiệu quả của tổ chức bộ máy Chính phủ.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn 5 năm, 10 năm tới, Việt Nam sẽ tiếp tục nỗ lực để sớm đạt được mục tiêu vào nhóm ASEAN 4, thông qua đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, lấy doanh nghiệp là động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế.

1.4. Ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán, dịch bệnh

Sản xuất nông nghiệp của nước ta thường xuyên chịu tác động của thời tiết diễn biến bất thường mưa đá, mưa rào tại các địa phương phía Bắc; hạn hán, xâm nhập mặn xuất hiện sớm và lần sâu ở phía Nam gây ảnh hưởng lớn tới đời sống của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Dịch tả lợn

châu Phi, cúm giá cầm, lở mồm long móng khiến các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến các sản phẩm nông nghiệp gặp nhiều khó khăn.

1.5. Thách thức và thời cơ từ tác động của dịch bệnh Covid -19

Từ cuối năm 2019 và bước sang năm 2020, sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng rất lớn tới việc xây dựng các mục tiêu kinh tế-xã hội cũng như mục tiêu về phát triển DN của Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch 5 năm 2021-2025.

(i) Một số nguy cơ và thách thức

- Mặc dù hiện nay, tình hình dịch bệnh trong nước bắt đầu có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên trên thế giới, dịch bệnh vẫn còn đang diễn biến hết sức phức tạp, kéo dài, đặc biệt các nước là đối tác thị trường quan trọng của Việt Nam như Mỹ, Nhật Bản, châu Âu,... Do đó, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị vẫn chưa thể khắc phục ngay trong thời gian tới, sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng lớn tới các DN, đặc biệt những DN có đầu vào, đầu ra phụ thuộc vào thị trường quốc tế, tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu như dệt may, da giày, du lịch, hàng không, nhà hàng, khách sạn, logistics,...

- Qua năm bất tình hình thực tiễn và phản ánh của cộng đồng DN, thời gian qua đã có nhiều nhà hàng, khách sạn, DN đang rao bán, chuyển nhượng. Nếu tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp trên thế giới, hiện tượng mua bán, sáp nhập DN trong thời gian tới sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn, nguy cơ các DN tiềm năng của Việt Nam (DN có quy mô vừa và lớn, đã có thị phần nhất định, có vai trò dẫn dắt một số ngành kinh tế quan trọng) có thể sẽ bị thâu tóm bởi các nhà đầu tư nước ngoài với giá rẻ.

- DN khu vực tư nhân Việt Nam phần lớn hoạt động thương mại (69% tổng số DN hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ), khi cung cầu đều giảm sẽ nhanh chóng ngừng hoạt động hoặc giải thể, phá sản.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các quốc gia đang tìm cách giảm thiểu phụ thuộc vào một thị trường, dẫn đến thay đổi dòng thương mại toàn cầu, làm suy giảm các thị trường mới nổi phụ thuộc vào xuất nhập khẩu. Các FDI lớn có xu hướng chuyển dịch chuỗi vào những quốc gia an toàn, ổn định hơn. rà soát, xây dựng lại hệ thống DN cung cấp nguyên vật liệu để tăng tính chủ động.

(ii) Cơ hội để doanh nghiệp phục hồi, phát triển bứt phá

- Hiện nay, uy tín và vị thế của Việt Nam đang được cộng đồng quốc tế đánh giá cao qua những thành công đạt được từ công cuộc phòng, chống đại dịch Covid-19 vừa qua. Đây là cơ hội “vàng” để thế giới biết tới Việt Nam với lợi thế đặc biệt về “sự tin cậy chiến lược”, là điểm đến đầu tư an toàn và sẵn sàng đón nhận các dòng vốn chuyển dịch tới Việt Nam.

- Trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 vẫn đang có những diễn biến rất phức tạp tại nhiều quốc gia trên thế giới, thì việc kiểm soát tốt dịch bệnh ở Việt

Nam đã tạo lợi thế rất lớn cho Việt Nam có thể đi trước một bước trong công cuộc phục hồi nền kinh tế, thiết lập vị trí mới trên trường quốc tế.

- Tác động từ dịch Covid-19 tạo ra nhận thức mới, xu hướng chuyển dịch trong thị hiếu tiêu dùng, giao dịch thương mại mới trên nguyên tắc từ xa, hạn chế tiếp xúc; xuất hiện các ngành nghề kinh doanh trực tuyến mới dựa trên kinh tế số... tạo ra thay đổi về cầu đối với một số sản phẩm, dịch vụ thiết yếu như chế biến thực phẩm; y tế, hoá dược phẩm, chuyển đổi số, e-logistics ..; đem lại cơ hội thị trường mới cho các DN Việt Nam có thể tận dụng để tái cơ cấu sản xuất, hình thành các chuỗi giá trị mới và phát triển bứt phá.

- Đây là cơ hội để các DN Việt Nam nhìn nhận, sát hạch lại năng lực thực sự, sức chống chịu, trước biến cố thị trường, an ninh phi truyền thống; rà soát, đánh giá, cơ cấu lại nguồn nguyên vật liệu, khách hàng và tìm ra hướng đi mới chủ động hơn, xây dựng phương án đổi mới mô hình sản xuất, chiến lược kinh doanh mới nhanh chóng nắm bắt tín hiệu, nhu cầu mới của thị trường;

- Thời điểm này cũng chính là dịp để các doanh nghiệp Việt Nam có thể tập trung đổi mới trang thiết bị, công nghệ với chi phí hợp lý hơn; đồng thời thúc đẩy liên kết, mạng lưới cung ứng trong nước, giảm lệ thuộc vào nước ngoài, nâng cao chất lượng, giảm giá sản phẩm dịch vụ để tận dụng cơ hội chiếm lĩnh và củng cố thị phần.

2. Thực trạng doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19

Từ đầu năm 2020 nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch Covid-19. Lực lượng doanh nghiệp (DN) là bộ phận quan trọng của nền kinh tế, hiện đang chịu rất nhiều tổn thất dịch bệnh. DN trong các nhóm ngành bị ảnh hưởng trực tiếp như du lịch, hàng không, hậu cần du lịch, nhà hàng, khách sạn, giáo dục,... đã rơi vào tình trạng “ngủ đông” trong nhiều tháng. Trong tình hình dịch bệnh, các DN phải đối mặt với “khó khăn kép”: vừa thiếu hụt nguyên liệu đầu vào, vừa bị giảm mạnh thị trường đầu ra tiêu thụ hàng hoá và xuất khẩu, nhất là các ngành hàng tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu như may mặc, da giày, điện tử, điện thoại, sản xuất ô tô³⁰,... Doanh thu của các DN trong quý I và II năm 2020 và dự báo cả năm 2020 bị sụt giảm mạnh, thậm chí thua lỗ. Các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư bị ngưng trệ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các quý, năm tiếp theo. Nhiều DN đã phải tạm dừng hoạt động, thu hẹp sản xuất, nhất là DN vừa và nhỏ.

Theo kết quả khảo sát gần 130.000 DN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện vào tháng 4 vừa qua (từ ngày 10/4 đến ngày 22/4/2020) cho thấy: Khoảng 86% DN bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19. Các DN có

30 Theo kết quả khảo sát gần 130.000 DN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê): Các DN thuộc nhóm ngành may mặc và da giày cần sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu, tỷ lệ DN thiếu hụt nguyên liệu lên tới 70,3% đối với ngành may mặc và 71,0% đối với ngành da giày. Ngành sản xuất các sản phẩm điện tử và sản xuất ô tô có tỷ lệ thiếu hụt nguyên vật liệu nhập khẩu lần lượt là 62,1% và 58,1%.

quy mô càng lớn thì tỷ lệ chịu tác động tiêu cực từ dịch Covid-19 càng cao. Một trong những khó khăn lớn nhất của các DN hiện nay là thiếu vốn, đặc biệt là vốn lưu động. Có trên 45% số DN đang bị thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, trong đó khu vực DN nhà nước là nhóm có tỷ lệ thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh cao nhất với gần 50% số DN. Theo ngành kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có tỷ lệ DN bị thiếu hụt vốn cao nhất với trên 51% số DN. Khó khăn về thị trường, nguồn thu, dòng tiền đã khiến nhiều DN buộc phải sử dụng các biện pháp liên quan đến lao động: gần 30% DN áp dụng giải pháp cắt giảm lao động; trên 21% DN cho lao động nghỉ không lương và gần 19% DN giảm lương lao động.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong một số ngành nghề bị sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019: Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống giảm 15%; dịch vụ du lịch lữ hành giảm 56,3%; vận chuyển hành khách giảm 29,6%, trong đó hàng không giảm 45,5% về lượng khách, 39,4% về lượng hàng hóa vận chuyển so với cùng kỳ năm 2019. Chỉ số hàng tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/9/2020 tăng 24,3% so với cùng thời điểm năm 2019. Kim ngạch xuất khẩu của một số mặt hàng đạt trên 1 tỷ đô bị giảm so với cùng kỳ năm 2019: hàng dệt may giảm 10,3%, giày dép giảm 8,8%, thủy sản giảm 3%, rau quả giảm 11%.

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài trong 9 tháng năm 2020 cũng bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19. Tính đến ngày 20/9/2020, tổng vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài giảm gần 20% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do các hoạt động xúc tiến đầu tư, tìm hiểu thị trường của các nhà đầu tư đã bị trì hoãn, bị hủy; thị trường đầu tư toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng do dịch Covid-19. Số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước giải ngân giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Khu vực DN nhà nước cũng đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Dự kiến doanh thu của 19 tập đoàn, tổng công ty thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN trong 03 tháng đầu năm 2020 giảm trên 27.000 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019. 07/19 tập đoàn, tổng công ty đã bắt đầu không cân đối được thu chi, tổng số lỗ ước tính gần 3.800 tỷ đồng. Dự kiến cả năm 2020, doanh thu của các tập đoàn, tổng công ty sẽ giảm khoảng 280.000 tỷ đồng so với kế hoạch; 08/19 tập đoàn, tổng công ty bị thua lỗ, tổng số lỗ ước tính trên 26.000 tỷ đồng; nộp ngân sách nhà nước (NSNN) dự kiến giảm gần 33.000 tỷ đồng so với kế hoạch.

Các số liệu về tình hình đăng ký DN trong 9 tháng đầu năm 2020 cũng cho thấy, những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của toàn bộ khu vực DN. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt gần 99 nghìn doanh nghiệp, giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2019 và thấp nhất trong giai đoạn 2015-2019. Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng 81,8% so với cùng kỳ năm 2019, cao hơn gấp 3,7 lần so với mức

tăng trung bình 21,9 giai đoạn 2015-2019. Trung bình mỗi tháng có 8.701 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 27,2% so với trung bình 9 tháng đầu năm 2019.

B- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

1. Quan điểm

- Đổi mới tư duy quản lý nhà nước về DN khu vực tư nhân, theo đó nhà nước coi DN vừa là khách hàng được phục vụ, vừa là đối tượng quản lý. Nhà nước bảo đảm sự ổn định, nhất quán, dễ dự báo của chính sách; ổn định kinh tế vĩ mô; cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng thuận lợi, an toàn và thân thiện. Nhà nước bảo đảm quyền bình đẳng cho tất cả các DN, không phân biệt loại hình, thành phần kinh tế trong cơ hội tiếp cận các nguồn lực như: vốn, tài nguyên, đất đai... và đầu tư kinh doanh.

- Phát triển DN khu vực tư nhân hiệu quả, bền vững, đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Khuyến khích phát triển DN khu vực tư nhân có quy mô vừa và lớn; xây dựng các thương hiệu mạnh của DN Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước.

- Kinh tế thế giới và Việt Nam đang đứng trước cuộc CMCN 4.0 và kinh tế số, do vậy, Nhà nước cần tạo môi trường thuận lợi cho DN khu vực tư nhân phát minh, đổi mới, sáng tạo và áp dụng mô hình kinh doanh, dịch vụ và sản phẩm chưa từng có tiền lệ và tiếp cận được tới các nguồn vốn có tính chất sáng tạo hơn là chỉ từ nguồn mang tính truyền thống là ngân hàng. Đồng thời, cần tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng giữa DN hoạt động trên các nền tảng công nghệ khác nhau.

2. Mục tiêu

Trên cơ sở mục tiêu về phát triển doanh nghiệp đến năm 2025 phấn đấu có 1,5 triệu doanh nghiệp (Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa); Mức độ tăng trưởng, phát triển của các doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 (tốc độ tăng số doanh nghiệp thành lập mới trung bình 10,5%/năm; tốc độ tăng trưởng các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn khoảng 4-5%/năm; năm 2020 trên thị trường chứng khoán hiện có 13 doanh nghiệp khu vực tư nhân vốn hóa trên 1 tỷ đô la Mỹ; khả năng tạo việc làm, mức độ đóng góp vào ngân sách nhà nước); đồng thời trên cơ sở phân tích cơ hội và thách thức đối với khu vực doanh nghiệp trong tình hình mới, đặc biệt diễn biến khó đoán định của dịch bệnh Covid-19 trong và ngoài nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất sơ bộ một số mục tiêu về phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 như sau:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam: có khoảng 1,3 - 1,5 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2025³¹; trung bình tốc độ gia tăng số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đạt khoảng 12-14%/năm giai đoạn 2021-2025. Số doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn đạt khoảng 60.000-70.000 doanh nghiệp vào năm 2025.

- Giai đoạn 2021-2025, doanh nghiệp Việt Nam có mức tăng trưởng bình quân số lao động đạt khoảng 6-8%/năm; tăng trưởng bình quân thu nhập của người lao động đạt khoảng 25-30%/năm; tăng trưởng bình quân mức đóng góp vào ngân sách nhà nước đạt khoảng 23-25%/năm.

- Có 15-20 doanh nghiệp khu vực tư nhân có vốn hóa trên thị trường chứng khoán đạt trên 1 tỷ đô la Mỹ vào năm 2025³².

3. Khuyến nghị về nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Nhóm giải pháp hỗ trợ DN sau tác động bởi dịch bệnh Covid-19:

(i) Nghiên cứu xu hướng chuyển dịch chuỗi giá trị, các ngành tiềm năng mới sau Covid-19 để hỗ trợ DN phát triển (dịch vụ trực tuyến, giảm thiểu tối đa tiếp xúc trực tiếp, các ngành/sản phẩm về y tế, sức khỏe...)

(ii) Hỗ trợ DN phục hồi, đổi mới mô hình kinh doanh, sản phẩm, phương thức kinh doanh để phù hợp với tình hình mới

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo Luật Hỗ trợ DNNVV và các Nghị định hướng dẫn.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị giai đoạn 2021-2025 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp đặc biệt là DNNVV; xem xét quy định tỉ lệ % tổng thu ngân sách từ khu vực doanh nghiệp hàng năm để tái đầu tư cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của các địa phương.

- Xem xét hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo cho chủ DN, hỗ trợ tư vấn tại DN giúp DN tái cơ cấu, phát triển sản xuất kinh doanh; hỗ trợ DN thực hiện đào tạo cho lao động để đáp ứng kế hoạch tái cơ cấu, chuyển đổi mô hình kinh doanh/sản phẩm.

- Có chính sách cấp bù lãi suất có thời hạn cho các DN nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ DN nhỏ và vừa để hỗ trợ DN phục hồi sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động.

³¹ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 “Về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”

³²Theo báo cáo tổng kết 20 năm thành lập Thị trường Chứng khoán Việt Nam: đến năm 2020 có 30 mã chứng khoán vốn hoá trên 1 tỷ đô la Mỹ, trong đó có 13 mã chứng khoán là DN khu vực tư nhân ở Việt Nam

- Theo dõi sát sao những thay đổi chính sách nhằm đối phó với ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại các thị trường chủ chốt của Việt Nam, kịp thời đưa ra giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng khôi phục hoạt động hợp tác đầu tư, kinh doanh ở nước ngoài.

(iii) Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Đẩy mạnh triển khai các chính sách, giải pháp khuyến khích DN áp dụng các mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới để phát triển các giải pháp công nghệ số, phục vụ đời sống, kinh tế xã hội; khuyến khích DN khu vực tư nhân ứng dụng khoa học công nghệ, khai thác cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0.

- Hỗ trợ phát triển các nền tảng thương mại điện tử; e-logistics, các ứng dụng công nghệ giao dịch thanh toán điện tử, fintech, mobile money,...

- Xây dựng chiến lược phát triển các trung tâm dữ liệu.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030; xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, đặc biệt là các DNNVV.

- Tăng chi tiêu của Chính phủ trong việc ứng dụng các giải pháp công nghệ số do DN Việt Nam phát triển nhằm thực hiện nhiệm vụ kép: vừa tạo thị trường cho DN công nghệ số Việt Nam phát triển, đồng thời cũng có các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19.

- Nghiên cứu giao hoặc đặt hàng các DN công nghệ số Việt Nam phát triển các giải pháp, nền tảng công nghệ số phục vụ phòng chống dịch và phục vụ các ngành, lĩnh vực thiết yếu: y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, chính phủ điện tử, chuyển đổi số trong quản lý,...

3.2. Nhóm giải pháp phát triển các DN có quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt trong một số ngành, tạo cực tăng trưởng mới cho phát triển kinh tế quốc gia (nghiên cứu các cơ chế chính sách chuyên biệt cho nhóm đối tượng này để tập trung nguồn lực phát triển)

- Nghiên cứu ban hành chính sách phát triển DN nhằm hình thành lực lượng DN có quy mô vừa và lớn, đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành kinh tế, tạo ra các sản phẩm chiến lược của quốc gia, khẳng định được thương hiệu Việt Nam trên trường quốc tế. Sản phẩm của những DN này cần được coi là sản phẩm quốc gia, thành công của những sản phẩm chủ lực này cũng chính là sự thành công của quốc gia; tạo thành xu hướng chuyển dịch từ “Made in Vietnam” tiến tới “Made by Vietnam”, khẳng định được thương hiệu Việt Nam trên trường quốc tế.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách mua sắm công ưu tiên đối với các sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất.

- Lựa chọn thí điểm và phát triển mô hình hỗ trợ về thể chế và kết cấu hạ tầng đối với một số dự án công nghiệp ưu tiên do khu vực kinh tế tư nhân trong

nước tiến hành trong một số lĩnh vực có lợi thế và tiềm năng của Việt Nam (chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, năng lượng, ICT...) có ảnh hưởng lan tỏa tích cực đến việc nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành.

- Nghiên cứu việc hình thành Liên đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam nhằm: (i) Phát huy tối đa sức mạnh và nguồn lực từ DN khu vực tư nhân cho phát triển kinh tế xã hội bền vững, góp phần cụ thể hóa một số nhiệm vụ quan trọng mà Đảng và Nhà nước giao phó; (ii) Liên kết các DNTN lớn trong nước hoặc DN khu vực tư nhân trong nước với DN có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam, các TĐ kinh tế lớn ở nước ngoài trong quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư và kinh doanh, qua đó làm tăng hiệu quả kinh tế theo quy mô của DN, thúc đẩy chuyên môn hóa sản xuất-phân phối; thúc đẩy sự phát triển của các DNNVV nội địa; (iii) Hình thành một lực lượng DN khu vực tư nhân lớn dẫn dắt một số ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của đất nước, qua đó tăng cường tính liên kết giữa DN lớn và DNNVV Việt Nam;

- Xây dựng và thực hiện chương trình thúc đẩy quốc tế hóa doanh nghiệp Việt Nam nhằm hỗ trợ doanh nghiệp có tiềm lực, tiềm năng chủ động hội nhập, mở rộng đầu tư kinh doanh ra thị trường thế giới thông qua hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài, liên doanh, liên kết, mua bán sáp nhập; tham gia niêm yết trên các sàn chứng khoán quốc tế như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Mỹ... nhằm huy động vốn nhanh hơn, hiệu quả hơn từ nhà đầu tư quốc tế.

- Có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích DN khu vực tư nhân đầu tư phát triển các cụm, khu công nghiệp, hệ thống kho bãi hiện đại, tiên tiến; tăng cường đầu tư công vào việc xây dựng, phát triển và đổi mới cơ sở hạ tầng như cảng biển, cảng hàng không, đường sá, hệ thống giao thông đường thủy nội địa, bến phà,... tạo tiền đề vững chắc để phát triển các ngành hậu cần logistics, đồng thời góp phần giảm chi phí lưu thông hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm Việt Nam, góp phần kích thích tăng trưởng kinh tế mở rộng đầu tư kinh doanh ra thị trường thế giới thông qua hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài, liên doanh, liên kết, mua bán sáp nhập, tham gia niêm yết trên các sàn chứng khoán quốc tế như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singaore, Mỹ,... nhằm huy động vốn nhanh hơn, hiệu quả hơn; tăng cường học tập kinh nghiệm, tiếp nhận công nghệ hiện đại, phương thức vận hành, quản lý và nhóm khách hàng từ nhà đầu tư quốc tế.

3.3. Nhóm giải pháp về thúc đẩy nghiên cứu - phát triển, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

- Tập trung nguồn lực hỗ trợ các dự án khởi nghiệp và DN khởi nghiệp sáng tạo; hình thành hệ thống Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia.

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý thúc đẩy khởi nghiệp, chú trọng khởi nghiệp sáng tạo trong một số ngành có lợi thế và tiềm năng.

- Vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; thành lập một số trung tâm khởi nghiệp, khu làm việc chung cấp vùng để hỗ trợ khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo tại một số địa phương.

- Hình thành sản giao dịch, chuyển nhượng riêng cho các doanh nghiệp start-up.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động để hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; Tập trung hợp tác theo chiều sâu với các cộng đồng khởi nghiệp trong và ngoài nước để thúc đẩy kết nối DN khởi nghiệp Việt Nam với DN khởi nghiệp các nước

- Cơ chế khuyến khích cho DN đầu tư vào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo: không hạn chế chi phí DN đầu tư vào các start-up, được tính vào chi phí khấu trừ thuế; thúc đẩy phong trào khởi nghiệp chú trọng vào tính sáng tạo và các ý tưởng mới, không hạn chế chi phí doanh nghiệp đầu tư vào các start-up, được tính vào chi phí khấu trừ thuế, hỗ trợ đổi mới về khoa học công nghệ, giúp đỡ các công ty cải tiến công nghệ nhất là doanh nghiệp mới thành lập; phát hiện, bồi dưỡng, tuyển dụng, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, vừa khai thác chất xám trong nghiên cứu vừa khuyến khích nâng cao tay nghề

3.4 Giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cho doanh nghiệp

- Xây dựng và hoàn thiện chính sách đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có tay nghề giỏi, kiến thức chuyên môn sâu, trình độ quốc tế và kinh nghiệm làm việc chuyên nghiệp. Cần tiếp tục tận dụng nhiều hơn nữa mạng lưới tri thức cao người Việt trong và ngoài nước, đang sống và làm việc ở rất nhiều nước phát triển trên thế giới, tạo thành cơ chế đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nhiều cấp bậc.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo các bộ chương trình chuyển giao từ các nước tiên tiến trên thế giới và tổ chức nhân rộng, bảo đảm hiệu quả; thúc đẩy sự gắn kết giữa DN với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Nghiên cứu đổi mới cơ chế khuyến khích phát triển các hình thức liên kết đào tạo giữa nhà trường với các cơ sở, DN; giáo dục ở bậc đại học cần gắn chặt với nhu cầu xã hội thông qua các đơn đặt hàng của các cơ sở thực tế, bảo đảm cân đối giữa các ngành, nghề

- Nghiên cứu xây dựng và triển khai Chương trình thu hút các chuyên gia trong và ngoài nước, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các hoạt động, chương trình đào tạo và nghiên cứu KHCN tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

- Ban hành cơ chế, chính sách, quy định cụ thể về liên kết, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giữa Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, trong đó có quy định rõ cơ quan Nhà nước có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy việc liên kết, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giữa cơ sở giáo dục nghề

ng nghiệp và doanh nghiệp; quyền lợi, trách nhiệm của Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong liên kết, hợp tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao sau đào tạo.

Thông qua chính sách này để tháo gỡ khó khăn trong quá trình đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực thời gian qua, đồng thời khai thác sử dụng, phát huy đúng mức nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

3.5. Nhóm giải pháp về tăng cường liên kết doanh nghiệp, tham gia chuỗi giá trị: giữa DN nhỏ và DN lớn, giữa DN trong nước và DN FDI

- Xác định các nhóm ngành hàng, nguyên vật liệu đầu vào bị thiếu hụt từ nhập khẩu và DN trong nước có khả năng sản xuất thay thế để định hướng cho DN dịch chuyển cơ cấu sản xuất thay thế nhập khẩu (để chủ động được nguyên vật liệu sản xuất trong chuỗi sản phẩm của các DN trong điều kiện giao thương bị hạn chế, không có nguồn nguyên vật liệu sản xuất tại một số ngành, lĩnh vực như hiện nay).

Có thể huy động các DN nhà nước có quy mô lớn thực hiện vai trò dẫn dắt, mở đường trong sản xuất ngành, lĩnh vực mới để đáp ứng yêu cầu này; tập trung vào các ngành sản xuất, chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp mũi nhọn.

- Khuyến khích các DN công nghiệp hỗ trợ trong nước, đặc biệt là các DN sản xuất các nguyên phụ liệu đầu vào cho một số ngành công nghiệp như dệt may, da giày (là các ngành phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu) tăng cường sản xuất, kết nối với các DN sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh (đặc biệt là các DN FDI) để đáp ứng một phần nhu cầu nội địa.

- Nghiên cứu ban hành quy định cụ thể danh mục các sản phẩm, chi tiết linh kiện, phụ kiện chỉ có các DN có quy mô nhỏ và vừa được sản xuất.

- Duy trì ổn định các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất Việt Nam có lợi thế như cao su, xơ, sợi,... Tập trung phát triển các loại vật liệu cơ bản như thép cán nóng, thép chế tạo, vải, các loại vật liệu mới để bảo đảm tự chủ nguồn nguyên vật liệu trong nước, thay thế một phần nguồn nhập khẩu.

- Phát triển mạnh các vùng sản xuất, các khu công nghiệp, khu kinh tế để chủ động hơn nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước; hạn chế xuất khẩu những mặt hàng trong nước có nhu cầu (như quặng sắt) nhằm tạo điều kiện cho DN trong nước phát triển sản xuất.

- Hỗ trợ hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng, chuỗi liên kết thuần Việt, trước hết là chuỗi cung ứng hàng nông sản, thực phẩm thiết yếu, tận dụng sức mua của thị trường nội địa, đẩy mạnh liên kết chuỗi, tăng cường liên kết giữa DN sản xuất với các DN phân phối, bán lẻ và đẩy mạnh liên kết trong toàn chuỗi cung ứng.

- Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để thu hút đầu tư từ DN trong nước và DN FDI vào sản xuất nguyên phụ liệu; xây dựng cơ chế thúc đẩy sự liên kết giữa DN sản xuất nguyên phụ liệu với các DN sản xuất sản phẩm tạo thành chuỗi liên kết khép kín, đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ.

3.6. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước đối với công tác phát triển doanh nghiệp

- Thực hiện nhất quán và triệt để cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tập trung giải quyết các điểm nghẽn, bất cập làm cản trở DN phát triển, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa mô hình kinh doanh mới và kinh tế truyền thống theo hướng rà soát, bãi bỏ các quy định về điều kiện kinh doanh không phù hợp với lĩnh vực kinh doanh truyền thống để thích nghi với sự đa dạng và phát triển nhanh của nền kinh tế số, trong đó có kinh tế chia sẻ.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động có hiệu quả các hộ kinh doanh đủ điều kiện chuyển đổi lên doanh nghiệp để góp phần tăng số lượng doanh nghiệp trong giai đoạn tới; đồng thời nghiên cứu xây dựng quy định cụ thể chế tài đối với các hộ kinh doanh có quy mô lớn, đủ điều kiện phải chuyển đổi thành doanh nghiệp nhằm đảm bảo cạnh tranh công bằng, minh bạch giữa các thành phần kinh tế.

- Các Bộ, ngành, địa phương ưu tiên giải quyết các khó khăn của DN thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý; xác định đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong hành động.

- Kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các tổ chức, cá nhân, cán bộ công chức, viên chức suy thoái về đạo đức nghề nghiệp, cố tình gây nhiễu, thao túng, chi phối khi thực thi công vụ, vi phạm quy định của pháp luật, làm chậm thời gian, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thay thế những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trình độ, không đáp ứng được yêu cầu.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức vững chuyên môn, nghiệp vụ, giải quyết công việc trách nhiệm và hiệu quả; đào tạo kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt là cán bộ công chức tại bộ phận một cửa để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính.

- Thực hiện rà soát, kịp thời sửa đổi hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi cơ chế, chính sách không còn phù hợp, nhằm tạo điều kiện cho các DN khu vực tư nhân tham gia nhiều hơn vào các lĩnh vực, ngành mà trước đây nhà nước đảm trách, ngoại trừ những lĩnh vực nhạy cảm liên quan đến an ninh, quốc phòng và điều hành vĩ mô; tăng cường công tác phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tạo môi trường an ninh, an toàn, lành mạnh để DN phát triển; không hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế.

- Hạn chế tối đa việc thanh tra, kiểm tra trùng lặp tại doanh nghiệp; tăng cường giám sát việc thực thi công vụ của các thành viên đoàn thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp, không gây nhiễu doanh nghiệp.

- Thiết lập đầu mối thường xuyên tổng hợp các đề xuất, kiến nghị của cộng đồng DN; rà soát, xem xét giải quyết hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các kiến nghị của DN, báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các kiến nghị vượt thẩm quyền; nghiên cứu xây dựng các tiện ích ứng dụng công nghệ trong việc tiếp nhận kiến nghị, chia sẻ cung cấp thông tin và phản hồi ý kiến của cộng đồng DN.

- Phát triển hệ thống các tổ chức hoặc các nền tảng công nghệ trợ giúp doanh nghiệp và doanh nhân (công và tư) như: hệ thống đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân; hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, vườn ươm doanh nghiệp...

- Hoàn thiện hệ thống cơ quan, đơn vị đầu mối thực hiện công tác hỗ trợ doanh nghiệp, tăng tính liên kết giữa các Bộ, ngành, giữa Trung ương và địa phương trong việc xây dựng các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tránh tình trạng ban hành nhiều chính sách nhưng thiếu đồng bộ và thiếu tính khả thi.

PHỤ LỤC

1. Phụ lục số 1- Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại của Nghị quyết số 35/NQ-CP
2. Phụ lục số 2 – Tổng hợp các ý kiến góp ý về dự thảo Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 35/NQ-CP.
3. Phụ lục số 3 – Danh sách các bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo tổng kết Nghị quyết số 35/NQ-CP.

Phụ lục 1: KHUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP VÀ CHỈ THỊ 26/CT-TTG
(Dành cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ)

Đơn vị: BỘ TÀI CHÍNH

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Đảm bảo quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp			
1)	Xây dựng báo cáo trình Chính phủ để trình Quốc hội nghị quyết tháo gỡ khó khăn về thuế cho doanh nghiệp ngay trong năm 2016; xử lý nợ chậm nộp cho doanh nghiệp gặp khó khăn khách quan; nghiên cứu, đề xuất giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; nghiên cứu, đề xuất để thực hiện bù trừ thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (bù trừ hai chiều), giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với lao động trong một số lĩnh vực: Công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông sản...		Đã hoàn thành	Tạo khung pháp lý thống nhất, đồng bộ góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch của thể chế, tạo thuận lợi cho DN trong việc tiếp cận các nguồn lực, mở rộng cơ hội đầu tư. Tính đến 17/11/2016, tổng mức huy động vốn trên thị trường chứng khoán 10 tháng đầu năm 2016 ước đạt 337 nghìn

				tỷ đồng, tăng 90% so với cùng kỳ năm 2015
	<p>Nghiên cứu, đề xuất Nghị quyết tháo gỡ khó khăn về thuế cho doanh nghiệp (tập trung nghiên cứu các giải pháp được Chính phủ giao theo nhiệm vụ và các giải pháp khác):</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 của UBTVQH về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh thuế.</i> - <i>Luật 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế.</i> - <i>Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.</i> 			
	<p>Nghiên cứu báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý nợ đọng thuế không có khả năng thu hồi, giảm tỷ lệ nợ đọng xuống dưới 5% tổng thu NSNN: <i>Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</i></p>			

	Soạn thảo trình Chính phủ Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB, Luật quản lý thuế: <i>Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.</i>			
	Nghiên cứu hoàn thiện hồ sơ pháp lý về thực hiện cơ sở pháp lý về thực hiện hoàn thuế GTGT điện tử. <i>Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016.</i>			
	<p>Phối hợp với các cơ quan đăng ký kinh doanh cấp mã số tự động cho doanh nghiệp theo hướng dẫn của Thông tư 127/2015/TT-BTC ngày 21/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Quyết định số 2845/QĐ-BTC ngày 30/12/2016;</i> - Đã nâng cấp ứng dụng về cấp MSDN. 			
	- <i>Đã trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội 14, tháng 10/2016.</i>			
2)	Rà soát, đề xuất sửa đổi quy định về các loại thuế, quản lý thuế, hải quan theo hướng liên thông giữa các Bộ, cơ quan liên quan để giảm thủ tục, thời gian và chi phí thực hiện; nghiên cứu xây dựng lộ trình bỏ hình thức thuế khoán chuyển sang thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với doanh nghiệp và khoản thu nhập cá nhân do doanh nghiệp trả cho người lao động và đối với hộ kinh doanh có quy mô lớn theo quy định của Luật Quản lý thuế. Đồng thời, thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp đối với hộ kinh doanh lớn, đủ điều kiện là doanh nghiệp phải thực hiện kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.		Đã hoàn thành	
	<p>Nghiên cứu thực hiện thí điểm giao dịch thuế điện tử đối với hoạt động đăng ký xe ô tô, xe gắn máy;</p> <p>Ban hành Nghị định ban hành biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện các FTA:</p> <p>(i) Nghị định số 124/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Lào giai đoạn 2016-2020;</p> <p>(ii) Nghị định số 149/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện</p>			

<p>Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022;</p> <p>(iii) Nghị định số 150/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á-Âu và các nước thành viên giai đoạn 2018 – 2022;</p> <p>(iv) Nghị định số 153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2018-2022;</p> <p>(v) Nghị định số 154/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi-lê giai đoạn 2018-2022;</p> <p>(vi) Nghị định số 155/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế giai đoạn 2018-2023;</p> <p>(vii) Nghị định số 156/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018 – 2022;</p> <p>(viii) Nghị định số 157/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2018 – 2022;</p> <p>(ix) Nghị định số 158/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN – Ôt-xtrây-li-a – Niu Di-lân giai đoạn 2018-2022;</p> <p>(x) Nghị định số 159/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính</p>			
---	--	--	--

<p>phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2018 – 2022;</p> <p>(xi) Nghị định số 160/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản giai đoạn 2018-2023;</p> <p>(xii) Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26/6/2019 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019-2022;</p> <p>(xiii) Nghị định số 92/2019/NĐ-CP ngày 20/11/2019 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Hiệp định thương mại giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước Vương quốc Cam-pu-chia giai đoạn 2019-2022;</p> <p>(xiv) Nghị định số 07/2020/NĐ-CP ngày 05/1/2020 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2019-2022;</p> <p>(xv) Nghị định số 39/2020/NĐ-CP ngày 03/4/2020 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cuba giai đoạn 2020-2023;</p> <p>(xvi) Nghị định số 111/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa CHXHCN Việt Nam và Liên minh châu Âu giai đoạn 2020-2022.</p> <p>Nghiên cứu xây dựng quy trình luân chuyển hồ sơ giữa cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường, cơ quan tài chính và KBNN trong việc xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Nghị định số 45/2014/NĐ-CP và</p>			
--	--	--	--

	<p>Nghị định số 46/2014/NĐ-CP; Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế một cửa giai đoạn 2016-2020; Cùng cố và triển khai mở rộng ra toàn quốc với các thủ tục hành chính đã kết nối chính thức thực hiện qua Cơ chế một cửa quốc gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 14/11/2016. - Tổng số TTHC đưa lên Cơ chế một cửa quốc gia hiện nay là 198 TTHC đã được công bố. 			
3)	<p>Rà soát, đề xuất sửa đổi quy định về bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương, trình Chính phủ trong quý III năm 2016.</p>		Đã hoàn thành	
	- Công văn số 13753/BTC-TCNH ngày 30/9/2016.			
4)	<p>Thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp tái cấu trúc thị trường chứng khoán, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm chứng khoán; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cơ chế đẩy mạnh thu hút đầu tư gián tiếp nước ngoài, phát triển các nhà đầu tư tổ chức như: các quỹ đầu tư, quỹ hưu trí..., triển khai thị trường chứng khoán phái sinh từ năm 2017; hợp nhất hai Sở giao dịch chứng khoán; phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, hoàn thiện và mở rộng thị trường trái phiếu Chính phủ, thúc đẩy cổ phần hóa, gắn kết với việc niêm yết, giao dịch trên thị trường chứng khoán; đẩy mạnh triển khai các mô hình quỹ tương hỗ, trình Chính phủ, thúc đẩy cổ phần hóa, gắn kết với việc niêm yết, giao dịch trên thị trường chứng khoán; đẩy mạnh triển khai các mô hình quỹ tương hỗ; Đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.</p>	Năm 2019	Đã hoàn thành	
	- Luật chứng khoán (mới) và các văn bản hướng dẫn thực hiện	Năm 2019	Đã hoàn thành	
	<p>Trình Chính phủ xây dựng, sửa đổi bổ sung các chính sách nâng cao năng lực quản lý, giám sát và cưỡng chế thực thi trong lĩnh vực chứng khoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 <p>Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp tăng cung hàng hóa cho thị trường và cải thiện chất lượng nguồn cung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 hướng dẫn việc bán CP lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ CPH của các DNNN và 			

	<p><i>công ty TNHH MTV do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thực hiện chuyển đổi thành công ty CP.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thông tư 35/2019/TT-BTC ngày 12/6/2019.</i> - <i>Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017</i> - <i>Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018</i> - <i>Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21/3/2018</i> - <i>Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018</i> - <i>Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020</i> - <i>Thông tư số 32/2019/TT-BTC ngày 10/6/2019</i> <p>(13) Giải pháp về giảm tỷ lệ sở hữu Nhà nước tại các ngành nghề không cần kiểm soát, đa dạng sở hữu; đa dạng hóa phương thức cổ phần hóa, bổ sung phương thức xác định giá trị doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016.</i> - <i>Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016.</i> - <i>Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 36/6/2016.</i> - <i>Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển DNNN và công ty TNHH MTV do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.</i> - <i>Thông tư 13/2019/TT-BTC ngày 15/3/2019</i> <p>Tổng kết, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu và phát triển thị trường trái phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018.</i> <p>Giải pháp phát triển và đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư, cải thiện chất lượng cầu đầu tư nhằm hướng tới cầu đầu tư bền vững</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016.</i> - <i>NĐ số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.</i> - <i>Thông tư số 86/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017.</i> <p>Giải pháp tái cấu trúc tổ chức thị trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07/01/2019 phê duyệt Đề án thành lập Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.</i> - <i>Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 28/02/2019.</i> <p>Đẩy mạnh triển khai các mô hình quỹ tương hỗ</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Một số văn bản liên quan đến quỹ tương hỗ đã được ban hành tính đến thời điểm hiện nay: Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày</i> 			
--	---	--	--	--

	16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở; Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở; Thông tư 228/2012/TT-BTC hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư bất động sản; Thông tư 229/2012/TT-BTC hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục; Thông tư 224/2012/TT-BTC hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên...			
	Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh		Đã hoàn thành	Ngày 16/3/2020, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả của các thông tin tài chính, bảo vệ môi trường kinh doanh, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
	- Thông tư hướng dẫn giao dịch hợp đồng tương lai cổ phiếu, quyền chọn chỉ số, trái phiếu và cổ phiếu.	Năm 2020	Đang triển khai	
5)	Phối hợp các ngành, các cấp triển khai quyết liệt Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về việc đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới, bảo đảm môi trường sản xuất, kinh doanh bình đẳng.		Đã hoàn thành	

	Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo quốc gia về chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và báo cáo Chính phủ.			
	<p>Nghiên cứu, soạn thảo Thông tư hướng dẫn Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11/5/2016 quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản tịch thu theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 <p>Nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 728/2019/TT-BTC ngày 15/6/2018. <p>Chủ động đôn đốc Ban Chỉ đạo 389 các Bộ, ngành ban hành Thông tư quy định hành vi VPHC trong các lĩnh vực của Bộ, ngành hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả để thực hiện Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg; Theo dõi, đôn đốc, báo cáo tình hình thực hiện công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đang triển khai theo đúng quy định tại Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg. 			
	- Thông tư số 07/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017.			
	Giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp			
6)	Rà soát các quy định pháp luật về đất đai theo hướng điều chỉnh giảm tiền thuê đất, chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các chi phí khác của doanh nghiệp.		Đã hoàn thành	
	<p>Nghiên cứu, đánh giá các quy định pháp luật về đất đai, nghĩa vụ tài chính về đất đai để đề xuất các giải pháp giảm tiền thuê đất, chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các chi phí khác của DN; CCTTHC trong việc tính tiền thuê đất, tiền sử dụng đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. <p>Phối hợp với Bộ TNMT nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ DN tiếp cận đất sản xuất trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp</p>			

	<p>và cho phép áp dụng thời hạn thanh toán tiền thuê đất linh hoạt, phù hợp với nhu cầu sử dụng của DNNVV.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 16281/BTC-QLCS ngày 14/11/2016 báo cáo CP phương án xử lý. - Ngày 06/12/2016, VPCP có công văn số 10506/VPCP-KTN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ. - Trên cơ sở dự thảo Nghị định do Bộ TNMT chủ trì soạn thảo, BTC sẽ tham gia ý kiến theo đúng chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ. 			
	- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.			
	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 16281/BTC-QLCS ngày 14/11/2016 báo cáo CP phương án xử lý. - Ngày 06/12/2016, VPCP có công văn số 10506/VPCP-KTN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ. 			
7)	Rà soát, điều chỉnh mức phí đường bộ, phí BOT; đánh giá và đề xuất mức điều chỉnh hợp lý để giúp doanh nghiệp giảm chi phí, đặc biệt là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải.		Đã hoàn thành	
	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày 20/6/2016, BTC có CV số 8302/BTC-CST báo cáo CP phương án xử lý. - Ngày 02/8/2016, VPCP đã có CV số 6370/VPCP-KTTH đồng ý phương án, giải pháp và lộ trình thực hiện việc giảm phí đường bộ như đề xuất của BTC tại CV 8302/BTC-CST. 			
	<p>Nghiên cứu, soạn thảo các Thông tư điều chỉnh mức thu phí sử dụng đường bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 318/2016/TT-BTC ngày 08/12/2016 sửa đổi Thông tư số 37/2014/TT-BTC ngày 25/3/2014 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Thông tư số 311/2016/TT-BTC ngày 22/11/2016 sửa đổi Thông tư số 125/2015/TT-BTC ngày 20/8/2015 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Phú Bài, tỉnh Thừa Thiên Huế. 			

<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 255/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 24/4/2014 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí cầu Bến Thủy và trạm thu phí cầu Bến Thủy II, Quốc lộ 1. - Thông tư số 254/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi Thông tư số 153/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ tại 02 trạm thu phí trên Quốc lộ 5. - Thông tư số 253/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi Thông tư số 86/2015/TT-BTC ngày 08/6/2015 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí tại Km1661+600, Quốc lộ 1, tỉnh Bình Thuận. - Thông tư số 252/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí tại Km11+625 Quốc lộ 38. - Thông tư 175/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí tại Km72+930 trên tuyến Thái Nguyên. - Thông tư số 166/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí cầu Thái Hà, tỉnh Thái BìnhChợ Mới và Km76+080 Quốc lộ 3. - Thông tư số 126/2016/TT-BTC ngày 10/8/2016 sửa đổi Thông tư số 168/2015/TT-BTC ngày 06/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Tam Kỳ, quốc lộ 1, tỉnh Quảng Nam. - Thông tư số 125/2016/TT-BTC ngày 05/8/2016 sửa đổi Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 25/02/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Mỹ Lộc quốc lộ 21B, tỉnh Nam Định. - Thông tư số 123/2016/TT-BTC ngày 22/7/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí cầu Yên Lệnh quốc lộ 38. - Thông tư số 135/2016/TT-BTC ngày 08/9/2016 sửa đổi Thông tư số 			
--	--	--	--

	<p>29/2015/TT-BTC ngày 06/3/2015, Thông tư số 93/2015/TT-BTC ngày 19/6/2015, Thông tư số 95/2015/TT-BTC ngày 19/6/2015, Thông tư số 167/2015/TT-BTC ngày 06/11/2015 và Thông tư số 192/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 quy định về sử dụng phí sử dụng đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 131/2016/TT-BTC ngày 15/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Bàn Thạch quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Thông tư số 129/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 sửa đổi Thông tư số 136/2015/TT-BTC ngày 18/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí cầu Cổ Chiên quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh.</p> <p>- Thông tư số 127/2016/TT-BTC ngày 10/8/2016 sửa đổi Thông tư số 50/2016/TT-BTC ngày 18/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Liên Đàm quốc lộ 20, tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTC ngày 04/3/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí tại Km 1064 +730 quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi.</p>			
8)	<p>Trong quý IV năm 2016, trình Chính phủ xem xét, sửa đổi Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng mở rộng chi phí được giảm trừ cho doanh nghiệp về các hoạt động nâng cao năng lực, tư vấn hỗ trợ thủ tục cho doanh nghiệp, chi phí quảng cáo, tiếp thị...</p> <p>- Tờ trình số 406/TTr-CP ngày 14/10/2016.</p>		Đã hoàn thành	
9)	<p>Xem xét sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, bảo đảm công khai minh bạch về giá và phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển. Thực hiện các giải pháp kiểm soát hợp lý, phù hợp với thông lệ quốc tế việc thu của các hãng tàu.</p> <p>- Công văn số 6142/BTC-CST ngày 09/5/2016 hướng dẫn về chính sách thuế đối với giá và khoản phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển gửi Chi cục Thuế các tỉnh, tp trực thuộc TW.</p>		Đã hoàn thành	
THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG				
1)	Rà soát, đề xuất sửa đổi quy định về quản lý thuế, hải quan theo hướng	Quý IV/2017	Đã hoàn thành	

	liên thông giữa các bộ, cơ quan liên quan để giảm thiểu tối đa thời gian và chi phí thực hiện cho doanh nghiệp, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội kế hoạch xây dựng dự án Luật sửa các luật về thuế trong Quý III năm 2017.			
	<p>- Ngày 02/11/2017, Bộ Tài chính có công văn số 14847/BTC-TCT gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định về đề nghị xây dựng Luật Quản lý thuế (sửa đổi).</p> <p>- Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019.</p> <p>- Đang triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại Thông báo số 195/TB-VPCP ngày 29/5/2018.</p>			
	<p>- Công văn số 14846/BTC-TCT gửi xin ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan về đề nghị xây dựng Luật Quản lý thuế (sửa đổi)</p> <p>- Công văn số 814/BTC-CST ngày 26/7/2017 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự án Luật sửa các Luật về thuế.</p>			
2)	Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý chặt chẽ, thu thuế đúng, đủ, kịp thời đối với hộ kinh doanh lớn; chống thất thu đối với hộ khoán; nghiên cứu, đề xuất chính sách thu thuế và chế độ kế toán đơn giản, phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội trong Quý III năm 2017.			
	<p>Nghiên cứu, báo cáo Bộ phương án quản lý chặt chẽ, thu thuế đúng, đủ, kịp thời đối với hộ kinh doanh lớn và chống thất thu đối với hộ khoán</p> <p>- Quyết định số 1359/QĐ-TCT ngày 4/8/2017 triển khai kế hoạch chống thất thu và chấn chỉnh công tác quản lý khoán thuế đối với cơ sở kinh doanh trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>Đề xuất chính sách thu thuế và chế độ kế toán đơn giản, phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ</p> <p>- Thông tư 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018.</p>			
	- Đề án quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh lớn phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ.	Quý III/2017	Đã hoàn thành	

	- Quyết định số 1359/QĐ-TCT ngày 4/8/2017 triển khai kế hoạch chống thất thu và chấn chỉnh công tác quản lý khoán thuế đối với cơ sở kinh doanh trên phạm vi toàn quốc.			
	- Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp siêu nhỏ.		Đã hoàn thành	
3)	<p>Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ đôn đốc các bộ quản lý chuyên ngành sửa đổi, bổ sung các Nghị định, Thông tư, Quyết định về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Đổi mới phương thức kiểm tra chuyên ngành theo nguyên tắc quản lý rủi ro; áp dụng chế độ ưu tiên trong kiểm tra; chuyển thời điểm kiểm tra chuyên ngành về chất lượng hàng hóa (kể cả kiểm tra hiệu suất năng lượng và an toàn thực phẩm) đang trong giai đoạn thông quan sang kiểm tra sau thông quan (trừ kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu có độ rủi ro cao, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, ảnh hưởng đến môi trường và an ninh, quốc phòng); đẩy mạnh việc công nhận kết quả kiểm tra theo thỏa thuận; đảm bảo tỷ lệ hàng hóa xuất nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành ở mức không quá 20% so với tổng số lô hàng xuất nhập khẩu, tương đương các đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2017.</p>		Đã hoàn thành	Hệ thống văn bản pháp luật về KTCN hàng hóa xuất nhập khẩu còn nhiều, gây bất cập, khó khăn, tốn kém về thời gian cho doanh nghiệp. Mặc dù đã thống kê, rà soát nhưng còn có Bộ, ngành vẫn chậm sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật về KTCN. Sự phối hợp của một số cơ quan KTCN với cơ quan Hải quan chưa thực sự chặt chẽ.
	<p>- Báo cáo số 43/BC-BTC ngày 12/5/2017 báo cáo TTgCP về công tác KTCN đối với hàng hóa XNK.</p> <p>- Ngày 07/6/2017, VPCP có CV số 5889/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của PTTg Vương Đình Huệ.</p> <p>- CV số 11263/BTC-TCHQ ngày 23/8/2017 kiến nghị các bộ, ngành rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa thuộc diện KTCN.</p> <p>- Ngày 28/8/2017, TCHQ đã có CV số 5688/TCHQ-VP và CV số</p>	Quý III/2017	Đã hoàn thành	

	<i>5689/TCHQ-VP báo cáo VPCP về tình hình thực hiện Cơ chế 1 của quốc gia và KTCN đối với hàng hóa XNK của 02 Bộ Y tế và Bộ NN&PTNT.</i>			
4)	Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý chuyên ngành rà soát, chuẩn hóa mã số hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý và kiểm tra chuyên ngành thống nhất với mã hàng hóa tại danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu hiện hành, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8 năm 2017.	Tháng 8/2017	Đã hoàn thành	
	<i>- Báo cáo số 43/BC-BTC ngày 12/5/2017 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.</i>			
	<i>- Công văn số 10607/BTC-TCHQ ngày 10/8/2017 của Bộ Tài chính về việc rà soát, chuẩn hóa danh mục hàng hóa quản lý và kiểm tra chuyên ngành yêu cầu các Bộ, ngành rà soát, chuẩn hóa mã số hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý theo Thông tư 65/2017/TT-BTC.</i>			
	<i>- Ngày 07/6/2017, VPCP có CV số 5889/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của PTTg Vương Đình Huệ.</i>			
5)	Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật đất đai năm 2013 theo hướng cải cách thủ tục hành chính và công khai, minh bạch trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá hoặc không thông qua hình thức đấu giá theo quy hoạch sử dụng đất; quy định bán đấu giá quyền sử dụng đất sau khi thu hồi đất đảm bảo chặt chẽ, sát với thị trường, tránh thất thoát tài sản nhà nước; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2017.	Theo tiến độ Nghị định do Bộ TNMT trình Chính phủ	Chờ đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
6)	Hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp, trình Chính trong tháng 10 năm 2017.	Tháng 10/2017	Đã hoàn thành	
	<i>Dự thảo Nghị định của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp. Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp.</i>			Tờ trình 159/TTr-BTC ngày 30/10/2017 về dự thảo Nghị định của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

7)	Xây dựng Nghị định về hóa đơn, chứng từ điện tử để cơ bản thực hiện trong năm 2018 đối với toàn nền kinh tế, trình Chính phủ trong tháng 10 năm 2017.			
	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP về hóa đơn</i> - <i>NĐ 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 quy định về HĐĐT khi bán HH, DV.</i> - <i>Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019</i> 	Quý III/2018	Đã hoàn thành	Ban hành Nghị định 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa và dịch vụ.
8)	Thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng theo phương thức điện tử đạt cấp độ 4, đạt tối thiểu 70% về số thủ tục, 70% về số hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng giải quyết trong cuối Quý IV năm 2017; nâng cao hiệu lực hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia theo hướng liên thông, bảo đảm việc kết nối, chia sẻ thông tin, hoàn thành, báo cáo Thủ tướng Chính trong tháng 10 năm 2017.	Tháng 12/2017	Đã hoàn thành	Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn chung và đầy đủ về Cơ chế một cửa quốc gia. Một số Bộ, ngành vẫn chưa thực sự quyết liệt trong tổ chức thực hiện do đây là phương thức thực hiện mới. Hạ tầng công nghệ thông tin của các Bộ, ngành chưa đồng đều và chưa hoàn thiện, thủ tục đầu tư còn phức tạp. Số lượng thủ tục hành chính của các Bộ, ngành thực hiện qua Cơ chế một cửa quốc gia còn ít.
	- <i>Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 24/4/2017 về việc triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hoàn thuế GTGT bằng phương thức điện tử.</i>			
	- <i>Công văn số 1664/TCT-KK ngày 26/4/2017 v/v triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng bằng phương thức điện tử.</i>			
	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Công văn số 3474/TCT-KK ngày 04/8/2017 tiếp tục triển khai hoàn thuế điện tử các tháng cuối năm 2017.</i> - <i>Quyết định số 1223/QĐ-BTC ngày 27/7/2018</i> 			

9)	<p>Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương rà soát các khoản phí có liên quan trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp để xem xét giảm mức phí, chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, báo cáo Thủ tướng. Chính phủ kết quả rà soát trong tháng 7 năm 2017.</p>	Tháng 7/2017	Đã hoàn thành	
	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 10104/BTC-CST ngày 31/7/2017 về việc rà soát các khoản phí đề xuất điều chỉnh giảm mức thu phí có liên quan trực tiếp đến chi phí DN theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017. - Bộ Tài chính đã ban hành 17 Thông tư điều chỉnh mức thu phí, lệ phí thuộc nhiều lĩnh vực - Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác. - Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 ngày 27/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung tiểu mục 2 mục I Biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường - Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 - Nghị định số 70/2020/NĐ-CP ngày 28/6/2020 của Chính phủ quy định giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 - Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất. - Thông tư số 22/2020/TT-BTC ngày 10/4/2020 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính - Thông tư số 33/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng - Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 quy định mức thu, nộp 			

<p><i>phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 quy định mức thu, nộp phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch - Thông tư số 36/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 quy định mức thu, nộp phí thẩm định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan trung ương thực hiện và phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn - Thông tư số 37/2020/TT-BTC ngày 07/5/2020 quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán - Thông tư số 43/2020/TT-BTC ngày 26/5/2020 quy định mức thu, nộp phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh - Thông tư số 44/2020/TT-BTC ngày 26/5/2020 quy định mức thu, nộp phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa - Thông tư số 45/2020/TT-BTC ngày 26/5/2020 quy định mức thu, nộp phí đăng ký (xác nhận) sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài và lệ phí sở hữu công nghiệp - Thông tư số 46/2020/TT-BTC ngày 27/5/2020 quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không - Thông tư số 49/2020/TT-BTC ngày 01/6/2020 quy định mức thu, nộp phí trong lĩnh vực giao dịch bảo đảm - Thông tư số 50/2020/TT-BTC ngày 01/6/2020 quy định mức thu, nộp phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động - Thông tư số 54/2020/TT-BTC ngày 12/6/2020 quy định mức thu, nộp phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong nước, lệ phí cấp Giấy phép hoạt động của người lao động đi làm việc có thời hạn của nước ngoài 			
---	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 56/2020/TT-BTC ngày 12/6/2020 quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp - Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 12/6/2020 quy định mức thu, nộp lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB, lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ - Thông tư số 58/2020/TT-BTC ngày 12/6/2020 quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý vụ việc cạnh tranh - Thông tư số 61/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 quy định mức thu, nộp phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy; phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy, chữa cháy và lệ phí cấp Căn cước công dân - Thông tư số 64/2020/TT-BTC ngày 08/7/2020 quy định mức thu, nộp phí trong lĩnh vực y tế - Thông tư số 74/2020/TT-BTC ngày 10/8/2020 quy định mức thu, nộp phí sử dụng đường bộ. - Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. 			
10)	<p>Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu triển khai thí điểm mô hình hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, kết nối thông tin để quản lý doanh thu bán lẻ của các hộ kinh doanh; thí điểm thực hiện tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2018.</p>	Quý III/2018	Đã hoàn thành	Ban hành Nghị định 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa và dịch vụ.
	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai trên Cổng thông tin điện tử danh sách xếp hạng chi tiết 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. - Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018. 		Đã hoàn thành	Ngày 03/8/2018 đã tiến hành công bố DS xếp hạng chi tiết 1.000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN lớn nhất năm 2017 được đăng công

				khai trên cổng thông tin điện tử của BTC, TCT.
	<i>- Đề án thí điểm mô hình hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế, kết nối thông tin để quản lý doanh thu bán lẻ của các hộ kinh doanh và Kế hoạch triển khai thí điểm thực hiện tại Hà Nội trong năm 2018.</i>		Đã hoàn thành	NĐ 19/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, dịch vụ.
	<i>- Công văn số 5101/TCT-KK ngày 03/11/2017 gửi các đơn vị liên quan để đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử.</i>		Đã hoàn thành	
11)	Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp sửa đổi Luật chứng khoán nhằm cải thiện các điều kiện đầu tư gián tiếp nước ngoài; hoàn thiện và trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật chứng khoán (sửa đổi) trong Quý II năm 2017.	Năm 2018	Đã hoàn thành	
	<i>Trình Chính phủ dự án Luật chứng khoán (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thực hiện</i>	Quý IV/2018	Đã hoàn thành	
	Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/8/2017. Luật số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019. Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 Thông tư 115/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán. Thông tư 116/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017 hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của UBCKNN đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của SGDCK và TTLKCK VN.			

Đơn vị: BỘ TƯ PHÁP

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp			
1)	Tổng hợp tình hình ban hành, thực hiện thủ tục hành chính tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đề xuất các giải pháp cải cách thủ tục hành chính báo cáo Chính phủ định kỳ hàng quý		Nhiệm vụ này đã chuyên Văn phòng Chính phủ	
	Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp			
2)	Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định về giao dịch bảo đảm, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thế chấp tài sản làm cơ sở tiếp cận nguồn vốn.			
	<i>- Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm thay thế Nghị định số 83/2010/NĐ-CP. Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/10/2017, trong đó đã quy định cụ thể về thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tài sản.</i>		Đã hoàn thành	
	<i>Hiện nay, Bộ đang tiếp tục chỉ đạo việc xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 về hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, dự kiến ban hành trong tháng 9/2020.</i>			
3)	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật cho phù hợp với các hiệp định thương mại tự do và điều ước quốc tế có liên quan, vận dụng hợp lý các quy định linh hoạt trong các cam kết quốc tế để bảo vệ tối đa lợi ích quốc gia, doanh nghiệp.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 404/BC-BTP-m ngày 30/12/2016 về kết quả rà soát pháp luật và đánh giá tác động của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương tới hệ thống pháp luật Việt Nam</i>			
	<i>Báo cáo 236/BC-BTP-m ngày 30/5/2018 gửi thủ tướng Chính phủ về rà</i>			

	<i>soát pháp lý Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) với các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành và đề xuất phương án hoàn thiện pháp luật.</i>			
	<i>- Báo cáo số 316/BC-BTP-m ngày 17/11/2016 gửi Thủ tướng Chính phủ về các vấn đề pháp lý liên quan đến Đoạn 255 trong Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO đối với vấn đề công nhận nền kinh tế thị trường ở Việt Nam sau năm 2018.</i>			
	<i>- Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp tiếp tục tiến hành rà soát pháp luật và đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam- EU tới hệ thống pháp luật Việt Nam, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ ngành liên quan nghiên cứu đề xuất trong khuôn khổ hợp tác TPP11 (TPP không có Hoa Kỳ) và nghiên cứu các phương án đàm phán thương mại song phương với Vương quốc Anh sau khi Anh rời khỏi EU.</i>			
4)	Nâng cao chất lượng công tác góp ý, thẩm định và kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm việc ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính đúng thẩm quyền, thực sự cần thiết, hợp lý, minh bạch và khả thi.		Đã hoàn thành	
	<i>- Bộ Tư pháp đã đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành thẩm định đối với 50/50 Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh theo Luật đầu tư, với việc đề nghị cắt giảm nhiều thủ tục, giấy phép, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.</i>			
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 26/CT-TTG				
1)	Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan thực hiện nâng cao chất lượng công tác góp ý, thẩm định và kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, bảo đảm việc ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính đúng thẩm quyền, thực sự cần thiết, hợp lý, minh bạch và khả thi.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	Trong những năm qua, thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của cá nghị định liên quan đến thủ tục hành chính. Từ năm 2017 đến ngày 30/6/2020, Bộ Tư pháp đã thẩm định đối với 1822			

	<p>TTHC tại 234 đề nghị xây dựng và dự án, dự thảo văn bản pháp luật (gồm 32 luật, 1 pháp lệnh, 172 nghị định, 20 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 9 thông tư) do các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo. Bộ Tư pháp đã đề nghị không quy định 48 thủ tục không cần thiết, đề nghị sửa đổi 1058 thủ tục không hợp lý, bổ sung 03 thủ tục (Chiếm tỷ lệ 60,09% tổng số thủ tục hành chính).</p>			
	<p>- Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định đối với 263 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.</p>			
	<p>- Thực hiện Luật ban hành VBQPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật, Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng. Trong năm 2017, Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định đề nghị chính sách đối với 43 đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị định của Chính phủ.</p>			
2)	<p>Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục rà soát các quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm để tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cá nhân làm tài sản thế chấp vay vốn tại ngân hàng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; hoàn thành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7 năm 2017.</p>		Đã hoàn thành	
	<p>- Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm thay thế Nghị định số 83/2010/NĐ-CP. Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/10/2017, trong đó đã quy định cụ thể về thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tài sản.</p>			
3)	<p>Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ để tạo thuận lợi cho việc giải quyết phá sản của doanh nghiệp; chỉ đạo hướng dẫn, thi hành quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo quy định của Luật thi hành án dân sự năm 2008, báo cáo Chính phủ trong tháng 10 năm 2017.</p>		Bộ KHĐT đã hoàn thành Báo cáo. Tòa án cơ quan chủ trì nghiên cứu sửa Luật phá sản	
	<p>- Ngày 30/6/2017, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2252/BTP-PLDSKT về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg gửi Bộ KHĐT và VPCP,</p>			

	<p>trong đó đã đề xuất chuyển nhiệm vụ này sang Bộ KHĐT. Ngày 15/6/2017, Bộ KHĐT đã ban hành Quyết định số 823/QĐ-BKHĐT về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập.</p> <p>- Ngày 11/7/2018 Bộ Tư pháp đã có công văn số 2549/BTP-BTTP gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 22/2015/NĐ-CP để khắc phục những hạn chế, bất cập phát sinh trong thực tiễn phá sản, đảm bảo tính hiệu quả, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật về phá sản.</p>			
	<p>Bộ Tư pháp đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng một số văn bản, đề án quan trọng góp phần tạo dựng cơ sở lý luận, hành lang pháp lý cho hoạt động hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.</p> <p>Nghị định 55/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thay thế nghị định 66/2008/NĐ-CP ngày 25/8/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.</p> <p>Ngày 16/6/2020 Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành quyết định số 1429/QĐ-BTP về chương trình hành động của Bộ Tư pháp triển khai nghị quyết 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19.</p>		Đã hoàn thành	

Đơn vị: BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo			
1)	Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; đề xuất biện pháp đẩy mạnh việc thực hiện hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, cùng với Quỹ Đổi mới Công nghệ Quốc gia và các quỹ của khu vực tư nhân nhằm tăng cường nguồn vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và có tiềm năng tăng trưởng cao.	Thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.</i>			
2)	Nghiên cứu việc thành lập, tổ chức và vận hành các mô hình vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp, chương trình tăng tốc đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp theo hình thức đối tác công tư với sự tham gia của các hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.		Đã hoàn thành, quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV 2017	
3)	Xây dựng cơ chế tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi và đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, bổ sung sửa đổi Luật Đầu tư.		Đã hoàn thành, quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV 2017	
	<i>- Nghị định 108/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.</i>		Đã hoàn thành	
	<i>Ngày 15/10/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 122/2020/NĐ-CP quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã</i>		Đã hoàn thành	

	<i>số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp</i>			
Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp				
4)	Trình Chính phủ cho ý kiến về dự án Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tháng 7 năm 2016.	Năm 2017	Đã hoàn thành	
5)	Hoàn thiện quy định về thủ tục phá sản doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho việc thực hiện phá sản.		Đã hoàn thành	Giao Tòa án nghiên cứu sửa Luật Phá sản
6)	Kiến toàn Hội đồng Khuyến khích Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch hội đồng, có sự tham gia của các Bộ, ngành, đại diện cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan để thực hiện vai trò điều phối, giám sát thực hiện các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong năm 2016.		Đã hoàn thành	
Tổ chức thực hiện				
7)	<p>Phối hợp cùng Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, chương trình nâng cao năng lực các hiệp hội doanh nghiệp.</p> <p>Phối hợp với Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam xây dựng và công bố Bộ chỉ số đánh giá mức độ phát triển doanh nghiệp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; định kỳ hàng năm khảo sát, đánh giá, xếp hạng và công khai kết quả trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.</p> <p>Phối hợp với Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và các Bộ, cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ hàng quý tổng hợp, báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện.B</p>	Thường xuyên	Đã hoàn thành	
8)	Định kỳ hàng năm sơ kết đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết này (nếu cần)	Thường xuyên	Đã hoàn thành	

THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG				
1)	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện dự án Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các Nghị định hướng dẫn trong Quý II năm 2017; phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sau khi Luật được Quốc hội thông qua.	Quý I/2018	Đã hoàn thành	
	- Nghị định 38/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.			
	- Nghị định 39/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.			
2)	Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định nhằm tạo sự liên thông giữa các thủ tục đầu tư với các thủ tục về đất đai, xây dựng, đấu thầu, môi trường, trình Chính trong Quý III năm 2017. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 25/2020/NQ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thay thế Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.		Đã hoàn thành	
3)	Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, hiệp hội doanh nghiệp, ngân hàng thương mại tổ chức các khóa đào tạo hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng cường năng lực quản trị, minh bạch tài chính để tiếp cận tốt hơn tín dụng; tổ chức đào tạo nâng cao nghiệp vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cho cán bộ các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội doanh nghiệp.	Thường xuyên	Đang triển khai	
4)	Hoàn thiện danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 - 2020, trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 6 năm 2017.		Đã hoàn thành	
5)	Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ và các		Đã hoàn thành	

	bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế thí điểm mua sắm các sản phẩm đổi mới, sáng tạo ra đời từ các kết quả nghiên cứu của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu trong nước trong công tác mua sắm sử dụng vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư và vốn chi thường xuyên), hoàn thành và trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8 năm 2017.			
6)	Hoàn thiện các dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư đảm bảo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong vấn đề đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, hoàn thành và trình Chính phủ trong tháng 8 năm 2017.		Đã hoàn thành	
	<i>- Chính phủ đã ban hành Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 05 năm 2018 thay thế Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.</i>		Đã hoàn thành	
	<i>- Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/2/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thay thế Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư</i>		Đã hoàn thành	
7)	Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hoàn thành và trình Chính phủ trong tháng 8 năm 2017.			
	<i>- Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 Về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn</i>		Đã hoàn thành	

Đơn vị: BỘ CÔNG THƯƠNG

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp			
1)	Triển khai và thực hiện nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ các quy định hiện hành về chính sách cấp phép xuất nhập khẩu, quản lý thị trường, cạnh tranh, công nghiệp hỗ trợ theo hướng tạo thuận lợi, giảm chi phí cho doanh nghiệp theo đúng các cam kết quốc tế; xây dựng Đề án tổ chức lại thị trường trong nước và thị trường biên mậu, đẩy mạnh Chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, trình Chính phủ trong quý III năm 2016.	Nhiệm vụ thương xuyên, liên tục.	Đã hoàn thành	Bộ Công thương vẫn đang tiếp tục rà soát và cải thiện trong các năm tiếp theo.
	- Bộ Công Thương sẽ bãi bỏ và đơn giản hóa 123 thủ tục hành chính để thực hiện theo Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2017, đồng thời đơn giản hóa và bãi bỏ thêm trên 67 thủ tục hành chính khác.			
	- Ngày 20 tháng 9 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Công Thương ký ban hành Quyết định số 3610a/QĐ-BCT về phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương giai đoạn 2017 - 2018. Theo đó, 675 điều kiện đầu tư, kinh doanh được cắt giảm, chiếm tới 55,5% tổng các điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc 16 ngành, nghề kinh doanh bao gồm.). Đây là nhóm ngành nghề có số lượng điều kiện kinh doanh lớn, chiếm 90,1% tổng số điều kiện thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương. - Đề án tổ chức lại thị trường trong nước và thị trường biên mậu gộp vào Chiến lược phát triển thương mại trong nước đến 2025, tầm nhìn đến 2035.			
	Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020; Nghị định số 107/2018/NĐ-CP; Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; Nghị định số 105/2017/NĐ-CP			
2)	Xây dựng Chiến lược tổng thể phát triển thị trường trong nước giai đoạn đến 2025, tầm nhìn đến 2035, chú trọng phát triển hệ thống bán lẻ, thúc đẩy sản xuất và khuyến khích tiêu dùng hàng Việt Nam, trình Chính phủ		Đã hoàn thành	

	trong quý I năm 2017.			
	<i>Đã trình Chính phủ bản sửa đổi thành Chiến lược phát triển thương mại trong nước đến 2025, tầm nhìn đến 2035</i>			
3)	Tăng cường cung cấp, phổ biến thông tin và các hướng dẫn thực thi cam kết trong khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế (ASEAN, WTO, APEC, ASEM...) và các hiệp định kinh tế - thương mại, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để nâng cao năng lực hội nhập cho doanh nghiệp, tiếp cận, mở rộng thị trường xuất khẩu và đầu tư, đặc biệt là về AEC, TPP, RCEP...	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Bộ Công Thương tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các trang báo, tạp chí của ngành công thương về các chủ trương, chính sách, sự lãnh đạo và quản lý điều hành của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là những vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của ngành Công Thương, cụ thể như: về công tác sắp xếp lại tổ chức, nhân sự của Bộ; bảo vệ môi trường ngành Công Thương; kinh doanh đa cấp; nhiên liệu sinh học xăng E5; quản lý hóa chất, điều hành giá sữa, xăng dầu; xuất nhập khẩu...</i>			
	<i>- Thực hiện tuyên truyền về các lợi ích do các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới mang lại cũng như các giải pháp nhằm tận dụng những lợi thế đó; tuyên truyền chuyên sâu về hội nhập theo từng ngành hàng tới các Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp tại nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước. - Tổ chức các Khóa đào tạo Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho doanh nghiệp tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng nhằm mục đích giúp doanh nghiệp hiểu rõ vấn đề xuất xứ hàng hóa trong các Hiệp định thương mại tự do, sử dụng cơ chế Tự chứng nhận xuất xứ trong ATIGA để hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu hàng hóa sang ASEAN cũng như chuẩn bị tham gia hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (TPP, VN-EU FTA).</i>			
4)	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp, tạo mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ở vùng nông thôn; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động khuyến công.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 về quản lý, phát triển Cụm công nghiệp. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15</i>			

	tháng 7 năm 2017.			
	- Ngày 18 tháng 01 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 68/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025, trong đó đưa ra các nội dung hỗ trợ cụ thể và dự kiến kinh phí thực hiện.			
	THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG			
1)	Đầu mỗi chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành rà soát, sửa đổi các quy định quản lý mặt hàng theo mã số xuất nhập khẩu hàng hóa đặc biệt đối với mặt hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện dự án Luật quản lý ngoại thương trong Quý II năm 2017, theo đó thống nhất danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý bằng giấy phép, điều kiện, quy định cụ thể giấy phép, điều kiện gắn với từng hàng hóa, phương thức điều hành hàng hóa đó, trình tự thủ tục, cơ quan giám sát, kiểm tra, mức phí thực hiện, áp dụng thủ tục một cửa liên thông tháo gỡ khó khăn trong thủ tục xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp.		Đã hoàn thành	
	- Quyết định số 3648/QĐ-BCT và Thông tư 07 đã xóa bỏ khoảng 420 mã trong tổng số 720 mã HS phải kiểm tra trước thông quan thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương đạt tỷ lệ xóa bỏ lên tới 58,3%.			
	- Ngày 12 tháng 6 năm 2017, Quốc hội đã ban hành Luật số 05/2017/QH14 về Quản lý ngoại thương.			
2)	Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện Chiến lược phát triển thương mại trong nước đến 2025, tầm nhìn đến 2035, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2017.		Dự kiến hoàn thành trong năm 2020 Bộ đang triển khai và trình chính phủ trong năm 2020 (đã đạt được khoảng 80% công việc).	
	- Bộ Công Thương đã hoàn thiện Dự thảo Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035 trình Thủ tướng Chính phủ (Tờ trình số 9122/TTr-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017).			

Đơn vị: BỘ XÂY DỰNG

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp			
1)	Sửa đổi các quy định về cấp phép xây dựng để giảm thời gian cấp phép theo tinh thần Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020		Đã hoàn thành	
	<i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020)</i>			
2)	Tiếp tục phân cấp, ủy quyền mạnh hơn trong việc thẩm định thiết kế, dự toán; sửa đổi, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng cơ bản, định mức, đơn giá phù hợp với thị trường.		Đã hoàn thành	
	<i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020)</i>			
	<i>Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.</i>			
	<i>Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng.</i>			
	<i>Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng.</i>			
3)	Nghiên cứu bổ sung cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân trong khu công nghiệp.		Đang thực hiện	
	<i>Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội</i>			

	<i>Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội trình Thủ tướng Chính phủ các quy định về lãi suất cho vay ưu đãi nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP: Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 10/5/2017, Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 03/4/2018, Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 01/4/2019, Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 13/8/2020.</i>			
	<i>Đang chủ trì soạn thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, trong đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp, vướng mắc, bất cập trên thực tiễn nhằm mục tiêu tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội; trình Chính phủ ban hành trong năm 2020.</i>			
	THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG			
1)	Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và địa phương nhanh chóng đề xuất sửa đổi các quy định về cấp phép xây dựng và các thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động quản lý xây dựng để giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính theo yêu cầu của Nghị quyết số 35/NQ-CP và Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP. Khẩn trương hoàn thành các đề án sửa đổi, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, định mức, đơn giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2017.		Đã hoàn thành	
	<i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020)</i>			
	Khẩn trương hoàn thành các đề án sửa đổi, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, định mức, đơn giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2017.			
	<i>Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng.</i>			
	<i>Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng.</i>			

2)	Đề xuất xây dựng Cổng thông tin điện tử quốc gia về quy hoạch đô thị; đẩy mạnh việc cấp giấy phép xây dựng qua mạng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2017.		Đã hoàn thành	
	<i>Đã xây dựng, thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu lên Cổng thông tin quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị Việt Nam, hệ thống đang được vận hành tại địa chỉ: quyhoach.xaydung.gov.vn. Đến nay các địa phương đã cập nhật gần 700 đồ án quy hoạch được duyệt trên Cổng thông tin quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị Việt Nam.</i>			
	<i>Tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của Bộ Xây dựng lên Cổng dịch vụ công quốc gia; hoàn thiện việc kết nối, tích hợp để đăng nhập một lần từ Cổng dịch vụ công quốc gia vào Cổng dịch vụ công Bộ Xây dựng, đồng bộ trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia.</i>			
	<i>Hoàn thành tích hợp Cổng dịch vụ công Bộ Xây dựng với hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia để thực hiện thanh toán phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công của Bộ Xây dựng.</i>			
	<i>Tiếp tục triển khai việc cấp giấy phép xây dựng qua mạng kết hợp với dịch vụ bưu ích công ích trên Cổng dịch vụ công Bộ Xây dựng.</i>			

Đơn vị: BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo			
1)	Xây dựng Đề án hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ vào quý I năm 2017; chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học chú trọng đưa nội dung khởi nghiệp vào chương trình đào tạo.		Đã hoàn thành	
	<p>- Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 về việc phê duyệt Đề án “hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”.</p> <p>- Đã triển khai ký hợp đồng với một số cơ sở đào tạo khởi sự DN từ ngày 13/6/2018.</p>			Thúc đẩy tinh thần, tạo môi trường khởi nghiệp của học sinh, sinh viên và trang bị các kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên trong thời gian học tập tại các nhà trường.
	<p>Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tích cực phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”.</p> <p>Thực hiện Quyết định số 1665/QĐ-TTg, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 929/QĐ-LĐTBXH ngày 28/6/2019 phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” theo giai đoạn và ban hành Quyết định triển khai Đề án 1665 theo từng năm.</p>			
	Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp			
2)	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các thủ tục đầu tư quy định tại Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy		Đã hoàn thành	Việc đơn giản

	<p>định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp phù hợp với quy định của Luật Đầu tư, trình Chính phủ trong quý IV năm 2016.</p>			<p>hóa, bãi bỏ các thủ tục góp phần tạo môi trường thuận lợi, thu hút đầu tư từ các đối tác, các doanh nghiệp nước ngoài để tăng cường nguồn lực cho phát triển GDNN, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, đặc biệt trong giai đoạn cách mạng công nghiệp 4.0.</p>
	<p>- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã hoàn thiện, trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp (thay thế Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015), theo tinh thần rà soát để sửa đổi, bổ sung các thủ tục đầu tư phù hợp với quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>- Năm 2018 đang trình Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Trên cơ sở các quy định tại Luật Đầu tư, các quy định của Nghị định số 15/2019/NĐ-CP và thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, Bộ đã trình Chính phủ tiến hành đơn giản hóa, bãi bỏ một số quy định về đầu tư nước ngoài trong hoạt động GDNN, cụ thể:</p> <p>+ Bãi bỏ quy định về thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với những dự án không phải xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; đối với việc thành lập phân hiệu thuộc trường cao đẳng, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>+ Bãi bỏ quy định về điều kiện đăng ký đầu tư thành lập cơ sở GDNN có</p>			

	vốn đầu tư nước ngoài. + Bãi bỏ quy định về thành phần hồ sơ “văn bản chấp thuận về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi cơ sở GDNN đặt trụ sở chính” trong hồ sơ thành lập cơ sở GDNN có vốn đầu tư nước ngoài.			
3)	Rà soát, sửa đổi các quy định về lao động là người nước ngoài phù hợp thị trường và quyền của doanh nghiệp, đơn giản hóa các thủ tục liên quan.		Đã hoàn thành	
	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Thông tư số 23/2017/TT ngày 15/8/2017 hướng dẫn thực hiện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam qua mạng điện tử. - Xây dựng cổng thông tin điện tử http://dvc.vieclamvietnam.gov.vn để thực hiện việc cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài qua mạng điện tử. - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng và trình Chính phủ Nghị định thay thế Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. 			
4)	Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cao.		Đã hoàn thành	
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (Tờ trình số 67/TTr-LĐTBXH ngày 28/7/2017). - Trình Thủ tướng Chính phủ Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2015 – 2020 (Tờ trình số 47/TTr-LĐTBXH ngày 30/6/2017). - Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cao. - Ban hành NĐ số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018. - Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã trình ban hành nhiều chủ trương, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao như: Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/05/2014 phê duyệt Đề án phát triển trường nghề 			

	<p>chất lượng cao đến năm 2020 và Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025”; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Tổng cục cũng đang xây dựng Đề án “Đào tạo, đào tạo lại người lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4” để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.</p> <p>- Về mặt pháp lý, để giúp các trường thuận lợi cho công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo các chương trình chất lượng cao, Bộ đã ban hành Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2018 quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng làm cơ sở cho việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.</p>			
	Giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp			
5)	Rà soát, điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng phù hợp với năng suất lao động, tăng trưởng kinh tế, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nhu cầu sống tối thiểu của người lao động.		Đã hoàn thành	
	- Bộ đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.			
	Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Lao động thì mức lương tối thiểu vùng được điều chỉnh căn cứ vào nhu cầu sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ; điều kiện kinh tế - xã hội và mức tiền lương trên thị trường lao động. Căn cứ quy định trên, trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội với vai trò là thành viên của Hội đồng tiền lương quốc gia đã phân tích, đánh giá thực tế, thương lượng, thống nhất phương án điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng và Hội đồng đã có 4 lần khuyến nghị 1 với Chính phủ công bố mức điều chỉnh: năm 2017 tăng bình quân 7,3%; năm 2018 tăng bình quân là 6,5%; năm 2019 tăng bình quân 5,3%; năm 2020 tăng bình quân 5,5%. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, mức lương tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ: vùng I là			

	<p>4.420.000 đồng/tháng, vùng II là 3.920.000 đồng/tháng, vùng III là 3.430.000 đồng/tháng, vùng IV là 3.070.000 đồng/tháng. Theo đó, trong giai đoạn này, để từng bước bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động, góp phần tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, các mức lương tối thiểu khi đưa ra xem xét, điều chỉnh đều có tính toán cụ thể đến các tác động về việc làm, thất nghiệp, điều kiện sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp còn khó khăn, mức độ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động tại các ngành thủy sản, dệt may, da giày...); đồng thời có sự đối chiếu, so sánh với mức lương tối thiểu của các nước trong khu vực để bảo đảm tính cạnh tranh, thu hút đầu tư của Việt Nam so với các nước.</p> <p>Trong năm 2020, là năm cuối cùng thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang tiếp tục phối hợp với các thành viên trong Hội đồng tiền lương quốc gia đánh giá mức lương tối thiểu, đặc biệt trong bối cảnh tình hình kinh tế không thuận lợi, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và việc làm của người lao động gặp nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19 từ đầu năm đến nay để đề xuất với Chính phủ xem xét mức tiền lương tối thiểu cho phù hợp.</p>			
6)	Rà soát, đề xuất chế độ bảo hiểm xã hội hợp lý, hài hòa lợi ích của người lao động, doanh nghiệp và xã hội để doanh nghiệp thích ứng và sử dụng lao động phù hợp.		Đã hoàn thành	
	- Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; theo đó mức đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp giảm từ 1% xuống còn 0,5%.			
	- Tham mưu với Chính phủ trình Quốc hội Nghị quyết của Quốc hội về điều chỉnh mức đóng bảo hiểm thất nghiệp tại Điều 57 của Luật Việc làm (Tờ trình số 127/TTr-CP ngày 07/4/2017).			
	- Năm 2018 đã có Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa 12 ngày 25/3/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.			
	- Năm 2018 đã có Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa 12 ngày 25/3/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.			

	<p>- Nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ xử lý vấn đề theo đúng thẩm quyền: nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015; báo cáo Chính phủ đề xuất phương án bảo vệ quyền lợi về BHXH của người lao động trong các doanh nghiệp giải thể, phá sản, nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội.</p> <p>- - Thực hiện rà soát pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật có liên quan làm cơ sở Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội 2014; trong thời gian chờ Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi, bổ sung, trên cơ sở kết quả rà soát hệ thống pháp luật bảo hiểm xã hội, Bộ đã ban hành theo thẩm quyền hoặc đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội để đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động.</p>			
	- Báo cáo Chính phủ về các giải pháp mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội (Báo cáo số 85/BC-LĐTBXH ngày 25/8/2017).			
	THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG			
1)	Rà soát, đề xuất các chính sách lao động, tiền lương phù hợp với năng suất lao động, bảo hiểm xã hội theo mức của ASEAN 4, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2017.		Đã hoàn thành	
	- Nhiệm vụ này đã được Bộ giao cho Cục Quan hệ lao động và Tiền lương chủ trì thực hiện. Hiện nay Cục Quan hệ lao động và Tiền lương đang tích cực phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ nghiên cứu, rà soát, xây dựng dự thảo Báo cáo đề xuất các chính sách lao động, tiền lương phù hợp với năng suất lao động, bảo hiểm xã hội theo mức của ASEAN 4 để trình Chính phủ.			

Đơn vị: BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp			
1)	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi quy định hiện hành về đất đai theo hướng cho phép các doanh nghiệp hạ tầng khu công nghiệp và doanh nghiệp thứ cấp được phép thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng và huy động vốn dài hạn, trình Chính phủ trong quý III năm 2016. (Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai)		Đã hoàn thành	
2)	Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đất sản xuất trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cho phép áp dụng thời hạn thanh toán tiền thuê đất linh hoạt, phù hợp với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa.		Đang thực hiện	
3)	Sửa đổi các quy định về đấu giá đất thống nhất với quy định lựa chọn nhà đầu tư theo Luật Đấu thầu; sửa đổi thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phù hợp với quy định của Luật Đầu tư, trình Chính phủ trong quý III năm 2016. (Đã được đề xuất quy định trong Luật Đầu tư (sửa đổi))		Đã hoàn thành	
	<ul style="list-style-type: none"> - Đã gửi HS Luật lấy ý kiến các Bộ, ngành tại CV số 6620/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 06/12/2017. Đang chờ sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai Chính phủ đã có Tờ trình số 364/TTr-CP ngày 29 tháng 9 năm 2016 trình Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh. - Quyết định số 490/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc ban hành kế hoạch xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của - Luật đất đai và Quyết định số 591/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai. - Bộ đang triển khai nhiệm vụ rà soát sửa đổi Luật bảo vệ môi trường 		Đang triển khai	

	<i>theo hướng đơn giản hóa, giảm thủ tục hành chính, dự kiến sẽ trình Chính phủ xem xét trình Quốc hội trong năm 2019.</i>			
4)	Sửa đổi thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phù hợp với quy định của Luật Đầu tư, trình Chính phủ trong quý III năm 2016. <i>(Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019)</i>		Đã hoàn thành	
5)	Rà soát sửa đổi các quy định nhằm đơn giản hóa và giảm bớt các thủ tục về đất đai, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong năm 2016.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<p><i>- Tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP có sửa đổi, bổ sung Điều 61 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, qua đó, một số thủ tục hành chính đã cắt giảm từ 1/3 đến 1/2 thời gian so với trước đây.</i></p> <p><i>- Ngày 20 tháng 10 năm 2017, Bộ đã công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai tại Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT.</i></p>			
THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG				
1)	Rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, phương pháp định giá đất và khả năng tiếp cận đất đai cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất bảo đảm tính nhất quán, công khai minh bạch thông tin, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2017. <i>Đã xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định tại Tờ trình số 102/TTr-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2019</i>		Đang triển khai	
2)	Ban hành văn bản hướng dẫn chứng nhận quyền sở hữu tài sản trên đất nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn ngân hàng theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2017, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7 năm 2017.		Đã hoàn thành	
	<i>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã bổ sung một số thủ tục và giảm thời gian thực hiện một số thủ tục theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất thực hiện các thủ tục về đất đai.</i>		Đã hoàn thành	
3)	Nghiên cứu, đề xuất chính sách đột phá trong việc tạo quỹ đất cho doanh	Năm 2019	Đang triển khai	

	<p>nghiệp đầu tư sản xuất, trong đó xem xét, giải quyết các vướng mắc trong việc thu hồi đất đối với trường hợp sử dụng đất vào mục đích kinh doanh, sản xuất thông qua hình thức mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy hoạch..., báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2017.</p>			
	<p>- Quyết định số 490/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc ban hành kế hoạch xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai và Quyết định số 591/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai.</p>			

Đơn vị: BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp			
1)	Rà soát, sửa đổi bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy trình đánh giá sự phù hợp, hợp chuẩn, tạo điều kiện thuận lợi để thương mại hóa sản phẩm của doanh nghiệp. Rà soát, đơn giản hoá quy trình, thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ; nâng cao hiệu quả thực thi và đẩy mạnh việc tạo lập, khai thác, quản trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận, khai thác, sử dụng hiệu quả các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tiếp tục xử lý nghiêm các vi phạm.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007.</i>			
	<i>- Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</i>			
	<i>- Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007.</i> <i>- Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</i> <i>- Ngày 31/3/2017, Bộ KH&CN ban hành Thông tư số 02/2017/TT-BKH&CN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2012/TT-BKH&CN ngày 12/12/2012.</i>			
	<i>- Ngày 16/6/2017, Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BKH&CN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 27/2012/TT-BKH&CN ngày 12/12/2012 quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN, theo tinh thần đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu như đơn giản hóa</i>			

	<i>thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian kiểm tra hàng nhập khẩu, quy định về miễn kiểm tra hàng nhập khẩu (đối với hàng hóa có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu) và đẩy mạnh sang áp dụng biện pháp.</i>			
	<i>- Rà soát sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia qua các hoạt động.</i>			
	<i>Công văn số 2127/BKHCN-KHTC ngày 21/7/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo 5 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP.</i>			
2)	Đề xuất các biện pháp cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ Quỹ Đổi mới Công nghệ Quốc gia và các chương trình hỗ trợ khác của Nhà nước để thực hiện đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc tham gia vào các Chương trình KH&CN quốc gia.</i>		Đã hoàn thành	
	<i>- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới thông qua hệ thống các Chương trình KH&CN quốc gia.</i>		Đã hoàn thành	
	<i>- Tiếp tục các hoạt động củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của các vườn ươm doanh nghiệp KH&CN đã được thành lập.</i>	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG				
1)	Tăng cường thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ thông qua việc triển khai các Chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016, theo đó hỗ trợ, đẩy nhanh việc đăng ký sở hữu trí tuệ, công nhận, công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn cho các sản phẩm đổi mới sáng tạo trong nước.		Đã hoàn thành	
	<i>- Củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của các vườn ươm doanh nghiệp KH&CN đã được thành lập. Xây dựng chỉ tiêu đo lường năng lực</i>			

	<i>hoạt động của các vườn ươm trên cơ sở học tập kinh nghiệm nước ngoài và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.</i>			
	<i>- Chương trình KH&CN quốc gia (Chương trình Sản phẩm quốc gia, Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia, Chương trình phát triển hạ tầng Công nghệ cao, ...) và hệ thống các Chương trình KH&CN trọng điểm quốc gia (các Chương trình KC, KX; Độc lập, Quỹ gen).</i>			
2)	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công bố hợp chuẩn, công bố quy trình đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo hướng nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa sản xuất, nhập khẩu; giảm thiểu hồ sơ, thủ tục công bố hợp quy; tạo dựng môi trường kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; tăng cường công tác hậu kiểm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2018.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đang triển khai	Theo chỉ thị 26/CT-TTg: Nhiệm vụ này được yêu cầu báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2018
3)	Nghiên cứu, xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu thực hành tốt về năng suất làm cơ sở để doanh nghiệp so sánh, đối chiếu và cải tiến hoạt động; hoàn thành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2017.			
	<i>- Nghiên cứu, xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu thực hành tốt về năng suất làm cơ sở để doanh nghiệp so sánh, đối chiếu và cải tiến hoạt động: Đã tổ chức lấy ý kiến chuyên gia góp ý kiến về cấu trúc hệ thống chuẩn đối sánh và phương pháp thực hành tốt nhất về năng suất; Thu thập thử nghiệm dữ liệu của 300 doanh nghiệp doanh nghiệp cho 03 ngành: dệt may, chế biến thủy sản, vận tải – logistic) để đưa vào cơ sở dữ liệu chuẩn đối sánh về năng suất.</i>		Đang triển khai	
4)	Đẩy mạnh hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý nhà nước về mã số mã vạch đáp ứng với yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; phổ biến, tuyên truyền về mã số mã vạch nhằm nâng cao nhận thức người sử dụng; trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP trong Quý III năm 2017.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành giai đoạn 2017 tiếp tục triển khai trong năm 2018.	

<p>- <i>Đẩy mạnh ứng dụng mã số, mã vạch trong doanh nghiệp: Đẩy mạnh ứng dụng mã số mã vạch trong doanh nghiệp qua các hoạt động: Cấp mới, cấp đổi mã doanh nghiệp; cấp mới giấy xác nhận mã nước ngoài; Hoàn thiện phần mềm mã số mã vạch phục vụ trung tâm dữ liệu mã số mã vạch quốc gia; Đưa vào sử dụng ứng dụng quét mã vạch tra cứu thông tin sản phẩm ScanandCheck; Triển khai hoạt động mã số mã vạch năm 2018 theo quy định mới tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP. Những hoạt động này tạo thuận lợi cho quản lý tự động hoạt động bán lẻ, kho bãi, giao nhận, vận chuyển hàng hóa trong chuỗi cung ứng, thúc đẩy xuất khẩu, dễ dàng cho truy xuất nguồn gốc...</i></p>			
--	--	--	--

Đơn vị: BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo			
1)	Rà soát, đánh giá việc thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách đối với doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. <i>Phối hợp với Bộ KHĐT đã ban hành nghị định 57/2018/NĐ-CP thay cho NĐ 210/2013/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.</i>		Đã hoàn thành	
2)	Đề xuất cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai và sử dụng có hiệu quả đất đai nông nghiệp.		Đã hoàn thành	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
	<i>- Đã có tờ trình Chính phủ số 471/BNN-KH ngày 13/01/2017 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, nhằm phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.</i>			
	Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp			
3)	Rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm để điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ cho phù hợp với thị trường và quyền kinh doanh của doanh nghiệp.		Đã hoàn thành	
	<i>- Năm 2017, Bộ NNPTNT đã triển khai lập 20 dự án quy hoạch phục vụ tái cơ cấu ngành: 06 dự án đã hoàn thành; 07 dự án chuyển tiếp, các công việc.</i>			
4)	Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ kết nối doanh nghiệp theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; kết nối với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, định hướng gắn kết đến thị trường quốc tế.		Đã hoàn thành	
	<i>- Tiếp tục tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung và đánh giá các chính sách làm cản trở doanh nghiệp tham gia liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản.</i>			
	<i>- Xây dựng đề xuất đề tài khoa học công nghệ năm 2018 về “Nghiên cứu</i>			

	<i>đề xuất chính sách và giải pháp phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”; xây dựng đề xuất về Điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nông nghiệp nông thôn năm 2017-2018. Dự kiểm quý IV/2018 hoàn thành.</i>			
5)	Đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; bán vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ, bao gồm cả những doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả theo cơ chế thị trường, tạo cơ hội cho doanh nghiệp khu vực tư nhân phát triển.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN: Tổng công ty Lương thực miền Nam, Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam...</i>			
	<i>- Bán vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ.</i>			
	<i>- Hoàn thành thoái vốn/bán vốn nước tại 03 đơn vị (Chính phủ không giao)</i>			
	<i>- Thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ 41/41 phương án sắp xếp công ty nông, lâm nghiệp.</i>			
6)	- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xã hội phát triển. - Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc cung cấp các dịch vụ phát triển kinh doanh: Đào tạo, tư vấn, thông tin, thị trường...		Đã hoàn thành	
	<i>- Bộ trình và ban hành theo thẩm quyền 47 văn bản, bao gồm: Trình 05 Luật; 11 Nghị định, 06 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền 27 Thông tư.</i>			
	<i>- Đã ban hành Quyết định số 350/QĐ-BNN-PC ngày 15/2/2017 về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực năm 2016: 153 văn bản; Thông tư số 10/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 về: Bãi bỏ 23 văn bản; Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định bãi bỏ văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của TTgCP về lĩnh vực nông nghiệp và PTNT: 11 văn bản và 03 văn bản của Bộ hướng dẫn các Quyết định.</i>			
	<i>- Rà soát văn bản QPPL để sửa đổi, bổ sung phù hợp với việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan theo Nghị định 15/2017/NĐ-CP và các Quyết định của Bộ trưởng: 17 văn bản.</i>			
	<i>- Đã có Tờ trình Chính phủ số 471/BNN-KH ngày 13/01/2017 về việc</i>			

	<i>tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, nhằm phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.</i>			
	<i>- Về công khai, minh bạch TTHC: Bộ đã đề nghị Chính phủ công khai đối với 123 TTHC lĩnh vực Lâm nghiệp; công bố TTHC chuẩn hóa 453.</i>			
	THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG			
1)	Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng các dự thảo: Nghị định thay thế Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón trình Chính phủ trong tháng 6 năm 2017 và Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón (thay thế các nội dung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón được quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP và Nghị định số 115/2016/NĐ-CP) theo trình tự thủ tục rút gọn, trình Chính phủ trong Quý III năm 2017.		Đã hoàn thành	
	<i>- Đã trình Thủ tướng Chính phủ Ban hành Nghị định số: 108/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về thay thế Nghị định thay thế Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón.</i>			Nghị định 108/2017/NĐ-CP về quản lý phân bón
	<i>- Đã trình Chính phủ xem xét về Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón (thay thế các nội dung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón được quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP và Nghị định số 115/2016/NĐ-CP) theo trình tự thủ tục rút gọn.</i>			Nghị định 55/2018/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón
2)	Xây dựng dự thảo Nghị định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ theo trình tự thủ tục rút gọn; trình Chính phủ trong Quý IV năm 2017.	Tháng 11/2019	Đã hoàn thành	Luật trồng trọt được thông qua 11/2018

Đơn vị: BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp			
1)	Rà soát, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông hoạt động đúng quy định, phản ánh đúng tình hình; phát huy vai trò hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, xây dựng và quảng bá thương hiệu, tôn vinh doanh nghiệp hoạt động đúng pháp luật và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.	Nhiệm vụ thường xuyên		
	<i>- Ban hành Công văn số 398/BTTTT-TTCS ngày 14/02/2017 đề nghị các Sở Thông tin và Truyền thông triển khai công tác thông tin, tuyên truyền các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2017.</i>		Đang thực hiện	
2)	Thông kê, tổng hợp các tin, bài báo chí phát hiện các hành vi tiêu cực, cản trở hoạt động của doanh nghiệp gửi các cơ quan có thẩm quyền giải quyết và công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đang thực hiện	
	<i>- Qua theo dõi thời gian qua, nhiều tin, bài của các cơ quan báo chí nói chung về phát hiện các hành vi tiêu cực, cản trở hoạt động của doanh nghiệp đã được đăng tải, phản ánh kịp thời tới dư luận, giúp cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền, thực hiện giải quyết và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.</i>			
	<i>- Các cơ quan báo, đài trên cả nước đã mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, giáo dục và nêu gương các điển hình tiên tiến trong việc góp phần cải thiện tốt môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI; tuyên truyền quảng bá nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở; các chuyên đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, WTO...</i>			
	Tổ chức thực hiện			
3)	Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết này và các chính sách về phát triển doanh nghiệp.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Bộ Thông tin và Truyền thông đã định hướng 67 đài phát thanh, truyền hình cùng với 97 tờ báo điện tử và hơn 200 trang thông tin điện tử tổng</i>			

	<i>hợp của các cơ quan báo chí triển khai tuyên truyền sâu rộng, có hiệu quả về việc thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP.</i>			
	<p>+ Tuyên truyền về giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, xác định rõ việc kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong mọi hoạt động kinh tế; đảm bảo sự trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, nhất trí của bộ máy tổ chức đảng và đội ngũ các cơ quan, tổ chức kinh tế, công đoàn.</p> <p>+ Tuyên truyền phổ biến kiến thức, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ cũng như đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; tăng cường quản lý chặt chẽ lao động nước ngoài và người nước ngoài; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người lao động đầu tư, làm việc ở nước ngoài.</p> <p>+ Tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác về âm mưu, hoạt động phá hoại kinh tế của các thế lực thù địch; thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, Nhà nước về quan hệ, tiếp xúc của cán bộ, đảng viên ở các cơ quan, đơn vị kinh tế với các đối tác nước ngoài.</p> <p>+ Tuyên truyền đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh quốc gia trên lĩnh vực kinh tế; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý ngân sách, đầu tư công; bảo đảm an ninh tài chính, an ninh thông tin, an ninh mạng...</p> <p>+ Tuyên truyền nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong thẩm định, cấp phép, quản lý, giám sát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách phát triển kinh tế, đặc biệt là những chương trình, chính sách hỗ trợ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</p> <p>+ Tuyên truyền việc thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.</p> <p>+ Phản ánh các hoạt động quản lý, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phát hiện, đấu tranh xử lý kịp thời các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại; phát hiện, phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm trên lĩnh vực kinh tế. Đấu tranh xử lý các</p>		Đã hoàn thành	

	<p>hành vi trốn thuế, gian lận thương mại, rửa tiền, tham nhũng, tiêu thụ hàng giả, tín dụng đen, tội phạm sử dụng công nghệ cao, xâm phạm an ninh, an toàn hệ thống mạng...</p> <p>+ Tuyên truyền nâng cao chất lượng hiệu quả công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế; phản ánh những cơ hội, thách thức đối với nền kinh tế trong điều kiện Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do của thế giới; những dấu hiệu bất ổn của tình hình kinh tế, tài chính thế giới, khu vực có tác động ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp đến nền kinh tế trên cơ sở đó, góp phần hạn chế các nguy cơ, rủi ro gây ảnh hưởng xấu đến phát triển kinh tế, ổn định trật tự xã hội và an ninh, quốc phòng.</p> <p>+ Đặc biệt, trong đại dịch COVID vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về phòng, chống dịch, báo chí cũng đẩy mạnh tuyên truyền giải pháp của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương trong việc tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội, sức khỏe và đời sống của nhân dân. Khi Việt Nam bước sang trạng thái “<i>bình thường mới</i>”, tỷ lệ tin bài liên quan đến dịch bệnh COVID-19 vẫn được các cơ quan báo, đài tiếp tục duy trì từ 28 % - 40 % tỉ lệ tin, bài về phục hồi, phát triển kinh tế nhưng không chủ quan trong công tác phòng, chống dịch.</p>			
	THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG			
1)	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh hoạt động của cơ quan báo chí theo tinh thần hỗ trợ doanh nghiệp, xử lý nghiêm tình trạng những nhiễu, gây sức ép đối với doanh nghiệp, hoàn thành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7 năm 2017.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã thực hiện	
2)	Hàng tháng định hướng cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường tuyên truyền công tác hỗ trợ doanh nghiệp.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã thực hiện	
3)	Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền Chỉ thị 26/CT-TTg và các chính sách về phát triển doanh nghiệp.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã thực hiện	

Đơn vị: BỘ NỘI VỤ

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp			
1)	Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để báo cáo Chính phủ sửa đổi theo hướng phân định rõ chức năng quản lý nhà nước, không bỏ sót hoặc chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Bộ Nội vụ đã chủ động phối hợp và thẩm định dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, bảo đảm bao quát đầy đủ chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ, đồng thời phân định rõ phạm vi chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ trên cơ sở thực hiện nguyên tắc một việc chỉ do một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện. Tính đến ngày 31/8/2017, Chính phủ đã ban hành 21 Nghị định của các bộ, cơ quan¹.</i>			

¹Nghị định của các bộ, cơ quan: Văn phòng Chính phủ (Nghị định số 150/2016/NĐ-CP); Bộ Giao thông vận tải (Nghị định số 12/2017/NĐ-CP); Ủy ban Dân tộc (Nghị định số 13/2017/NĐ-CP); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Nghị định số 14/2017/NĐ-CP); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Nghị định số 15/2017/NĐ-CP); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Nghị định số 16/2017/NĐ-CP); Bộ Thông tin và Truyền thông (Nghị định số 17/2017/NĐ-CP); Bộ Ngoại giao (Nghị định số 26/2017/NĐ-CP); Bộ Nội vụ (Nghị định số 34/2017/NĐ-CP); Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nghị định số 36/2017/NĐ-CP); Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Nghị định số 60/2017/NĐ-CP); Bộ Giáo dục và Đào tạo (Nghị định số 69/2017/NĐ-CP); Bộ Y tế (Nghị định số 75/2017/NĐ-CP); Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (Nghị định số 79/2017/NĐ-CP); Bộ Xây dựng (Nghị định số 81/2017/NĐ-CP); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Nghị định số 86/2017/NĐ-CP); Bộ Tài chính (Nghị định số 87/2017/NĐ-CP); Bộ Khoa học và Công nghệ (Nghị định số 95/2017/NĐ-CP); Bộ Tư pháp (Nghị định số 96/2017/NĐ-CP); Bộ Công Thương (Nghị định số 98/2017/NĐ-CP); Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (Nghị định số 99/2017/NĐ-CP).

2)	Kiến toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác và hợp tác xã trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.		Đã hoàn thành	
	<i>- Văn bản thẩm định số 143/BNV-TCBC ngày 12/01/2017 Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25/7/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</i>			
3)	Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 – 2020.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã và đang thực hiện	
	<i>- Đã ban hành Quyết định 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.</i>			

Đơn vị: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp			
1)	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và đạo đức đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm có đủ phẩm chất, năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ theo tinh thần hỗ trợ doanh nghiệp.	Năm 2017	Đã hoàn thành	Nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm thời gian hỗ trợ doanh nghiệp
	Quyết định số 1182/QĐ-BGTVT ngày 07/06/2018 về phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC trong lĩnh vực GTVT		Đã thực hiện đạt 65%	
	<i>- Bộ GTVT đã thực hiện rà soát, kiểm soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 đạt trên 88% kế hoạch, đào tạo ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính, áp dụng quy trình ISO.</i>			
	Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp			
2)	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các thủ tục đầu tư quy định tại Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục phù hợp với quy định của Luật Đầu tư, trình Chính phủ trong quý IV năm 2016.	Năm 2018	Đã hoàn thành	
	Quyết định số 767/QĐ-BGTVT ngày 17/4/2018 công bố phương án cắt giảm, đơn giản các quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực giao thông vận tải, trong đó cắt giảm 384 điều kiện trên tổng số 570 điều kiện kinh doanh			

	- Hiện nay, Bộ GTVT đang chủ động rà soát các điều kiện đầu tư, kinh doanh trên cơ sở kiến nghị của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, doanh nghiệp để xem xét, nghiên cứu xử lý theo hướng tiếp tục cắt giảm các điều kiện không thực sự cần thiết, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng cho doanh nghiệp phát triển lành mạnh.			
3)	Rà soát các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm để điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ cho phù hợp với thị trường và quyền kinh doanh của doanh nghiệp.	Năm 2018	Đang nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển chuỗi dịch vụ logistic theo ngành	Tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển kinh tế
	<i>Quyết định số 236/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/02/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông hàng không giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.</i> <i>Quyết định số 2072/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.</i>			
	- Các quy hoạch phát triển ngành gồm: Hàng không, hàng hải, đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa đang được rà soát, báo cáo TTCP theo Luật quy hoạch 2017.			
4)	Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ kết nối doanh nghiệp theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; kết nối với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, định hướng gắn kết đến thị trường quốc tế.	2018-2020	Đang thực hiện	Tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, phát triển kinh tế, xã hội
	- Đang nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển chuỗi dịch vụ logistics theo ngành.			
5)	Đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; bán vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ, bao gồm cả những doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả theo cơ chế thị trường, tạo cơ hội cho doanh nghiệp khu vực tư nhân phát triển.	Năm 2018-2020	Hoàn thành tái cơ cấu, cổ phần hóa giai đoạn 2017-2020 theo quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 về phê duyệt doanh mục	Đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của TTCP, tạo điều kiện thu hút nguồn lực đầu tư của các thành phần kinh tế, tăng nguồn thu cho

			doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020 và hoàn thành việc chuyển giao các Tổng công ty, doanh nghiệp về SCIC và UBQLV.	NSNN.
	<i>- Bộ đang triển khai CPH Tổng công ty HHVN, bán vốn nhà nước tại Tổng công ty Cảng HKVN, Tổng công ty HKVN; chuyển giao 04 CTCP về SCIC để tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ vốn theo chỉ đạo của TTCP.</i>			
	<i>Bộ đang triển khai CPH Tổng công ty HHVN, bán vốn nhà nước tại Tổng công ty Cảng HKVN, Tổng công ty HKVN; chuyển giao 04 CTCP về SCIC để tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ vốn theo chỉ đạo của TTCP.</i>			
6)	- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xã hội phát triển. - Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc cung cấp các dịch vụ phát triển kinh doanh: Đào tạo, tư vấn, thông tin, thị trường...		Không có	
	Giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp			
7)	Xem xét sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, bảo đảm công khai minh bạch về giá và phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển. Thực hiện các giải pháp kiểm soát hợp lý, phù hợp với thông lệ quốc tế việc thu của các hãng tàu.		Đã hoàn thành	Tạo điều kiện công khai, minh bạch và giám sát, kiểm tra mức thu của các hãng tàu.
	<i>- Bộ GTVT đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa công-te-nơ bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển (có hiệu từ ngày 01/7/2017), Bộ đã hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động này đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của Nghị định số 146/2016/NĐ-CP, tạo điều kiện hỗ trợ cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn.</i>			
	THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG			

1)	Có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo giám sát doanh thu thu phí thực tế của các dự án BOT để xác định thời gian, mức thu phí; rà soát, khắc phục ngay các bất cập trong quản lý vận hành, vị trí đặt trạm thu phí, mức thu phí; công khai lưu lượng phương tiện, doanh thu, chi phí quản lý, lợi nhuận nhà đầu tư, lãi suất vay vốn, chi phí xây lắp công trình dự án, hoàn thành trong tháng 7 năm 2017.		Đang thực hiện	Tăng công khai, minh bạch và vai trò giám sát của người dân và doanh nghiệp đối với hoạt động của doanh nghiệp BOT.
	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, điều chỉnh giảm chi phí sử dụng đường bộ, BOT tại 62 dự án BOT đang quản lý - Cơ bản hoàn thành phương án điều chỉnh giá dịch vụ BOT của 55 dự án BOT đã có giá trị quyết toán. - Làm việc với các Bộ, ngành, các nhà đầu tư và các cơ quan liên quan để xử lý các bất cập tại các trạm thu phí. Đến thời điểm này, một phần bất cập tại các trạm thu phí đã được giải quyết. 			
	- Đến ngày 30/11/2017, Bộ GTVT đã triển khai giám sát 10 ngày liên tục đối với 29 dự án. Trong thời gian tới, sẽ tiếp tục triển khai công tác này để tổng hợp số liệu, làm cơ sở tính toán thời gian thu, mức thu các dự án BOT.			
	- Bộ GTVT đã có văn bản chỉ đạo việc nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ sao lưu dữ liệu thu giá sử dụng dịch vụ đường bộ và công khai thông tin lưu lượng phương tiện, tổng mức đầu tư của dự án (tổng mức đầu tư cập nhật theo giá trị quyết toán nếu dự án đã được quyết toán), tổng thời gian thu, thời điểm bắt đầu thu, thời gian thu còn lại, doanh thu tháng trước, doanh thu lũy kế của trạm thu giá tính đến thời điểm cuối tháng trước liền kề... tại trạm thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo Thông tư số 49/2016/TT-BGTVT quy định về xây dựng, tổ chức và hoạt động của trạm thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ. Đến nay, có 14 nhà đầu tư trình hồ sơ đề nghị thoả thuận hạng mục nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ sao lưu dữ liệu thu giá sử dụng dịch vụ đường bộ. Bộ GTVT đã đôn đốc, yêu cầu các nhà đầu tư khẩn trương			

	<i>trình hồ sơ để sớm triển khai thực hiện công tác trên.</i>			
2)	Chỉ đạo thực hiện lộ trình áp dụng thu phí điện tử không dừng liên thông toàn hệ thống trên tất cả các trạm thu phí sử dụng công nghệ Việt Nam theo Quyết định số 07/2017/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ tiến độ thực hiện định kỳ hàng quý.		Đang thực hiện	
	<p>- Ngày 04/10/2017, Bộ Giao thông vận tải đã có Công văn số 11264/BGTVT-ĐTCT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tiến độ triển khai hệ thống thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ tự động. Theo đó, việc triển khai gồm 2 giai đoạn:</p> <p>+ Giai đoạn 1 (áp dụng trên Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên) do Liên danh Công ty cổ phần TASCOT – Công ty cổ phần VETC là nhà đầu tư thực hiện Dự án. Bộ đã chỉ đạo Liên danh trên và các nhà đầu tư dự án BOT trên đoạn tuyến thuộc phạm vi giai đoạn 1 khẩn trương thực hiện, đảm bảo tiến độ chậm nhất đến ngày 31/12/2018 tất cả các trạm thu BOT phải thực hiện thu theo hình thức điện tử tự động không dừng. Đến nay, đã đưa vào vận hành chính thức được 12/28 trạm, đang triển khai lắp đặt cho 06 trạm, dự kiến đến hết năm 2017 sẽ đưa vào vận hành chính thức tối thiểu 2 làn thu giá dịch vụ tại tất cả các trạm thuộc Dự án.</p> <p>+ Giai đoạn 2 (áp dụng đối với các trạm còn lại trên toàn quốc): Bộ Giao thông vận tải đã giao Liên danh Ngân hàng Vietinbank – Công ty Đèo Cả lập đề xuất dự án đối với các trạm từ Đà Nẵng vào miền Nam. Hiện nay, các đơn vị đã hoàn thành hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án, Bộ GTVT đang thẩm định, dự kiến tổ chức đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án trong năm 2018.</p>			
	<p>Đến hết Quý II năm 2020, tình hình triển khai hoạt động thu phí không dừng như sau:</p> <p>Giai đoạn 1: bao gồm 44 trạm thu phí): Bộ GTVT đã triển khai thu phí không dừng lại tại 40 trạm thu phí.</p>		Đã hoàn thành	

	<i>Giai đoạn 2 (gồm 33 trạm): đã triển khai ký hợp đồng với Liên danh nhà đầu tư và Doanh nghiệp dự án.</i>			
3)	Ban hành định mức về chi phí vận hành khai thác các dự án BOT như: Chi phí bảo trì đường bộ, chi phí trùng tu đại tu, chi phí quản lý thu phí... tùy theo quy mô và công nghệ thu phí; hoàn thành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2017.	Năm 2018	Đang thực hiện	
	<p><i>- Về chi phí bảo trì công trình xây dựng: Theo quy định tại Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Bộ Xây dựng là cơ quan có thẩm quyền ban hành thông tư hướng dẫn lập và quản lý chi phí xây dựng, chi phí bảo trì. Ngày 16/3/2017, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BXD hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng.</i></p> <p><i>- Hiện nay, việc quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng được thực hiện như sau: (1) Các nhiệm vụ tư vấn (khảo sát, thiết kế, lập dự án, kiểm định, quan trắc), thi công sửa chữa áp dụng định mức như công tác xây dựng cơ bản; (2) Công tác bảo dưỡng thường xuyên đường quốc lộ lập theo định mức được ban hành tại Quyết định số 3409/QĐ-BGTVT ngày 08/9/2014 của Bộ Giao thông vận tải; đường cao tốc áp dụng theo định mức được ban hành tại Quyết định số 2744/QĐ-BGTVT ngày 30/8/2016 của Bộ Giao thông vận tải. Tại buổi họp ngày 15/11/2017 do lãnh đạo Bộ Xây dựng chủ trì, Bộ GTVT đã báo cáo về công tác lập và quản lý chi phí bảo trì và Bộ Xây dựng đã đồng thuận với việc thực hiện của Bộ GTVT.</i></p> <p><i>Về định mức chi phí quản lý tổ chức thu giá: Hiện nay, Bộ GTVT đã chỉ đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam đang phối hợp với Viện chiến lược và phát triển giao thông vận tải xây dựng định mức, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.</i></p>			

Đơn vị: BỘ Y TẾ

	THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG			
1)	Rà soát các quy định về điều kiện thành lập bệnh viện theo hướng phân cấp cho các địa phương phê duyệt thành lập các bệnh viện ngoài công lập.		Đang thực hiện	
	<i>- Để thành lập Bệnh viện tư nhân các thủ tục thành lập phần lớn đã phân cấp cho địa phương như: thủ tục xin cấp đất, thủ tục xin phép xây dựng, thủ tục bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy, thủ tục vệ bảo vệ môi trường, cấp chứng chỉ hành nghề cho người hành nghề, cấp phép xả thải,..</i>			
	<i>- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hiện nay Bộ Y tế đang thực hiện xây dựng đề án sửa đổi, bổ sung Luật Khám bệnh, chữa bệnh, dự kiến trình Chính phủ để đề xuất trình Quốc hội vào năm 2019, theo hướng phân cấp cho các Sở Y tế thẩm định hoạt động các Bệnh viện ngoài công lập.</i>			
2)	<p>Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển ngành công nghiệp dược chất lượng cao tầm nhìn 2030 với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm của khu vực, phát triển công nghiệp hóa dược, dược liệu trong nước; hoàn thành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý I năm 2018.</p> <p>Bộ Y tế đã tổng hợp, đánh giá sơ bộ về thực trạng, các chủ trương, chính sách và định hướng của Đảng, Chính phủ, tham khảo các ý kiến đề nghị của Eurocham và dự thảo Kế hoạch xây dựng đề án và dự thảo Đề cương xây dựng Đề án; đã tổ chức 03 cuộc họp các thành viên là bộ phận thường trực Ban soạn thảo, trong đó có buổi họp tham vấn ý kiến của đại diện Vụ Khoa giáo Văn xã - Văn phòng Chính phủ để xây dựng dự thảo dự thảo Quyết định phê duyệt Đề cương xây dựng “Đề án phát triển công nghiệp dược, nguyên liệu, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035”.</p> <p>Theo Quyết định 1624/QĐ-BYT, đề án sẽ trình Chính phủ trong năm 2019. Tuy nhiên, do cần có thời gian để ưu tiên thực hiện các hoạt động nên Bộ Y tế Bộ Y tế xin lùi lịch trình Thủ tướng Chính phủ sang quý IV năm 2020 và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Cụ thể:</p>		Đang thực hiện	

	<p>+ Triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 10/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 2614/QĐ-BYT ngày 16/7/2014 về việc ban hành).</p> <p>+ Triển khai Quyết định số 6693/QĐ-BYT ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Ban soạn thảo xây dựng Đề án quy hoạch hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định Nhà nước về dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.</p> <p>+ Khắc phục tồn tại, hoàn thiện hệ thống NRA theo kết quả đánh giá NRA (từ ngày 20-24/11/2018) của Đoàn đánh giá – WHO để Việt nam được công nhận NRA trong năm 2019.</p> <p>- Ngày 20/9/2019, Ban soạn thảo Đề án đã tổ chức họp, lấy ý kiến dự thảo Quyết định phê duyệt Đề cương xây dựng đề án phát triển công nghiệp dược, nguyên liệu, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035'. Bộ Y tế đã tiếp thu các ý kiến góp ý, hoàn thiện Đề cương xây dựng Đề án.</p> <p>- Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 160/QĐ-BYT ngày 20/01/2020 về việc thành lập Ban soạn thảo xây dựng Đề án, Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 20/01/2020 về việc phê duyệt đề cương xây dựng Đề án để sửa đổi tên Đề án, kiện toàn Ban soạn thảo Đề án và phê duyệt Đề cương xây dựng Đề án. Theo kế hoạch đã phê duyệt Đề án sẽ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quý IV/2020 theo đúng Chương trình công tác của Chính phủ năm 2020.</p>			
3)	Tiếp tục đẩy mạnh việc quản lý, bảo đảm an toàn thực phẩm.		Đã hoàn thành	
	- Về sửa đổi, bổ sung Luật An toàn thực phẩm (ATTP)			
	- Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.			

	<p>Nghị định ban hành với nhiều cơ chế mới quản lý ATTP (quản lý dựa trên nguy cơ, chuyển mạnh sang hậu kiểm, phân công rõ ràng trách nhiệm quản lý...) phù hợp với thông lệ quốc tế. Đây là một chính sách lớn của Chính phủ tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp nhưng đồng thời cũng tăng trách nhiệm của doanh nghiệp đối với an toàn của thực phẩm do mình sản xuất.</p> <p>- Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 quy định xử phạt VPHC về ATTP thay thế Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013</p> <p>Nghị định ban hành với chế tài xử lý mạnh hơn, bảo đảm tính răn đe, trong đó tăng mức phạt tiền ở các hành vi, mức phạt tiền tối đa đến 07 lần giá trị hàng hóa vi phạm.</p> <p>- Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>Nghị định ban hành đã cắt giảm tối đa các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không ảnh hưởng đến chất lượng các dịch vụ chuyên môn hoặc đã được pháp luật chuyên ngành khác quy định hoặc có sự chồng chéo giữa các văn bản gây khó khăn khi thực hiện, trong đó về lĩnh vực an toàn thực phẩm có 948 điều kiện đầu tư kinh doanh, đã bãi bỏ/đơn giản 806 điều kiện (tỷ lệ cắt giảm 85,02%), 54 thủ tục hành chính, đã bãi bỏ/đơn giản 37 thủ tục (tỷ lệ cắt giảm 68,52%).</p>			
--	---	--	--	--

Đơn vị: BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1	Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo		Đã hoàn thành	
	<p>- Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 (Đề án 1665).</p> <p>- Ban hành Quyết định số 1230/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2018 về Kế hoạch triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” của ngành Giáo dục.</p> <p>- Ban hành Công văn số 1832/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 08/5/2018 về việc triển khai Đề án; Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025.</p> <p>- Phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 126/2018/TT-BTC ngày 26/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Đề án ;Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025.</p>			
2	Đảm bảo quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp.		Đã hoàn thành	
	<p>Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.</p> <p>Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP;</p> <p>Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (thay thế Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ).</p>			
3	Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; đề xuất các giải		Đã hoàn thành	

	<i>pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các trường đại học</i>			
	<p>- Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện TTHC.</p> <p>- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Công văn số 174/TTg-KSTT ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và ĐKKD.</p> <p>- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 (Nghị định số 86) quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục thay thế Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ (Nghị định số 73).</p> <p>- Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.</p> <p>Quyết định số 204/QĐ-BGDĐT ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020.</p> <p>Quyết định số 1400/QĐ-BGDĐT ban hành Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bộ GDĐT.</p>			
	Đề xuất các giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các trường đại học.		Đã hoàn thành	
	<p>Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017.</p> <p>Tờ trình số 702/TTr-BGDĐT ngày 14/8/2018 trình Chính phủ ban hành Nghị định. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày 11/06/2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 05 năm 2019: “Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ theo hướng quy định</p>			

	<p>về cơ chế tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập chung cho tất cả các lĩnh vực” và theo Thông báo số 252/TB-VPCP ngày 22/7/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ về sửa đổi Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 yêu cầu các Bộ quản lý chuyên ngành:</p> <p>“Không ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ về tài chính, tổ chức, bộ máy, biên chế và vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập riêng từ Rà soát, sửa đổi Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.ng lĩnh vực”.</p> <p>Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giáo dục Đại học.</p>			
	<p>Chủ trì, phối hợp với Kiểm toán nhà nước và các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra, đặc biệt là thanh tra chuyên ngành, kiểm tra và kiểm toán theo hướng lồng ghép, phối hợp và kế thừa kết quả hoạt động giữa các cơ quan. Công khai trước kế hoạch thanh tra, kiểm tra và kiểm toán doanh nghiệp để tránh trùng lặp, chồng chéo; không thanh tra, kiểm tra khi không có căn cứ theo quy định của pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực về quản lý thuế.</p> <p>Rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính trong việc cấp phép đầu tư trong lĩnh vực giáo dục đào tạo nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mở rộng trường đại học theo hướng khuyến khích hậu kiểm, giảm mạnh tiền kiểm trên cơ sở ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn cụ thể, dễ hiểu, dễ tuân thủ; đề xuất các giải pháp tăng quyền tự chủ, chịu trách nhiệm trng các trường đại học, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý I/2018.</p>			

Đơn vị: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
	THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP			
	Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp			
1)	Điều hành chính sách tiền tệ chủ động linh hoạt, chặt chẽ, duy trì mặt bằng lãi suất thị trường ở mức hợp lý, đồng thời bảo đảm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục nhưng mức tăng của tổng phương tiện thanh toán (M2) và lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp: M2 giai đoạn 2016-2019 và 9 tháng đầu năm 2020 (đến ngày 24/9/2020) tăng lần lượt là 17,65%; 14,91%; 12,21%; 14,22% và 8%. Lạm phát bình quân các năm 2016-2019 và 9 tháng đầu năm 2020 lần lượt là 2,66%; 3,53%; 3,54%; 2,79% và 3,85%, được duy trì khá ổn định quanh ngưỡng mục tiêu 4% và thấp hơn nhiều so với mức bình quân 18,58% của năm 2011 và 7,8%/năm của giai đoạn 2011-2015. Lạm phát cơ bản từ năm 2016 đến nay tương đối ổn định ở mức thấp, thể hiện sự ổn định và hiệu quả trong công tác điều hành CSTT; đồng thời, tạo dư địa để Chính phủ điều chỉnh giá các mặt hàng và dịch vụ Nhà nước quản lý (lạm phát cơ bản bình quân các năm 2016-2019 và bình quân 9 tháng đầu năm 2020 lần lượt là 1,83%; 1,41%; 1,48%; 2,01% và 2,59%). Ước cả năm 2020, lạm phát bình quân dưới 4%, hoàn thành mục tiêu Quốc hội giao tại các Nghị quyết số 142/2016/QH13 và Nghị quyết số 85/2019/QH14</i>			
	<i>- Từ năm 2016 đến nay, NHNN điều chỉnh giảm 2-2,5%/năm các mức lãi suất điều hành, giảm 0,8-1,5%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới</i>			

<p>6 tháng, giảm 2,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên. Trong đó, chỉ riêng trong 9 tháng đầu năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, NHNN đã 03 lần điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất với quy mô cắt giảm tương đối mạnh, cụ thể: (i) Ngày 17/3/2020, NHNN giảm các mức lãi suất điều hành từ 0,5-1%/năm, giảm 0,25-0,3%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 0,5% trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên; (ii) Ngày 13/5/2020, NHNN tiếp tục giảm đồng bộ 0,5%/năm các mức lãi suất điều hành để phát tín hiệu mạnh mẽ và nhất quán về định hướng điều hành giảm lãi suất, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD; giảm 0,3-0,5%/năm trần lãi suất tiền gửi và giảm 0,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên nhằm tiếp tục giảm chi phí vốn vay của khách hàng; (iii) Ngày 01/10/2020, NHNN tiếp tục giảm đồng bộ 0,5%/năm các mức lãi suất điều hành, giảm 0,25%/năm trần lãi suất tiền gửi và giảm 0,5% trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên 2. Mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm, lãi suất cho vay tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên hiện ở mức 4,5%/năm, giảm khoảng 2,5%/năm so với năm 2016. Theo số liệu của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), lãi suất cho vay của Việt Nam không cao hơn mặt bằng lãi suất cho vay của các nước trong khu vực có trình độ phát triển tương đồng. Tính đến tháng 7/2020, lãi suất cho vay bình quân của ASEAN-6 khoảng 5,7%/năm, ASEAN-4 khoảng 4,82%; Việt Nam 7,2%/năm. Trong đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam (4,5%/năm) hiện thấp hơn mức lãi suất cho vay bình quân của ASEAN-4. Nếu so với các nước có trình độ phát triển</p>			
--	--	--	--

² (i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4%/năm xuống 2,5%/năm; Lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở giảm từ 4%/năm xuống 2,5%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm; (ii) Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và dưới 1 tháng giảm từ 0,8%/năm xuống 0,2%/năm, lãi suất tối đa đối với tiền gửi VND kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng từ 5%/năm xuống 4%/năm; (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm từ 6%/năm xuống 4,5%/năm.

	<i>tương đồng như Indonesia (9,41%), Mông Cổ (16,92%), Bangladesh (7,79%), Myanmar (14,5%), và Ấn Độ (9,05%)³ thì lãi suất Việt Nam chỉ ở mức trung bình.</i>			
	<i>- Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới (Doing Business - DB) đã ghi nhận sự cải thiện về môi trường kinh doanh của Việt Nam theo từng năm. Trong hai năm 2016, 2017, Việt Nam không có sự cải thiện về khuôn khổ pháp lý tác động đến điểm số về chiều sâu quyền pháp lý, tuy nhiên, đối với điểm số về chiều sâu thông tin tín dụng, Việt Nam đã gần đạt điểm tuyệt đối, 07/08 điểm. DB 2018 đã ghi nhận sự cải thiện về môi trường kinh doanh của Việt Nam, bao gồm cả sự cải thiện điểm số chung và từng chỉ tiêu cấu phần; liên quan đến chỉ số tiếp cận tín dụng, Việt Nam đã tăng 03 bậc (từ vị trí 32 lên 29), điểm số quy đổi đo lường chỉ số môi trường kinh doanh (DTF) đạt 75/100 (so với điểm số DTF của 2017 là 70/100). Mới đây, theo báo cáo DB 2020 công bố ngày 24/10/2019, chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam tăng 7 bậc so với báo cáo DB 2019, từ thứ bậc 32 lên 25, xếp hạng 25/190 nước. Điểm đánh giá của Việt Nam luôn cao hơn mức trung bình của khu vực Đông Á - Thái Bình Dương và nhóm các nước thu nhập cao OECD, xếp thứ hạng cao trong khu vực ASEAN cũng như trong khu vực Châu Á và nằm trong top 25 Thế giới.</i>			
2)	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ các mô hình hoạt động tài chính vì môi trường phát triển.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Đã ban hành Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vì môi trường;</i> <i>- NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số</i>			

³ Tính đến tháng 7/2020.

	<p>20/2017/QĐ-TTg ngày 12/6/2017 quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ. Hiện, NHNN đang tiến hành rà soát, đánh giá, tổng kết 2 năm việc thực hiện Quyết định 20/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung phù hợp thực tiễn;</p> <p>- Triển khai khảo sát các tổ chức TCVM và chương trình, dự án TCVM nhằm nắm bắt, xử lý các khó khăn, vướng mắc, hoàn thiện hệ thống pháp lý, bảo đảm hoạt động lành mạnh, góp phần hỗ trợ nhu cầu vay vốn của người dân, hạn chế tín dụng đen.</p>			
3)	<p>Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn tín dụng như sau:</p> <p>+ Rà soát, đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn, giảm bớt phiền hà cho khách hàng, bảo đảm an toàn vốn vay và phù hợp với quy định của pháp luật; nâng cao năng lực thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng.</p> <p>+ Nghiên cứu, xây dựng các chương trình vay vốn với lãi suất hợp lý, khuyến khích đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng để tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp.</p>	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<p>- Các dịch vụ ngân hàng được sử dụng phổ biến như: dịch vụ kiều hối, chuyển tiền, dịch vụ thẻ, dịch vụ tiền mặt và nhiều loại hình dịch vụ, tiện ích thanh toán khác cũng được cải tiến, đổi mới thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, đã làm giảm chi phí, rút ngắn thời gian cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp, người dân.</p>			
	<p>- Các ngân hàng đến nay đã công bố công khai trên Trang tin điện tử các thông tin theo chỉ đạo của NHNN, như: thông tin về các quy trình, thủ tục, hồ sơ tín dụng, dịch vụ; lãi suất, phí dịch vụ; quy định tiêu chuẩn</p>			

	<i>chất lượng (thời gian, mức độ hài lòng) đối với các dịch vụ...</i>			
	<i>- Ban hành Thông tư quy định về hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng nhằm tăng tính công khai, minh bạch trong hoạt động cho vay; tích cực yêu cầu các TCTD đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn, bãi bỏ các thủ tục hành chính không phù hợp, công khai các thủ tục giao dịch với khách hàng, cắt giảm các khoản phí, chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng phục vụ hoạt động sản xuất.</i>			
	<i>- Triển khai mạnh mẽ các chương trình tín dụng ưu đãi đối với một số ngành, lĩnh vực đặc thù, đặc biệt là đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn như chương trình tín dụng theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP; chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết số 30/NQ-CP4 ngày 07/3/2017 của Chính phủ; cho vay hỗ trợ ngư dân đóng tàu theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP5;... Đồng thời, NHNN kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo các TCTD thực hiện có hiệu quả và đi vào thực chất Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp⁶ và nhiều chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhằm khắc phục khó khăn do thiên tai, ngập mặn, sự cố</i>			

⁴ Đến nay, dư nợ cho vay nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch đạt gần 28.000 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là cho vay đối với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với dư nợ đạt gần 26.000 tỷ đồng (chiếm 92,8% dư nợ chương trình)

⁵ Kể từ thời điểm 2014 đến ngày 31/12/2017 (thời điểm dừng ký kết mới hợp đồng cho vay đóng mới, nâng cấp tàu theo chỉ đạo của Chính phủ), 04 NHTM Nhà nước đã ký hợp đồng tín dụng đối với ngư dân để cho vay đóng mới, nâng cấp 1.177 tàu (1.031 tàu đóng mới và 146 tàu nâng cấp) với tổng số tiền cam kết cho vay đạt trên 11.700 tỷ đồng, dư nợ đến cuối quý II/2020 đạt 9.936 tỷ đồng với 1.157 tàu còn dư nợ

⁶ Đến cuối tháng 9/2017, đã có khoảng 300 buổi gặp gỡ, đối thoại giữa ngân hàng và doanh nghiệp được tổ chức. Qua đó, các ngân hàng cam kết cho vay mới đối với các doanh nghiệp gần 570.000 tỷ đồng, và đã thực hiện giải ngân hơn 700.000 tỷ đồng cho gần 50.000 khách hàng doanh nghiệp và trên 190.000 đối tượng khác. Dư nợ cho vay theo chương trình còn 580.000 tỷ đồng. Đồng thời, các ngân hàng còn áp dụng các hình thức hỗ trợ khác như gia hạn nợ, cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ, giảm lãi suất cho vay đối với các khoản vay cũ với tổng dư nợ được hỗ trợ trên 80.000 tỷ đồng cho gần 3.000 doanh nghiệp và hơn 5.000 khách hàng khác.

Bên cạnh đó, hệ thống các TCTD cũng đã tích cực đổi mới, đưa ra trên 70 chương trình, sản phẩm tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp với nguồn vốn ưu đãi, trong đó có 15 chương trình áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp

	<i>môi trường, giá cả nông sản sụt giảm đột biến...</i>			
4)	Chỉ đạo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình kết nối doanh nghiệp - ngân hàng và chương trình bình ổn giá trên địa bàn nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>Ngành Ngân hàng đã tổ chức các Hội nghị, buổi gặp gỡ, đối thoại để kết nối ngân hàng-doanh nghiệp trong năm 2016 là 733 cuộc; năm 2017 là 1.070 cuộc; năm 2018 là 1.500 cuộc. Riêng trong năm 2019, NHNN đã phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố tổ chức 06 Hội nghị lớn về công tác tín dụng tại 03 thành phố lớn và 03 khu vực kinh tế trọng điểm, cùng với 350 cuộc gặp gỡ, đối thoại trên cả nước do NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố phối hợp với các TCTD trên địa bàn tổ chức. Trong những tháng đầu năm 2020, NHNN đã tổ chức Hội nghị tại 15 tỉnh, thành phố nhằm triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19</i>			
5)	Thực hiện đồng bộ lộ trình hạn chế tín dụng ngoại tệ đi đôi với phát triển thị trường mua bán ngoại tệ đáp ứng nhu cầu thanh toán ngoại tệ cho người dân và doanh nghiệp. Xem xét đáp ứng nhu cầu tín dụng ngoại tệ đối với một số ngành hàng, lĩnh vực theo hướng không làm tăng chi phí của doanh nghiệp.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đang thực hiện	
	<i>- Từ đầu năm 2016 đến nay, NHNN điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt, phù hợp với cân đối vĩ mô, diễn biến thị trường và mục tiêu CSTT trong từng giai đoạn cụ thể. Theo đó, NHNN thực hiện công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày trên cơ sở tham chiếu diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT góp phần ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước. Trong một số giai đoạn, NHNN thực hiện mua ngoại tệ từ các TCTD, bổ sung DTNHNN khi điều kiện thị trường thuận lợi. Ngược lại, trong một số giai đoạn (như cuối năm 2016, nửa cuối năm 2018), khi tỷ giá tăng mạnh, cầu ngoại tệ có dấu hiệu căng thẳng, NHNN đã thực hiện bán ngoại tệ can thiệp (bao gồm cả</i>			

	<p><i>bán ngoại tệ kỳ hạn) để cân đối cung-cầu ngoại tệ và ổn định thị trường ngoại tệ. Những tháng đầu năm 2020, trong bối cảnh kinh tế, tài chính thế giới biến động nhanh, phức tạp do tác động của dịch bệnh Covid-19, tâm lý trên thị trường có thời điểm bị tác động tiêu cực, NHNN đã điều hành tỷ giá linh hoạt, chủ động, kết hợp với các giải pháp điều tiết thanh khoản hợp lý, chủ động truyền thông, điều chỉnh giảm tỷ giá bán can thiệp và sẵn sàng bán ngoại tệ can thiệp để bình ổn thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Tỷ giá và thị trường ngoại tệ về cơ bản ổn định, tâm lý thị trường không xáo trộn, nhất là cân đối cung, cầu vẫn khá thuận lợi, thanh khoản thông suốt.</i></p> <p><i>Tỷ giá trung tâm các năm 2016-2019 và đến ngày 28/9/2020 lần lượt tăng 1,23%; 1,2%; 1,78%; 1,45% và 0,31% so với cuối năm trước; tỷ giá bình quân liên ngân hàng lần lượt tăng 1,2%; giảm 0,25%; tăng 2,16%; giảm 0,12% và tăng 0,08% so với cuối năm trước. Đồng Việt Nam ổn định hơn nhiều so với đồng tiền của nhiều đối tác thương mại.</i></p>			
	<p><i>- NHNN đã ban hành: (i) Thông tư số 42/2018/TT-NHNN trong đó có quy định dừng cho vay ngoại tệ đối với một số nhu cầu vốn đặc thù phù hợp với chủ trương của Chính phủ về hạn chế tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế:: (ii) Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 hướng dẫn thực hiện các quy định về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.</i></p> <p><i>-Lộ trình chấm dứt cho vay ngoại tệ đối với một số nhu cầu vốn đặc thù đã được NHNN: (i) nghiên cứu, đánh giá kỹ thị trường, nhu cầu giao dịch của các TCTD và nền kinh tế trên cơ sở điều kiện kinh tế vĩ mô, cân đối cung - cầu ngoại tệ; (ii) tổ chức truyền thông sâu rộng về lộ trình từng bước chấm dứt cho vay ngoại tệ trong chủ trương tổng thể về chống đô la hóa.</i></p>		Đã hoàn thành	

	<p>- NHNN đã: (i) cấp phép bổ sung hoạt động kinh doanh dịch vụ ngoại hối và phái sinh cho nhiều TCTD; (ii) cho phép doanh nghiệp nhập khẩu được mua ngoại tệ từ các TCTD được phép hoạt động ngoại hối để thanh toán nhập khẩu trên cơ sở xuất trình chứng từ hợp pháp; (iii) Điều hành tỷ giá phù hợp với tình hình thị trường và mục tiêu CSTT</p> <p>Do đó, hoạt động mua bán ngoại tệ diễn ra thông suốt, các nhu cầu về ngoại tệ hợp pháp của cá nhân, tổ chức được đáp ứng kịp thời.</p>			
	<p>- Tiếp tục điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt theo tín hiệu thị trường, phù hợp với cung cầu ngoại tệ, đảm bảo thị trường ngoại hối hoạt động hiệu quả, thông suốt, đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong dịp Tết Nguyên đán; Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên, trong quý I/2018, thanh khoản thị trường ngoại tệ tốt, hệ thống các TCTD có xu hướng mua ròng ngoại tệ từ khách hàng. Tính đến cuối tháng 5/2018, quy mô DTNHNN đã đạt mức gần 60 tỷ USD.</p>			
	THỰC HIỆN CHỈ THỊ 26/CT-TTG			
1)	<p>Chỉ đạo các ngân hàng thương mại đẩy mạnh triển khai Quyết định số 813/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giám sát việc triển khai cho vay theo chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2017.</p>	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<p>- Theo báo cáo của các TCTD đến nay, doanh số cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch đạt khoảng 65.000 tỷ đồng, dư nợ đạt gần 28.000 tỷ đồng với hơn 14.400 khách hàng còn dư nợ.</p>			
2)	<p>Tiếp tục rà soát, nghiên cứu đề xuất các giải pháp phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn, chỉ đạo các tổ chức tín dụng chủ động nghiên cứu, xây dựng các chương trình, gói tín dụng với lãi suất hợp lý, minh bạch và</p>	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	

	đơn giản thủ tục vay vốn, khuyến khích đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng để tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp trên cơ sở các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2017.			
	<i>- Chỉ đạo các TCTD triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng đặc thù như: chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; cho vay hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; chính sách tín dụng đối với lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; nhà ở xã hội... để đáp ứng vốn cho nhu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển theo chủ trương của Chính phủ. Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo của NHNN, các TCTD cũng đã tích cực đa dạng các sản phẩm tín dụng ưu đãi cho khách hàng thuộc lĩnh vực như: xuất khẩu, DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp,...</i>			
3)	Tiếp tục chỉ đạo chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố triển khai có hiệu quả chương trình kết nối doanh nghiệp - ngân hàng, các chương trình tín dụng của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã hoàn thành	
	<i>- Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo các TCTD thực hiện có hiệu quả và đi vào thực chất Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp và nhiều chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhằm khắc phục khó khăn do thiên tai, ngập mặn, sự cố môi trường, giá cả nông sản sụt giảm đột biến...</i>			

Đơn vị: THANH TRA CHÍNH PHỦ

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
1	<p>Công tác xây dựng thể chế</p> <p>Trong 5 năm, Thanh tra Chính phủ giúp Chính phủ trình Quốc hội thông qua 02 dự án luật, trình Chính phủ 03 nghị định, chuẩn bị ban hành 02 nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 chỉ thị, 01 đề án, 01 quyết định; ban hành và phối hợp với bộ, ngành liên quan ban hành 06 thông tư hướng dẫn quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy cơ quan thanh tra các cấp.</p> <p>Luật Tổ cáo 2018; Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 được Quốc hội thông qua.</p> <p>Ban hành kế hoạch số 1915/KH-TTCP ngày 31/7/2017 về rà soát các văn bản pháp luật về thanh tra, kiểm toán.</p>		Đã hoàn thành	
2	Đề xuất sửa đổi Luật Thanh tra 2010		Đang thực hiện	
3	Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.			
4	Công tác Thanh tra		Đang thực hiện	
	<p>Trong giai đoạn từ năm 2016-2020, Thanh tra Chính phủ đã tiến hành 123 cuộc thanh tra, đã ban hành 89 cuộc.</p> <p>94 kết luận thanh tra, đã xử lý 24.245/30.577 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 79,3%; xử</p>			

	lý 4.062 ha đất, đạt tỷ lệ 100%; xử lý hành chính đối với 383 tập thể, 2592 cá nhân có liên quan; khởi tố 24 vụ việc, 48 đối tượng.			
5	Công tác phòng chống tham nhũng			
	<p>Tham mưu Chính phủ ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công điện số 724/CĐ-TTg ngày 17/6/2019 về tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ; - Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 11/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021”. - Xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030. 			
6	<p>Chủ trì, phối hợp với Bộ tư pháp, Kiểm toán Nhà nước rà soát đề sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi các quy định trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra, kiểm toán; không để xảy ra sự chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán gây phiền hà, khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trong Quý II/2017.</p>			

Đơn vị: TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

STT	Nhiệm vụ và giải pháp (*)	Thời gian hoàn thành dự kiến (**)	Cập nhật tiến độ thực hiện (đánh giá theo % hoàn thành)	Đánh giá kết quả thực hiện/tác động của nhiệm vụ, giải pháp
1	Về nghiên cứu, xây dựng đề án phát động phong trào nói không với tiêu cực trong cán bộ, công chức, viên chức, trình Chính phủ trong Quý I năm 2018.		Đã hoàn thành	
	Triển khai xây dựng dự thảo Đề án và xin ý kiến tham gia góp ý của các bộ, ban, ngành, địa phương; tổng hợp, tiếp thu và hoàn thiện Đề án. Ngày 18/4/2019, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã có Tờ trình số 549/TTr-TLĐ đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát động Cuộc vận động “Cán bộ, công chức, viên chức nói không với tiêu cực”. Tuy nhiên, ngày 21/5/2019, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 4336/VPCP-TCCV thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.			
2	Về nhiệm vụ tích cực thực hiện các giải pháp nhằm xây dựng quan hệ lao động đảm bảo hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã triển khai thực hiện: - Phối hợp với các ban, bộ, ngành tham mưu ban hành Chỉ thị số 37 CT/TW ngày 03/9/2019 Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.; Tích cực, chủ động tham gia xây dựng Bộ luật Lao động 2019 và nhiều văn bản pháp luật quan trọng khác liên quan đến người lao động, doanh nghiệp.		Đã hoàn thành	

**Phụ lục 2: TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐÓNG GÓP DỰ THẢO BÁO CÁO 5 NĂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP VÀ CHỈ THỊ 26/CT-TTG**

STT	Đơn vị	Góp ý, kiến nghị	Ý kiến tiếp thu của Bộ KHĐT	Ghi chú
I	Các Bộ, ngành			
1	Bộ Công Thương	<p>1. Về cơ bản, Bộ Công Thương nhất trí với nội dung của Dự thảo Báo cáo.</p> <p>2. Đối với nội dung đánh giá về mức độ hoàn thành các mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung thêm nội dung đánh giá các nhiệm vụ được giao có hạn trình cho các Bộ, ngành và địa phương; - Bổ sung thêm các nội dung đánh giá về chất lượng của việc hoàn thành các mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với nội dung đánh giá về mục tiêu số lượng doanh nghiệp (Mục 1, trang 28-31): Đề nghị bổ sung thêm các đánh giá về diễn biến về quy mô tài sản (vốn chủ sở hữu) của nhóm các doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trong nhóm 5, 10, 20, 100... doanh nghiệp (ví dụ theo đánh giá xếp hạng và được công bố hằng năm của Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report JSC)), diễn biến về xếp hạng về thương hiệu quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam (ví dụ theo Forbes).. + Đối với nội dung đánh giá về đóng góp của khu vực tư 	<p>- Tiếp thu</p> <p>- Tiếp thu</p> <p>- Khi nghiên cứu xây dựng mục tiêu về phát triển DN có quy mô vừa và lớn, Bộ KHĐT có tham khảo các nguồn thông tin như VNR 500, một số xếp hạng của các tạp chí quốc tế và UBCKNN. Bộ KHĐT cho rằng việc xác định mục tiêu phát triển DN</p>	

		<p>nhân vào GDP (Mục 2, trang 31-32): Bổ sung đánh giá đóng góp của khu vực tư nhân vào phát triển của các ngành, lĩnh vực. Chẳng hạn đối với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp 100% vốn trong nước tăng từ 28,5% năm 2016 lên khoảng 34,5% năm 2020 với tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2016-2020 ước đạt 10,5% (cao hơn so với khu vực FDI, ước đạt 8,9%).</p> <p>+ Đối với nội dung đánh giá mục tiêu về TFP và năng suất lao động: Đây là 02 nhóm mục tiêu riêng, đề nghị tách thành 01 nhóm đánh giá; Đồng thời, xem xét bổ sung các chỉ tiêu đánh giá về đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào các chỉ tiêu này, đặc biệt là năng suất lao động của khu vực tư nhân.</p> <p>- Bổ sung đánh giá làm rõ về nguyên nhân và hạn chế của việc không hoàn thành các mục tiêu do có tới 50% các mục tiêu đặt ra không hoàn thành. Do vậy, cần làm rõ nguyên nhân để có căn cứ đưa ra các giải pháp cho giai đoạn tới.</p>	<p>cần được xây dựng và đánh giá chủ yếu trên cơ sở các nguồn thông tin, số liệu chính thống, có tính pháp lý của cơ quan nhà nước ví dụ như đăng ký kinh doanh, thuế, thống kê, Ủy ban chứng khoán nhà nước.</p> <p>- Tiếp thu</p>	
--	--	---	---	--

2	Bộ Xây dựng	<p>1. Đề nghị bổ sung kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, ứng phó với dịch Covid-19 tại điểm 6 mục A Phần II của dự thảo Báo cáo như sau:</p> <p>Tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV vừa qua, Quốc hội đã thông qua nhiều Luật có liên quan đến đầu tư kinh doanh, sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, để sớm tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch Covid-19, một số Luật đã quy định một số nội dung có hiệu lực sớm hơn; ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung có hiệu lực sớm hơn tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (kể từ ngày 15/8/2020) bao gồm: thẩm quyền thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư (thay vì của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công); miễn giấy phép xây dựng đối với công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đủ điều kiện phê duyệt thiết kế xây dựng và đáp ứng các điều kiện về cấp giấy phép xây dựng; bãi bỏ thẩm quyền của Bộ Xây dựng và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng cấp đặc biệt. - Quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường tại khoản 3 Điều 75 Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường số 	Tiếp thu	
---	--------------------	---	----------	--

	<p>55/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 39/2019/QH14) có hiệu lực từ ngày 01/9/2020.</p> <p>- Quy định chuyển tiếp liên quan đến dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao tại khoản 6 Điều 101 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 có hiệu lực từ ngày 15/8/2020.</p> <p>2. Một số nội dung nhận định về tồn tại hạn chế tại Mục B Phần II của dự thảo Báo cáo chưa có dẫn chứng, số liệu làm cơ sở cho việc đánh giá, đề nghị rà soát, bổ sung; ví dụ: nhận định “một số lĩnh vực cắt giảm điều kiện kinh doanh chưa thực chất và chưa công bố công khai minh bạch, chưa so sánh cụ thể các thủ tục doanh nghiệp cần thực hiện trước và sau khi cắt giảm” tại trang 23...</p> <p>3. Một số nội dung đánh giá việc thực hiện các mục tiêu chính của Nghị quyết số 35/NQ-CP chưa nêu nguyên nhân của việc không hoàn thành mục tiêu đề ra, ví dụ: mục tiêu về đóng góp của khu vực tư nhân Việt Nam vào GDP tại điểm 2 Phần III của dự thảo Báo cáo, mục tiêu về đóng góp của khu vực tư nhân Việt Nam vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội tại điểm 3 Phần III của dự thảo Báo cáo. Đề nghị bổ sung làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ trong thời gian tới.</p> <p>4. Đề nghị cập nhật tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Bộ Xây dựng được giao chủ trì tại Nghị quyết số 35/NQ-CP (Phụ lục 1 của dự thảo Báo cáo) theo Phụ lục kèm</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu</p>	
--	---	---	--

		<p>theo văn bản này.</p> <p>5. Đề xuất xây dựng Cổng thông tin điện tử quốc gia về quy hoạch đô thị; đẩy mạnh việc cấp giấy phép xây dựng qua mạng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2017.</p>		
3	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>1. Về cơ bản, Bộ Tài nguyên môi trường nhất trí với nội dung của Dự thảo Báo cáo.</p> <p>2. Đề nghị cập nhật nội dung tại Phụ lục tình hình thực hiện NQ 35/NQ-CP và Chỉ thị 26/CT-TTg theo nội dung công văn số 5056/BTNMT-KHTC ngày 15/9/2020.</p> <p>Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi quy định hiện hành về đất đai theo hướng cho phép các doanh nghiệp hạ tầng khu công nghiệp và doanh nghiệp thứ cấp được phép thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng và huy động vốn dài hạn, trình Chính phủ trong quý III năm 2016.</p> <p>Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đất sản xuất trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cho phép áp dụng thời hạn thanh toán tiền thuê đất linh hoạt, phù hợp với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>Sửa đổi các quy định về đấu giá đất thống nhất với quy định lựa chọn nhà đầu tư theo Luật Đấu thầu; sửa đổi thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phù hợp với quy</p>	Tiếp thu	

		<p>định của Luật Đầu tư, trình Chính phủ trong quý III năm 2016.</p> <p>Rà soát sửa đổi các quy định nhằm đơn giản hóa và giảm bớt các thủ tục về đất đai, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong năm 2016.</p>		
4	Bộ Khoa học và Công nghệ	<p>Bổ sung trong Phụ lục 1: Công văn số 2127/BKHCN-KHTC ngày 21/7/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo 5 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP.</p>	Tiếp thu	
5	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<p>1. Về cơ bản, Bộ NNPTNT cơ bản nhất trí với nội dung của Dự thảo Báo cáo.</p> <p>2. Nhiệm vụ xây dựng Nghị định về nông nghiệp hữu cơ đã hoàn thành (Bộ NNPTNT đã trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 29/8/2018 về Nông nghiệp hữu cơ)</p>	Tiếp thu	
6	Bộ Công an	<p>1. Tại mục B, điểm 2 (Khuyến khích về nhiệm vụ, giải pháp), nhóm nhiệm vụ 2.6 (trang 45), đề nghị bổ sung, chỉnh lý các nội dung:</p> <p>Tại Mục B, điểm 2 (Khuyến nghị về nhiệm vụ, giải pháp), nhóm nhiệm vụ 2.6 (trang 45), đề nghị bổ sung, chỉnh lý các nội dung:</p>	Tiếp thu	

	<p>- Các Bộ, ngành, địa phương ưu tiên giải quyết các khó khăn của doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý; xác định đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong hành động. <i>Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật theo hướng hỗ trợ tạo điều kiện, để các doanh nghiệp phát triển, nhất là chính sách hỗ trợ về thuế, đất đai, cấp bù lãi suất...</i></p> <p>- Thực hiện rà soát, kịp thời sửa đổi hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi cơ chế, chính sách không còn phù hợp, nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân tham gia nhiều hơn vào các lĩnh vực, ngành mà trước đây nhà nước đảm trách, ngoại trừ những lĩnh vực nhạy cảm liên quan đến an ninh, quốc phòng và điều hành vĩ mô; tăng cường công tác phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm; <i>tăng cường quản lý, giám sát đối với các loại tài sản ảo, tiền ảo, tiền điện tử, phòng ngừa tội phạm sử dụng công nghệ cao trong hoạt động thanh toán điện tử; tội phạm người nước ngoài sử dụng công nghệ cao tại Việt Nam. Kiểm soát chặt chẽ việc thẩm định, cấp chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư nước ngoài; phòng ngừa, xử lý kịp thời dấu hiệu nhà đầu tư nước ngoài “núp bóng” người Việt Nam để đăng ký kinh doanh; tạo môi trường an ninh, an toàn lành mạnh để doanh nghiệp phát triển; không hình sự hóa các quan hệ kinh tế.</i></p> <p>- Đồng thời bổ sung nội dung: “Các bộ, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, bổ sung phương án phòng, chống dịch bệnh có thể xảy ra và kịch bản ứng phó toàn diện về kinh tế –</p>		
--	---	--	--

		<i>xã hội, quốc phòng, an ninh, không để xảy ra khủng hoảng dân chuyển đối với các doanh nghiệp, gây phức tạp về an ninh, trật tự.”</i>		
7	Bộ Thông tin và Truyền thông	1. Về cơ bản, Bộ TTTT cơ bản nhất trí với nội dung của Dự thảo Báo cáo.	Tiếp thu	
8	Bộ Y tế	<p>1. Điểm 6 Phần II Tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, ứng phó với dịch Covid-19 (trang 21): đề nghị bổ sung nội dung sau “Bộ Y tế phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 64/2020/TT-BYT ngày 08 tháng 7 năm 2020 quy định mức thu, nộp phí trong lĩnh vực y tế. Theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 64/2020/TT-BYT “Tổ chức, cá nhân khi đề nghị cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các công việc liên quan đến lĩnh vực y tế nộp phí như sau: Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 nộp phí bằng 70% mức thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư số 11/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.”</p> <p>2. Nội dung tại Phụ lục số 01 liên quan đến Bộ Y tế</p> <p>a. Về nhiệm vụ Rà soát các quy định về điều kiện thành lập</p>	Tiếp thu	

	<p>bệnh viện theo hướng phân cấp cho các địa phương phê duyệt thành lập các bệnh viện ngoài công lập: Đang thực hiện</p> <p>Bộ Y tế đã tiến hành việc rà soát, sửa đổi các quy định về thủ tục điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh và đang đưa vào dự thảo Luật Khám bệnh, chữa bệnh sửa đổi, theo hướng phân cấp cho các Sở Y tế thẩm định hoạt động các Bệnh viện ngoài công lập.</p> <p>b. Về nhiệm vụ Xây dựng đề án phát triển ngành công nghiệp dược chất lượng cao tầm nhìn 2030 với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm của khu vực, phát triển công nghiệp hóa dược, dược liệu trong nước: Đang thực hiện</p> <p>- Bộ Y tế đã thành lập Ban soạn thảo xây dựng đề án (Quyết định số 6692/QĐ-BYT ngày 05/11/2018), xây dựng dự thảo đề cương đề án và tiếp tục triển khai các bước trong quy trình xây dựng đề án, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý IV năm 2020.</p> <p>- Bộ Y tế đã tổng hợp, đánh giá sơ bộ về thực trạng, các chủ trương, chính sách và định hướng của Đảng, Chính phủ, tham khảo các ý kiến đề nghị của Eurocham và dự thảo Kế hoạch xây dựng đề án và dự thảo Đề cương xây dựng Đề án; đã tổ chức 03 cuộc họp các thành viên là bộ phận thường trực Ban soạn thảo, trong đó có buổi họp tham vấn ý kiến của đại diện Vụ Khoa giáo Văn xã - Văn phòng Chính phủ để xây dựng dự thảo dự thảo Quyết định phê duyệt Đề cương xây dựng “Đề án phát triển công nghiệp dược, nguyên liệu,</p>		
--	---	--	--

	<p>được liệu sản xuất trong nước đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035”.</p> <p>Theo Quyết định 1624/QĐ-BYT, đề án sẽ trình Chính phủ trong năm 2019. Tuy nhiên, do cần có thời gian để ưu tiên thực hiện các hoạt động nên Bộ Y tế Bộ Y tế xin lùi lịch trình Thủ tướng Chính phủ sang quý IV năm 2020 và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 10/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 2614/QĐ-BYT ngày 16/7/2014 về việc ban hành). + Triển khai Quyết định số 6693/QĐ-BYT ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Ban soạn thảo xây dựng Đề án quy hoạch hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định Nhà nước về dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng. + Khắc phục tồn tại, hoàn thiện hệ thống NRA theo kết quả đánh giá NRA (từ ngày 20-24/11/2018) của Đoàn đánh giá – WHO để Việt nam được công nhận NRA trong năm 2019. - Ngày 20/9/2019, Ban soạn thảo Đề án đã tổ chức họp, lấy ý kiến dự thảo Quyết định phê duyệt Đề cương xây dựng đề án phát triển công nghiệp dược, nguyên liệu, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035’. Bộ Y tế đã tiếp thu các ý kiến góp ý, hoàn thiện Đề cương xây dựng Đề án. - Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 160/QĐ-BYT ngày 20/01/2020 về việc thành lập Ban soạn thảo xây dựng Đề án, 		
--	---	--	--

	<p>Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 20/01/2020 về việc phê duyệt đề cương xây dựng Đề án để sửa đổi tên Đề án, kiện toàn Ban soạn thảo Đề án và phê duyệt Đề cương xây dựng Đề án. Theo kế hoạch đã phê duyệt Đề án sẽ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quý IV/2020 theo đúng Chương trình công tác của Chính phủ năm 2020.</p> <p>- Hiện nay, Bộ Y tế đang triển khai các hoạt động sau:</p> <p>+ Khảo sát, đánh giá thực trạng, tiềm năng của ngành Dược đối với: Tiềm năng thị trường dược trong nước và xuất khẩu, khả năng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và xuất khẩu, năng lực sản xuất trong nước, khả năng đáp ứng nguồn nguyên liệu. Đã xây dựng bộ công cụ khảo sát thực trạng ngành dược Việt Nam theo Đề án sửa đổi, bổ sung Chiến lược 68 trong đó có cả nội dung về sản xuất thuốc, công nghiệp dược. Hiện đã nhận được 700 báo cáo, Bộ Y tế (Viện chiến lược y tế) đang tổng hợp, xử lý số liệu.</p> <p>+ Tổng hợp các tài liệu tham khảo, báo cáo của KPMG để khái quát thực trạng nền sản xuất dược phẩm Asean, mô hình phát triển khu công nghiệp dược công nghệ cao, thành công trong xuất khẩu thuốc của một số nước tiên tiến như Hàn Quốc.</p> <p>- Bộ Y tế (Cục Quản lý dược) ban hành Quyết định số 237/QĐ-QLD ngày 03/6/2020 về việc thành lập Nhóm chuyên trách xây dựng Đề án Công nghiệp dược. Nhóm chuyên trách đã liên hệ với ban Quản lý dự án phát triển công nghệ cao Y tế đề xuất các giải pháp thu hút đầu tư, quy hoạch, đề xuất xây dựng khu công nghiệp dược công nghệ cao khu vực phía nam, xây dựng tiêu chí lựa chọn</p>		
--	--	--	--

	<p>thuốc biệt dược gốc, thuốc phát minh, vắc xin đa giá ưu tiên chuyển giao công nghệ, tiêu chí lựa chọn dược liệu quý hiếm, đặc trưng Việt Nam.</p> <p>- Đã xây dựng dự thảo Đề án trên cơ sở đề cương đã phê duyệt, xin ý kiến các thành viên Ban soạn thảo và ban hành Công văn số 4443/BYT-QLD ngày 20/8/2020 gửi xin ý kiến của các Bộ, Ngành, tổ chức quốc tế có liên quan góp ý dự thảo Đề án, dự thảo tờ trình Chính phủ. Hiện Bộ Y tế đã nhận được góp ý của 03 đơn vị và đang tiếp tục liên hệ với các đơn vị đã gửi văn bản để nhận góp ý, thực hiện tổng hợp góp ý, tiếp thu giải trình.</p> <p>Trong quý IV/2020, Bộ Y tế dự kiến tổ chức họp Ban soạn thảo để tiếp thu các ý kiến, hoàn thiện dự thảo đề án, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.</p> <p>c. Về nhiệm vụ Tiếp tục đẩy mạnh việc quản lý, bảo đảm an toàn thực phẩm: Đã hoàn thành, đề nghị thay thế toàn bộ nội dung dự thảo báo cáo theo nội dung sau</p> <p>- Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.</p> <p>Nghị định ban hành với nhiều cơ chế mới quản lý ATTP (quản lý dựa trên nguy cơ, chuyển mạnh sang hậu kiểm, phân công rõ ràng trách nhiệm quản lý...) phù hợp với thông lệ quốc tế. Đây là một chính sách lớn của Chính phủ tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp nhưng đồng thời cũng tăng trách nhiệm của doanh nghiệp đối với an toàn của thực phẩm do mình sản xuất.</p> <p>- Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 115/2018/NĐ-CP</p>		
--	---	--	--

		<p>ngày 04/9/2018 quy định xử phạt VPHC về ATTP thay thế Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013</p> <p>Nghị định ban hành với chế tài xử lý mạnh hơn, bảo đảm tính răn đe, trong đó tăng mức phạt tiền ở các hành vi, mức phạt tiền tối đa đến 07 lần giá trị hàng hóa vi phạm.</p> <p>- Đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p> <p>Nghị định ban hành đã cắt giảm tối đa các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không ảnh hưởng đến chất lượng các dịch vụ chuyên môn hoặc đã được pháp luật chuyên ngành khác quy định hoặc có sự chồng chéo giữa các văn bản gây khó khăn khi thực hiện, trong đó về lĩnh vực an toàn thực phẩm có 948 điều kiện đầu tư kinh doanh, đã bãi bỏ/đơn giản 806 điều kiện (tỷ lệ cắt giảm 85,02%), 54 thủ tục hành chính, đã bãi bỏ/đơn giản 37 thủ tục (tỷ lệ cắt giảm 68,52%).</p>		
9	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	<p>1. Tại khổ 2, Mục A.3 Phần II (trang 15): Đề nghị sửa đoạn: “Trong giai đoạn 2016 đến nay, NHNN đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định, 05 Thông tư và 01 Quyết định về cơ chế, chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp, người dân ... các chính sách tín dụng đặc thù đối với các ngành, lĩnh vực” thành: “Trong giai đoạn 2016 đến nay, NHNN đã trình Chính phủ ban hành 01 Nghị định, 09 Thông tư và 01 Quyết định về cơ chế, chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp, người dân. Theo đó, các cơ chế, chính sách tín dụng tiếp tục</p>	Tiếp thu	

	<p><i>được hoàn thiện như quy định về hoạt động cho vay, bảo lãnh ngân hàng, hoạt động cho vay để đầu tư ra nước ngoài của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các chính sách tín dụng đặc thù đối với các ngành, lĩnh vực”.</i></p> <p>2. Tại khổ thứ 3, Mục A.3 Phần II (trang 15): Đề nghị Báo cáo chỉnh sửa và cập nhật tình hình lãi suất đến nay như sau: <i>“Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn vay với chi phí hợp lý, từ năm 2016 đến nay, NHNN đã điều chỉnh giảm 2-2,5%/năm các mức lãi suất điều hành, giảm 2,5% trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên từ 7%/năm xuống hiện còn 4,5%/năm”.</i></p> <p>3. Tại footnote số 20 (trang 15): Đề nghị chỉnh sửa lại số liệu như sau: <i>“Ngành ngân hàng đã tổ chức các Hội nghị, buổi gặp gỡ, đối thoại để kết nối ngân hàng - doanh nghiệp lũy kế qua các năm lần lượt là: năm 2016 là 733 cuộc, năm 2017 là 1.070 cuộc, năm 2018 là 1.500 cuộc. Riêng trong năm 2019... Trong những tháng đầu năm 2020, NHNN đã tổ chức gần 20 Hội nghị, đối thoại kết nối ngân hàng - doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố nhằm triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19”; chỉnh sửa một số lỗi chính tả tại footnote thứ 22.</i></p> <p>4.1. Đề nghị sửa đoạn <i>“Trong 6 tháng đầu năm 2020,... 1,64%).” thành “Riêng những tháng đầu năm 2020, do tác động của dịch Covid-19, cầu tín dụng của nền kinh tế yếu nên tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng thấp hơn các năm trước (đến cuối tháng 1 tăng 0,1% so với cuối năm 2019, cuối tháng 2 tăng 0,17% so với cuối năm 2019). Tuy nhiên, nhờ kịp thời triển khai các giải pháp đồng bộ, tín dụng từng bước được cải thiện và đến 12/10/2020, tín dụng đối với</i></p>	
--	---	--

	<p><i>nền kinh tế tăng 5,66% so với cuối năm 2019, tăng 10,12% so với cùng kỳ năm trước”.</i></p> <p>4.2. Đề nghị chuyển nội dung “<i>Cơ cấu tín dụng tập trung vào ... được kiểm soát chặt chẽ</i>” lên sau đoạn “... nguồn vốn tín dụng được tăng cường sử dụng hiệu quả và phân bổ phù hợp.” tại khổ thứ 1 (trang 16).</p> <p>5. Tại khổ 2, Mục B Phần II (trang 24): Đề nghị bỏ nội dung “do chưa có sự đồng nhất giữa các Luật; hoặc do thiếu nguồn lực để triển khai, công tác thực thi còn chưa hiệu quả.”; vì: (1) Trùng với một số nội dung tại mục C - Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế; (2) Riêng đối với nội dung “ưu đãi về tín dụng”, đây không phải là nguyên nhân chính dẫn đến việc doanh nghiệp không tiếp cận được tín dụng mà chủ yếu là do doanh nghiệp không đáp ứng được các điều kiện cấp tín dụng của TCTD (năng lực tài chính của doanh nghiệp yếu kém, không chứng minh được tính khả thi và hiệu quả dự án sản xuất kinh doanh, nợ phải trả tồn đọng lớn, không có báo cáo tài chính...).</p> <p>6. Tại Mục 1 Phần III (trang 28): Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, doanh nghiệp tư nhân có vốn hóa trên 1 tỷ USD để làm rõ căn cứ, cơ sở đề xuất mục tiêu “tăng tỷ lệ DN có quy mô vừa và lớn khoảng 5-6% trong tổng số doanh nghiệp vào năm 2025, phần đầu đạt 8% vào năm 2030” tại Điểm 2 (trang 40) dự thảo Báo cáo.</p> <p>7. Tại Phụ lục 1: Phần Nhiệm vụ và giải pháp của NHNN thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP:</p> <p>7.1. Tại Mục 1: Đề nghị bỏ nội dung tại gạch đầu dòng số 4:</p>		
--	--	--	--

	<p>“Dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục.... và Nghị quyết số 85/2019/QH114” và gạch đầu dòng số 5: “Từ năm 2016 đến nay.... thì lãi suất của Việt Nam chỉ ở mức trung bình” do trùng lặp với nội dung tại gạch đầu dòng số 1 và 2 tại Mục này.</p> <p>7.2. Tại Mục 3: Đề nghị cập nhật lại nội dung footnote số 6 như sau: “Đến nay, dư nợ cho vay nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch đạt gần 28.000 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là cho vay đối với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với dư nợ đạt gần 26.000 tỷ đồng (chiếm 92,8% dư nợ chương trình)”.</p> <p>Đề nghị cập nhật lại nội dung footnote số 7 như sau: “Kể từ thời điểm 2014 đến ngày 31/12/2017 (thời điểm dừng ký kết mới hợp đồng cho vay đóng mới, nâng cấp tàu theo chỉ đạo của Chính phủ), 04 NHTM Nhà nước đã ký hợp đồng tín dụng đối với ngư dân để cho vay đóng mới, nâng cấp 1.177 tàu (1.031 tàu đóng mới và 146 tàu nâng cấp) với tổng số tiền cam kết cho vay đạt trên 11.700 tỷ đồng, dư nợ đến cuối quý II/2020 đạt 9.936 tỷ đồng với 1.157 tàu còn dư nợ”.</p> <p>7.3. Tại Mục 4: Đề nghị cập nhật lại số liệu theo footnote số 20 (trang 15). ngày 15/10, tỷ giá trung tâm tăng 0,16% so với cuối năm 2019 và tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng 0,02% so với cuối năm 2019. (2) Đề nghị sửa “Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ... sau ngày 30/9/2019;” thành “Thông tư số 42/2018/TT-NHNN trong đó có quy định dừng cho vay ngoại tệ đối với một số nhu cầu vốn đặc thù phù hợp với chủ trương của Chính phủ về hạn chế tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế;”. (3) Sửa đoạn “Lộ trình chấm dứt cho vay ngoại tệ đối với nhu cầu vốn để nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ”</p>	
--	---	--

		<p>thành “Lộ trình chấm dứt cho vay ngoại tệ đối với một số nhu cầu vốn đặc thù”. (4) Cập nhật tiến độ: Đã hoàn thành.</p> <p>8. Tại Phụ lục 1: Phần Nhiệm vụ và giải pháp của NHNN thực hiện Chỉ thị 26/CT-TTg: Đề nghị cập nhật lại nội dung kết quả tại nhiệm vụ số 1 về cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch như sau: “<i>Đến nay doanh số cho vay lũy kế đạt khoảng 65.000 tỷ đồng, dư nợ đạt gần 28.000 tỷ đồng với hơn 14.400 khách hàng còn dư nợ</i>”.</p>		
10	Bộ Tài chính	<p>Góp ý chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo báo cáo được xây dựng trên cơ sở báo cáo của nhiều bộ, ngành, địa phương, do đó việc tổng hợp cần đảm bảo đầy đủ các nội dung chính xác về thông tin và có kết cấu hợp lý, logic nhưng không trùng lặp. Tuy nhiên, dự thảo Báo cáo hiện vẫn có những nội dung trùng lặp... Đề nghị Bộ KH&ĐT rà soát kỹ và có sự điều chỉnh để hoàn thiện Báo cáo. - Nhiều số liệu nêu trong dự thảo báo cáo được tổng hợp đến 31/12/2019, nhưng hiện tại đã là tháng 10/2020 nên đề nghị Bộ KH&ĐT cập nhật số liệu đến hết Quý 3/2020 để những phân tích, đánh giá, đưa ra kết luận về kết quả thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP đảm bảo phản ánh đúng thực tế cả giai đoạn 2016 – 2020, cũng như để có những khuyến nghị phù hợp về giải pháp, nhiệm vụ cho giai đoạn tới. <p>2.1. Đối với các đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 35/NQ-CP (phần II Dự thảo)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận các nguồn lực và cơ hội kinh doanh (điểm 3 mục A phần II 	<p>- Tiếp thu</p> <p>- Tiếp thu và cập nhật. Về số liệu DN đang hoạt động và đăng ký Bộ KH&ĐT đã cập nhật hết Quý III/2020 ước dự kiến cho cả năm 2020. Tuy nhiên đối với tình hình một số kết quả thực hiện các nhiệm vụ do các Bộ, ngành và địa phương báo cáo không cập nhật đến Quý III/2020</p>	

	<p>Dự thảo):</p> <p>(i) Đối với việc tiếp cận tín dụng (tại gạch đầu dòng thứ 6 điểm 3a(ii) mục A phần II Dự thảo) đề nghị bổ sung nội dung tiếp cận tín dụng đối với doanh nghiệp thông qua chính sách bảo lãnh tín dụng cho DNNVV như sau: “Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ BLTD cho DNNVV; Bộ Tài chính đã ban hành 02 Thông tư (Thông tư số 15/2019/TT-BTC ngày 18/3/2019 hướng dẫn cơ chế tài chính và Thông tư số 57/2019/TT-BTC ngày 26/8/2019 hướng dẫn cơ chế xử lý rủi ro cho Quỹ BLTD đối với DNNVV) để tạo điều kiện tốt hơn, thuận lợi hơn cho DNNVV tiếp cận nguồn vốn vay của các tổ chức cho vay (gồm các tổ chức tín dụng và các quỹ tài chính nhà nước có tính chất cho vay) phục vụ đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh.”.</p> <p>(ii) Đề nghị bổ sung nội dung về huy động vốn qua thị trường chứng khoán (TTCK) như sau: “Năm 2019, Quốc hội đã ban hành Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trong đó có nhiều quy định mới, hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn qua TTCK như: cho phép chào bán cổ phiếu với giá thấp hơn mệnh giá đối với các doanh nghiệp có giá cổ phiếu giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng); gắn niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán với chào bán chứng khoán ra công chúng;...”.</p> <p>- Về giảm chi phí cho doanh nghiệp (điểm 4 mục A phần II), đề nghị bổ sung nội dung về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp liên quan đến ưu đãi về tiền thuê đất như sau: “Chính phủ đã ban hành Nghị định số 135/2016/NĐ-CP, Nghị định</p>	<p>nên không có thông tin và số liệu cập nhật hết Quý III/2020</p> <p>- Tiếp thu</p>	
--	--	--	--

		<p>số 123/2017/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó đã có quy định cụ thể về ưu đãi với các mức miễn, giảm khác nhau để hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp.”.</p> <p>- Để đảm bảo tính đầy đủ, cụ thể của báo cáo, đề nghị Bộ KH&ĐT cập nhật các văn bản và giải pháp được đề cập tại điểm 6 mục A phần II dự thảo Báo cáo, cụ thể như sau:</p> <p>(i) UBTVQH thông qua Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 2/6/2020 về tăng mức giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế và người phụ thuộc để giảm nghĩa vụ thuế cho cá nhân;</p> <p>(ii) Quốc hội thông qua Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác;</p> <p>(iii) Quốc hội thông qua Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 về tiếp tục miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết năm 2025;</p> <p>(iv) UBTVQH thông qua Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 ngày 27/7/2020 về giảm mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/8/2020 đến hết ngày 31/12/2020.</p> <p>(v) Chính phủ đã ban hành Nghị định số 70/2020/NĐ-CP ngày 28/6/2020 quy định giảm mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31/12/2020;</p> <p>(vi) Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 sửa đổi Nghị định số 125/2017/NĐ-CP của</p>		
--	--	---	--	--

	<p>Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, trong đó đã giảm thuế nhiều nhóm mặt hàng nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành nông nghiệp, cơ khí, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ô tô;</p> <p>(vii) Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất;</p> <p>(viii) Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 về gia hạn thời hạn nộp thuế TTĐB đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước;</p> <p>(ix) Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 quy định về lệ phí môn bài, trong đó quy định miễn lệ phí môn bài đối với nhiều đối tượng như: hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân thành lập mới trong năm đầu; cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh có doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống,...;</p> <p>(x) Chính phủ ban hành Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19;</p> <p>(xi) Ngoài ra, để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân ứng phó với đại dịch Covid-19, đồng thời tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế xã hội và ngân sách nhà nước năm 2020 theo chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì phối hợp với các Bộ rà soát, xây dựng và ban hành 21 Thông</p>		
--	---	--	--

	<p>tư điều chỉnh mức thu phí, lệ phí đang được quy định tại 31 Thông tư thu phí, lệ phí hiện hành, qua đó giảm nhiều khoản phí, lệ phí với mức giảm cao như: giảm 70% mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp; giảm 67% mức phí công bố thông tin doanh nghiệp; giảm từ 50-70% phí thẩm định cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bưu chính; giảm 50% mức thu phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng; giảm 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế dự án đầu tư xây dựng; giảm 50% mức thu 20/22 khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; giảm 30% mức phí khai thác dữ liệu khí tượng thủy văn;...</p> <p>- Về tồn tại, hạn chế (mục B phần II): Tại gạch đầu dòng (-) thứ nhất mục B dự thảo có đánh giá "... 50% mục tiêu của Nghị quyết không đạt được". Trong khi, báo cáo có Phần III đánh giá về kết quả thực hiện các mục tiêu chính của Nghị quyết số 35/NQ-CP. Để tránh trùng lặp, đề nghị lồng ghép, đưa nội dung tại gạch đầu dòng (-) thứ nhất mục B phần II vào phần III của dự thảo báo cáo.</p> <p>- Về nguyên nhân "do bố trí ngân sách chưa đủ để triển khai thực hiện các chính sách giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp" (gạch đầu dòng cuối cùng mục C phần II, trang 26): Theo quy định của pháp luật có liên quan, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ gián tiếp cho các doanh nghiệp thông qua các cơ quan, tổ chức của nhà nước nhằm hỗ trợ triển khai và áp dụng chính sách (như chính sách về thuế, đất đai, cải cách thủ tục hành chính, môi trường kinh doanh...), không hỗ trợ trực tiếp các doanh nghiệp. Vì vậy, đề nghị Bộ KH&ĐT bỏ nội dung nêu trên; trường hợp giữ như dự thảo báo cáo, cần có số liệu cụ thể để đánh giá đầy đủ, khách quan.</p>		
--	--	--	--

		<p>2.3. Đối với Phụ lục số 1 về Khung báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP và Chỉ thị 26/CT-TTg (Đơn vị: Bộ Tài chính)</p> <p>- Về nhiệm vụ số 1 thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP: Vì Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/20216 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và đây là báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết, tại dự thảo kết quả đánh giá mới cập nhật số liệu tổng mức huy động vốn trên thị trường chứng khoán đến 17/11/2016, chỉ số lợi nhuận kinh doanh năm 2017 của Việt Nam. Do đó, đề nghị Bộ KH&ĐT bổ sung kết quả thực hiện Nhiệm vụ số 1 đối với kết quả thực hiện đến tháng 10/2020 hoặc niên độ tài chính gần nhất (các thông tin này đã có tại các báo cáo trước đây của Bộ Tài chính).</p> <p>- Về Nhiệm vụ số 2 thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP: Việc liệt kê các Nghị định ban hành biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện các FTA chưa đầy đủ, trùng lặp và được đưa vào nội dung nghiên cứu thực hiện thí điểm giao dịch thuế điện tử đối với hoạt động đăng ký ô tô, xe máy là chưa phù hợp. Theo đó, đề nghị điều chỉnh nhóm nội dung và danh mục thực hiện cụ thể như sau:</p> <p>Ban hành Nghị định ban hành biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện các FTA:</p> <p>(i) Nghị định số 124/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Lào giai đoạn 2016-2020;</p>		
--	--	--	--	--

	<p>(ii) Nghị định số 149/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022;</p> <p>(iii) Nghị định số 150/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á-Âu và các nước thành viên giai đoạn 2018 – 2022;</p> <p>(iv) Nghị định số 153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2018-2022;</p> <p>(v) Nghị định số 154/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi-lê giai đoạn 2018-2022;</p> <p>(vi) Nghị định số 155/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế giai đoạn 2018-2023;</p> <p>(vii) Nghị định số 156/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018 – 2022;</p>		
--	---	--	--

	<p>(viii) Nghị định số 157/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2018 – 2022;</p> <p>(ix) Nghị định số 158/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN – Ôt-xtrây-li-a – Niu Di-lân giai đoạn 2018-2022;</p> <p>(x) Nghị định số 159/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2018 – 2022;</p> <p>(xi) Nghị định số 160/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản giai đoạn 2018-2023;</p> <p>(xii) Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26/6/2019 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019-2022;</p> <p>(xiii) Nghị định số 92/2019/NĐ-CP ngày 20/11/2019 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Hiệp định thương mại giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước Vương quốc Cam-pu-chia giai đoạn 2019-2022;</p>		
--	--	--	--

		<p>(xiv) Nghị định số 07/2020/NĐ-CP ngày 05/1/2020 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2019-2022;</p> <p>(xv) Nghị định số 39/2020/NĐ-CP ngày 03/4/2020 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cuba giai đoạn 2020-2023;</p> <p>(xvi) Nghị định số 111/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa CHXHCN Việt Nam và Liên minh châu Âu giai đoạn 2020-2022.</p> <p>- Về Nhiệm vụ số 4 thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP:</p> <p>(i) Về Quyết định của Bộ trưởng về thành lập và hoạt động quản trị công ty, đề nghị sửa đổi kết quả thực hiện nhiệm vụ từ “đang triển khai” thành “đã hoàn thành”, vì:</p> <p>Bộ Tài chính đã nghiên cứu, xây dựng Đề án thành lập Viện Quản trị công ty Việt Nam (tên gọi chính thức phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam) và nghiên cứu ban hành các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc UBCKNN. Tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá các phương án thiết kế tổ chức hoạt động, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 536/QĐ-BTC ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán, trong đó có phòng Quản trị</p>		
--	--	---	--	--

		<p>công ty. Bên cạnh đó, Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) đã được IFC thành lập có sự phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.</p> <p>(ii) Về Thông tư hướng dẫn giao dịch hợp đồng tương lai cổ phiếu, quyền chọn chỉ số, trái phiếu và cổ phiếu, đề nghị sửa lại tên Thông tư thành “Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh” và sửa đổi kết quả thực hiện nhiệm vụ từ “đang triển khai” thành “đã hoàn thành”, vì:</p> <p>Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 19/01/2016 và Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16/03/2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2016/TT-BTC, theo đó đã triển khai hợp đồng tương lai trên chỉ số chứng khoán, trái phiếu Chính phủ. Việc triển khai các sản phẩm chứng khoán phái sinh khác thực hiện theo lộ trình, đảm bảo phù hợp với thực tiễn và an toàn TTCK.</p> <p>Ngoài ra, trên cơ sở Luật Chứng khoán 2019, Bộ Tài chính đang xây dựng Nghị định về chứng khoán phái sinh và TTCK phái sinh (Dự thảo đã lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và dự kiến ban hành trong năm 2020). Sau khi Nghị định ban hành, Bộ Tài chính sẽ ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh (dự kiến áp dụng vào năm 2021).</p> <p>Như vậy, các nhiệm vụ của Bộ Tài chính được giao tại Nghị quyết số 35/NQ-CP đã hoàn thành. Theo đó, tại số thứ tự 4 mục Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP đề nghị sửa đổi kết</p>		
--	--	--	--	--

		<p>quả thực hiện nhiệm vụ từ “đang triển khai” thành “đã hoàn thành”.</p> <p>- Về Nhiệm vụ số 2 thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Đề nghị sửa đổi kết quả thực hiện nhiệm vụ: “Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp siêu nhỏ” từ “đang triển khai” thành “đã hoàn thành”. Do Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ.</p> <p>- Về Nhiệm vụ số 11 thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg, đề nghị cập nhật tiến độ đối với Luật Chứng khoán là “đã hoàn thành”, do Luật Chứng khoán đã được ban hành vào năm 2019.</p>		
11	Thanh tra Chính phủ	Về cơ bản, Thanh Tra Chính phủ nhất trí với nội dung của Dự thảo Báo cáo.	Tiếp thu	
12	Ủy Ban dân tộc miền núi	Về cơ bản, Ủy Ban dân tộc miền núi nhất trí với nội dung của Dự thảo Báo cáo.	Tiếp thu	
13	Bảo hiểm xã hội Việt	Về cơ bản, Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhất trí với nội dung của Dự thảo Báo cáo.	Tiếp thu	

	Nam			
II	Địa phương			
1	Đà Nẵng	Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung giải pháp tạo điều kiện hỗ trợ các DN, hộ kinh doanh cá thể bị tác động bởi dịch bệnh Covid-19 thực hiện các thủ tục giãn thuế.	Dự thảo báo cáo tập trung vào đánh giá tổng kết 5 năm triển khai các nhiệm vụ và giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 35/NQ-CP đồng thời đã bổ sung thêm tình hình triển khai các giải pháp, nhiệm vụ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh ứng phó với dịch Covid-19	
2	Hà Giang	Tại Mục 1. Cải cách hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp (nội dung tổ chức đối thoại công khai định kỳ với cộng đồng doanh nghiệp, báo chí – Trang 7): Đề nghị bổ sung tỉnh Hà Giang vào danh mục địa phương đã có Trung tâm dịch vụ hành chính công cấp tỉnh. Lý do: Năm 2016, UBND tỉnh Hà Giang quyết định thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công Hà Giang với nhiệm vụ trọng tâm là làm đầu mối và chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tập trung. Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4: Số dịch vụ công trực tuyến năm 2016 (30 TTHC), năm 2017 (70 TTHC), năm 2018 (408 TTHC), năm 2019 (405 TTHC), năm 2020 (661 TTHC). Số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trực tuyến: năm 2016 (03 hồ sơ), năm 2017 (42 hồ	Tiếp thu	

		<p>sơ), năm 2018 (261 hồ sơ), năm 2019 (587 hồ sơ), 6 tháng đầu năm/2020 (637 hồ sơ). Đã thực hiện cập nhật, đăng tải 100% các TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia và đồng bộ hóa về Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa cấp tỉnh.</p> <p>Trong thời gian tới Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang tiếp tục triển khai chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình TTHC để xây dựng, hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh đảm bảo tỷ lệ TTHC được đưa vào triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 năm 2020 đạt trên 30%.</p>		
3	Điện Biên	Nhất trí với nội dung Dự thảo báo cáo 5 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP	Tiếp thu	
4	Sơn La	<p>Đề nghị bổ sung, sửa đổi, cập nhật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện tại trong Dự thảo báo cáo có rất nhiều mốc thời gian đánh giá, nhận định khác nhau, do là Báo cáo 5 năm 2016-2020 đề nghị cập nhật thống nhất số liệu báo cáo đến thời điểm 30/6/2020 và ước tính đến 31/12/2020. - Tại Phần II, mục A- Kết quả đạt được, trang 5, mục chú thích 5 bổ sung tỉnh “Sơn La”, đến 30/9/2020 số lượng doanh nghiệp của tỉnh đăng ký đạt 2.752 (vượt mục tiêu đề ra đến hết năm 2020 đạt 2.500). - Tại Phần II, mục A- Kết quả đạt được, trang 8, đề nghị sửa 14 Một số tỉnh có báo cáo cụ thể số lượt DN tham gia, ... “Sơn La có 40” thay bằng “Sơn La có hơn 800”, tại Báo cáo số 287/BC-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Sơn La đã nêu tại Phần II, mục 2, trang 5. 	Tiếp thu	

5	Hà Nam	<p>Mục 1. Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về tổ chức đối thoại công khai định kỳ với cộng đồng doanh nghiệp, báo chí (trang 7-8): + Tỉnh Hà Nam đã thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh và đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2017. + Định kỳ hàng năm lãnh đạo tỉnh Hà Nam tổ chức hội nghị gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp ít nhất 2 lần/ năm với trên 1.000 doanh nghiệp tham dự. <p>Vì vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam đề nghị với cơ quan soạn thảo bổ sung trong Dự thảo báo cáo.</p> <p>Mục 3. Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh:</p> <p>(6) Ở cấp địa phương (trang 16):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2019, HĐND tỉnh Hà Nam đã ban hành Nghị quyết số 22/2019/NQ HĐND ngày 12/7/2019 về việc quy định một số chính sách hỗ trợ và phát triển DNNVV trên địa bàn tỉnh Hà Nam (gồm các nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ thủ tục hành chính; hỗ trợ giá thuê mặt bằng sản xuất; hỗ trợ thông tin, tư vấn, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; hỗ trợ DNNVV mở rộng thị trường). Vì vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam đề nghị với cơ quan soạn thảo bổ sung trong Dự thảo báo cáo. 	Tiếp thu	
6	Nghệ An	<p>Tại nội dung “Nhiều địa phương đã khai trương Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh nhằm đảm bảo sự thuận tiện, hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp...” (mục A.1, phần II), đề nghị bổ sung thêm tỉnh Nghệ An. Ngày 14/10/2020, UBND tỉnh Nghệ An đã tổ chức khai trương</p>	Tiếp thu	

		Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ tại Số 16, đường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.		
7	Ninh Bình	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
8	Hải Phòng	<p>Phần II về đánh giá nhiệm vụ và các giải pháp tại nghị quyết</p> <p>- Mục A, về kết quả đạt được: đề nghị bổ sung thêm thành phố Hải Phòng đã vượt mục tiêu về lượng doanh nghiệp theo kế hoạch đã đề ra (Theo kế hoạch 962/KH-UBND ngày 29/6/2016 của UBND thành phố Hải Phòng, toàn thành phố có trên 31.000 doanh nghiệp hoạt động; đến hết năm 2019, thành phố đã có 33.545 doanh nghiệp, dự kiến đến năm 2020 có 35.303 doanh nghiệp hoạt động).</p> <p>Mục A, khoản 3: đề nghị báo cáo bổ sung các nội dung sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hóa; hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xã hội phát triển.</p> <p>Phần IV về khuyến nghị nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2015.</p> <p>Mục B về khuyến nghị nhiệm vụ, giải pháp: đề nghị bổ sung một số giải pháp như sau:</p> <p>a) Tiếp tục cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp</p> <p>- Đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức vững chuyên môn, nghiệp vụ, giải quyết công việc trách nhiệm và hiệu quả.</p> <p>- Đào tạo kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ cán bộ công chức,</p>	Tiếp thu	

	<p>đặc biệt là cán bộ công chức tại bộ phận một cửa để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết liệt đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thanh toán không dùng tiền mặt và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích; tiếp tục thực hiện đơn giản hóa, cải cách về điều kiện kinh doanh. - Triển khai và sớm đưa vào sử dụng trên phạm vi toàn quốc các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung (dân cư, doanh nghiệp, hộ tịch, đất đai, sổ khám bệnh,...), các cơ sở dữ liệu nhằm đảm bảo việc xác thực thông tin phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp. - Tăng cường tuyên truyền về lợi ích dành cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt. <p>b) Xây dựng, điều chỉnh các cơ chế chính sách tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp thuận lợi trong sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi quy định về thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, tạo cơ hội cho doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân phát triển và tham gia vào tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế. - Tăng cường gắn kết đào tạo với doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động. - Xây dựng cơ chế chính sách, thu hút cá nhân đầu tư vào nông nghiệp với những ưu đãi tương đương Nghị định số 57/2016/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ. 		
--	--	--	--

		<p>c) Bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho doanh nghiệp - Hạn chế tối đa việc thanh tra, kiểm tra trùng lặp tại doanh nghiệp.</p> <p>- Tăng cường giám sát việc thực thi công vụ của các thành viên đoàn thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp, không gây nhiễu nhiều doanh nghiệp.</p>		
9	Bến Tre	<p>- Nhằm tuyên truyền, vận động có hiệu quả các hộ kinh doanh đủ điều kiện chuyển đổi lên doanh nghiệp để góp phần tăng số lượng doanh nghiệp trong giai đoạn sắp tới, đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, có những quy định cụ thể để chế tài các hộ kinh doanh có quy mô lớn, đủ điều kiện phải chuyển đổi lên doanh nghiệp nhằm đảm bảo cạnh tranh công bằng, minh bạch giữa các thành phần kinh tế.</p> <p>- Nguồn kinh phí hỗ trợ DNNVV của địa phương còn hạn chế; các chương trình, dự án hỗ trợ cụ thể của Trung ương còn ít nên cũng chưa hỗ trợ được nhiều cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận, thụ hưởng. Vì vậy, đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần chủ trì, xây dựng các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp cụ thể, phù hợp để các địa phương cùng tham gia và thực hiện.</p>	Tiếp thu	
10	Bắc Giang	Nhất trí với nội dung Dự thảo báo cáo	Tiếp thu	
11	Lai Châu	Nhất trí với nội dung Dự thảo báo cáo	Tiếp thu	
12	Hà Tĩnh	Theo dự thảo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì số liệu được tổng hợp từ báo cáo của 53 địa phương, trong đó không	Tiếp thu	

		có tỉnh Hà Tĩnh; tuy nhiên, ngày 23/6/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh đã có văn bản số 1535/SKHĐT-DNĐT báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (văn bản kèm theo). Do vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp thêm vào dự thảo báo cáo số liệu của Hà Tĩnh đã báo cáo tại văn bản số 1535/SKHĐT-DNĐT nêu trên.		
13	Đắk Nông	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
14	Tuyên Quang	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
15	Cao Bằng	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
16	Gia Lai	<p>- Tại trang 23 phần B. Tồn tại hạn chế cần nêu cụ thể những quy định pháp luật còn chồng chéo, xung đột pháp lý, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường...gây khó khăn cho việc thi hành luật, khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước và cả nhà đầu tư. Đồng thời phải nêu được hướng giải quyết, biện pháp vận dụng khi các Luật chưa được sửa đổi.</p> <p>- Bổ sung bảng tổng hợp thống kê các kiến nghị khó khăn của các địa phương trong quá trình triển khai và các văn bản giải đáp kiến nghị để các địa phương có cơ sở triển khai, rút ngắn thời gian chờ đợi của các doanh nghiệp.</p>	Tiếp thu	
17	Đắk	- Liên quan đến công tác thanh, kiểm tra doanh nghiệp, tại dự thảo Báo cáo có nêu ra tình trạng vẫn còn doanh nghiệp bị	Tiếp thu	

	Lắc	<p>thanh, kiểm tra nhiều hơn 01 lần/năm (theo kết quả khảo sát của VCCI năm 2019); tuy nhiên, chưa có đánh giá, phân tích nguyên nhân của tồn tại, hạn chế này. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến tình trạng trên và đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục trong giai đoạn tới.</p> <p>- Về công tác hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tại dự thảo Báo cáo có đánh giá công tác phối hợp, cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp giữa các Bộ ngành, giữa Trung ương và địa phương chưa hiệu quả, hệ thống cơ quan, tổ chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp chưa được hình thành đầy đủ, nhất quán, thiếu tính liên kết,...dẫn đến việc thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả. Do đó, để nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian tới, đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống cơ quan, đơn vị đầu mối thực hiện công tác hỗ trợ doanh nghiệp, tăng tính liên kết giữa các Bộ, ngành, giữa Trung ương và địa phương trong việc xây dựng các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tránh tình trạng ban hành nhiều chính sách nhưng thiếu đồng bộ và thiếu tính khả thi.</p> <p>- Về định hướng hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn 2021-2025, tại dự thảo Đề án có dự báo tác động, tiềm năng của mô hình kinh tế chia sẻ trong thời gian tới. Tuy nhiên, kinh tế chia sẻ hiện vẫn còn là một lĩnh vực mới, chưa được khai thác tối đa. Do đó, ngoài việc triển khai các giải pháp hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các mô hình kinh doanh mới (trong đó có kinh tế chia sẻ), thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ, phát</p>		
--	------------	--	--	--

		<p>triển các nền tảng cung cấp dịch vụ chia sẻ, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm giải pháp có cơ chế tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng giữa kinh tế chia sẻ và kinh tế truyền thống cho đầy đủ.</p> <p>- Về nhóm giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam dựa trên định hướng phát triển các loại hình doanh nghiệp công nghệ số theo Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030 cho đầy đủ và phù hợp.</p>		
18	An Giang	<p>- Tại đoạn 2, Mục A, Phần II, Dự thảo báo cáo, mục tiêu số lượng doanh nghiệp cam kết với VCCI, đề nghị sử dụng Bảng báo cáo số lượng doanh nghiệp của VCCI để diễn giải (Trang 70 – 71, Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 02 năm 2019 và Nghị quyết 35 năm 2016 của Chính phủ, Góc nhìn từ doanh nghiệp, VCCI). Do một số tỉnh không tiến hành cam kết với VCCI về số lượng doanh nghiệp (An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, TP HCM,...) nhưng có doanh nghiệp tăng trưởng rất cao (An Giang – tăng 3098 doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng 55%; Kiên Giang – tăng 6833 doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng 80%; Bạc Liêu – tăng 2002 doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng 105%; TP HCM – tăng 154621 doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng 53%)</p> <p>- Bên cạnh đó, để đảm bảo tính thống nhất và khách quan, đề nghị lấy số liệu trong Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2020 làm chuẩn để so sánh (tham chiếu 4, trang 5), số lượng doanh nghiệp tăng qua từng năm của các tỉnh từ năm 2015 đến năm 2019; Mức tăng trưởng doanh nghiệp giai đoạn</p>	Tiếp thu	

		2015 - 2019.		
19	Cần Thơ	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
20	Quảng Trị	Đề nghị rà soát và cập nhật tiến độ thực hiện của các Bộ/ngành tại phụ lục 1 kèm theo dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
21	Cà Mau	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
22	Bạc Liêu	<ul style="list-style-type: none"> - Trang 7, gạch đầu dòng thứ 3: Tỉnh Bạc Liêu cũng đã thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh (chính thức đi vào hoạt động từ ngày 03/4/2019). - Trang 8, ghi chú số 14: trong 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, tỉnh đã tổ chức 12 buổi họp mặt giữa lãnh đạo tỉnh và cộng đồng doanh nghiệp, với hơn 1000 lượt doanh nghiệp tham gia đối thoại. - Trang 12, ghi chú số 18: Tỉnh có 26 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. - Trang 43, mục 2.4: Đóng góp thêm nội dung giải pháp sau: "Ban hành cơ chế, chính sách, quy định cụ thể về liên kết, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giữa Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, trong đó có quy định rõ cơ quan Nhà nước có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy việc liên kết, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; quyền lợi, trách nhiệm của Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong liên kết, hợp tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực 	Tiếp thu	

		<p>chất lượng cao sau đào tạo.</p> <p>Thông qua chính sách này để tháo gỡ khó khăn trong quá trình đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực thời gian qua, đồng thời khai thác sử dụng, phát huy đúng mức nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước."</p>		
23	Bình Thuận	Tại Phần IV Mục B khoản 2 gạch đầu dòng thứ 3 (trang 40) của dự thảo báo cáo: Đề nghị nêu số lượng doanh nghiệp khu vực tư nhân tại Việt Nam có vốn hóa trên 1 tỷ đô la Mỹ đến năm 2020, từ đó đưa ra số doanh nghiệp khu vực tư nhân có vốn hóa trên 1 tỷ đô la Mỹ đến năm 2025, năm 2030 cho phù hợp.	Tiếp thu và bổ sung	
24	Thái Bình	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
25	Sóc Trăng	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
26	Bắc Kạn	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
27	Kon Tum	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
28	Tp. Hồ Chí Minh	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
29	Quảng Bình	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	
30	Đồng Tháp	Nhất trí với nội dung Dự thảo Báo cáo	Tiếp thu	

III	Hiệp hội			
1	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp các chi phí chính thức, chi phí không chính thức đối với doanh nghiệp, so sánh với các doanh nghiệp trong khu vực, quốc tế và đề xuất giải pháp giảm chi phí cho doanh nghiệp.- Xây dựng các chương trình, biện pháp cụ thể, khả thi để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện tốt vai trò là tổ chức xã hội, nghề nghiệp của cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và người sử dụng lao động ở Việt Nam.- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, chương trình nâng cao năng lực các hiệp hội doanh nghiệp.- Tổng hợp các kiến nghị, khó khăn và vướng mắc của doanh nghiệp chuyển tới các cơ quan quản lý nhà nước để xử lý, giải quyết; định kỳ hàng tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ, hàng quý báo cáo Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện; công khai trên trang thông tin điện tử của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.- Tổng hợp tình hình thực hiện các cam kết đã ký giữa Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hàng quý và công khai trên trang thông tin điện tử của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.	Tiếp thu	
2	Hiệp hội doanh nghiệp	<p>Hiệp hội cơ bản nhất trí cao với những nội dung đã được đề cập trong dự thảo báo cáo.</p> <p>1.Về bối cảnh ban hành Nghị Quyết 35.</p>	Tiếp thu	

	nhỏ và vừa	<p>Hiệp hội đề nghị bổ sung nội dung bối cảnh Nghị quyết được Chính phủ ban hành ngay trong năm đầu tiên của Nhiệm kỳ Chính phủ, năm đầu tiên khi chúng ta thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12, Nghị quyết của Quốc hội khóa 14 về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020.</p> <p>2. Về đánh giá thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị Quyết 35.</p> <p>a. Phần kết quả đạt được (Mục A), đề nghị bổ sung một số thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản QPPL được thành lập theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 12/2/2020 do Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm Tổ trưởng, các thành viên là đại diện lãnh đạo nhiều bộ, ngành, cơ quan trung ương và một số tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Đến nay, Tổ công tác đã có báo cáo kết quả rà soát gửi Ủy ban thường vụ Quốc hội, trong đó nêu ra nhiều văn bản QPPL có chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập, không hợp lý, đồng thời có kiến nghị sửa đổi để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.¹ - Hoạt động của Bộ Công Thương liên quan đến nội luật hóa các quy định về Phòng vệ thương mại tại các cam kết WTO, các FTA, đến nay, chúng ta đã có đầy đủ hệ thống văn bản 		
--	-----------------------	--	--	--

¹ Báo cáo kết quả rà soát của Tổ công tác gửi UBTV Quốc hội

	<p>QPPL về Phòng vệ thương mại, là công cụ hữu hiệu để bảo vệ nền sản xuất trong nước và thúc đẩy xuất khẩu.² Đồng thời, Bộ Công thương, Cục phòng vệ Thương mại, các Hiệp hội ngành hàng đã làm rất tốt công tác thông tin, khuyến nghị các doanh nghiệp liên quan đến việc thực thi các quy định về PVTM cũng như chủ động đối phó với các nguy cơ về kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp, gian lận thương mại.</p> <p>b. Phần tồn tại, hạn chế (Mục B)</p> <p>Hiệp hội đề nghị, nên phân tích những tồn tại dựa trên 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, để nhận định rõ những tồn tại hạn chế, hạn chế phân tích chung chung không có định lượng.</p> <p>c. Phần nguyên nhân của những tồn tại. (Mục C)</p> <p>Đề nghị nghiên cứu bổ sung</p> <ul style="list-style-type: none"> + Do cơ chế (có sự thiếu đồng bộ trong một số văn bản QPPL liên quan đến sản xuất kinh doanh của DN Ví dụ: có sự chồng chéo trong việc thực hiện các quy định của Luật Đầu tư với Luật đất đai, Luật Nhà ở, Luật môi trường, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản...) + Do sự phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước, giữa Trung ương với địa phương chưa thực sự chặt chẽ. Ví dụ nhiều thủ tục xin giấy phép chấp thuận, doanh nghiệp còn phải đi xin ý kiến nhiều cơ quan, việc lấy ý kiến của các cơ quan cũng không có sự thống nhất, là gia tăng chi phí về thời gian, cơ 		
--	---	--	--

² Luật quản lý ngoại thương 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành

	<p>hội của doanh nghiệp.</p> <p>+ Do nguồn lực về ngân sách còn hạn chế, nhiều sự cố bất ngờ trong giai đoạn 2016 -2020 (Ví dụ thiên tai lũ lụt ở miền Trung, Hạn hán và nước biển xâm thực ở đồng bằng sông cửu long, sự cố môi trường FORMOSA, dịch bệnh covid 19...) điều đó ảnh hưởng đến nguồn ngân sách chi cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp.</p> <p>+ Do chất lượng nguồn nhân lực (cá nhân, tổ chức, đơn vị) làm công tác hỗ trợ doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, nhiều hoạt động còn trùng lặp gây lãng phí.</p> <p>+ Do khâu thực thi pháp luật trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhận thức của doanh nghiệp về thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của doanh nghiệp còn chưa được đầy đủ, nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chưa sát với nhu cầu thực tế, doanh nghiệp chưa mặn mà, chưa chủ động tìm hiểu các thông tin, chính sách hỗ trợ.</p> <p>+ Do chưa phát huy hết vai trò của các Hiệp hội doanh nghiệp trong thực hiện Nghị quyết. Sự tham gia của nhiều Hiệp hội vào công tác hỗ trợ doanh nghiệp còn mờ nhạt.</p> <p>3. Về các giải pháp khuyến nghị trong giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn 2030, đề nghị bổ sung:</p> <p>- Tuân thủ nguyên tắc của thị trường, Nhà nước không can thiệp sâu hoặc làm thay doanh nghiệp, do đó các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp cần xác định rõ vai trò của</p>		
--	--	--	--

	<p>Nhà nước và vai trò của doanh nghiệp, các tổ chức đại diện doanh nghiệp.</p> <p>Trong giai đoạn tới cần nghiên cứu hình thành tổ chức đại diện của những hộ kinh doanh cá thể để có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho lực lượng kinh tế chiếm số lượng đông đảo nhất trong xã hội hiện nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình xây dựng các giải pháp, nhiệm vụ trong giai đoạn tới, cần quan tâm đến tính thực tiễn, nhu cầu của doanh nghiệp và yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, xu thế không thể đảo ngược của việc ứng dụng nền tảng kỹ thuật số. Hiệp hội, đề xuất tập trung một số nhóm giải pháp, nhiệm vụ sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn theo đúng bộ TCQC Việt Nam, khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn của các Quốc gia tiên tiến, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống tiêu chuẩn cả trong sản xuất sản phẩm và trong quản trị. - Giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng KHCN, chuyển đổi sang nền tảng kỹ thuật số; - Giải pháp phát huy vai trò của các tổ chức đại diện doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp; - Giải pháp xã hội hóa, chuyển đổi các Trung tâm, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp công lập sang mô hình hợp tác công tư. 		
--	--	--	--

**Phụ lục 3: DANH SÁCH CÁC TỈNH THÀNH GỬI BÁO CÁO TỔNG KẾT
05 NĂM TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 35/NQ-CP**

STT	Nơi gửi	Số công văn	Ghi chú
I	Các Bộ, ngành		
1	Bộ Ngoại Giao	Số 2482/BNG-THKT ngày 22/7/2020	
2	Bộ Quốc Phòng	Số 2218/BQP-Kte ngày 24/6/2020	
3	Bộ Công Thương		
4	Bộ Khoa học Công nghệ	Số 2127/BKHCN- KHTC ngày 21/7/2020	
5	Bộ Tài Chính	Số 10583/BTC-PC ngày 01/9/2020	
6	Bộ Nội Vụ	Số 3542/BC-BNV ngày 17/07/2020	
7	Bộ Y Tế	Số 1096/BC-BYT ngày 15/7/2020	
8	Bộ Tư Pháp		
9	Thông tấn Xã Việt Nam	Số 662/BC-TTX ngày 20/07/2020	
10	Thanh tra Chính phủ	Số 1237/BC-TTTP ngày 24/7/2020	
11	Bộ Nông nghiệp PTNT	Số 4766/BC-BNN- QLDN ngày 17/7/2020	
12	Bộ Xây dựng	Số 85/BC-BXD ngày 30/7/2020	
13	Bộ Giao thông Vận tải		
14	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	Số 111b/BC- BLĐTBXH ngày 12/8/2020	
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 5056/BTNMT- KHTC ngày 15/9/2020	
16	UB Quản lý Vốn	Số 1144/UBQLV-TH ngày 09/07/2020	
17	Thanh tra Chính phủ	Số 1237/BC-TTTP ngày 24/7/2020	
18	Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	Số 44/BC-TLĐ ngày 28/7/2020	
19	Ngân hàng Nhà nước	CV ngày 15/7/2020	
20	VPCP	Số 5806/VPCP-ĐMDN ngày 16/7/2020	
21	Thông tấn xã Việt Nam	Số 662/BC-TTX ngày 20/7/2020	

22	Đài truyền hình Việt Nam	Số 1156/THVN-KHTC ngày 19/10/2020	
II	Các địa phương		
1	An Giang		
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	Số 263/BC-UBND ngày 03/8/2020	
3	Bắc Giang		
4	Bắc Kạn	Số 420/BC-UBND ngày 16/7/2020	
5	Bạc Liêu	Số 233/BC-UBND ngày 30/7/2020	
6	Bắc Ninh		
7	Bến Tre	Số 302/BC-UBND ngày 21/7/2020	
8	Bình Định		
9	Bình Dương	Số 190/BC-UBND ngày 27/7/2020	
10	Bình Phước		Chưa gửi
11	Bình Thuận		
12	Cà Mau		Chưa gửi
13	Cần Thơ	Số 192/BC-UBND ngày 3/8/2020	
14	Cao Bằng		Chưa gửi
15	Đà Nẵng	Số 299/BC-UBND ngày 20/10/2020	
16	Đắk Lắk	Số 196/BC-UBND ngày 31/7/2020	
17	Đắk Nông		
18	Điện Biên	Số 228/BC-UBND ngày 28/7/2020	
19	Đồng Nai		
20	Đồng Tháp	Số 189/BC-UBND ngày 20/7/2020	
21	Gia Lai		
22	Hà Giang	Số 359/BC-UBND ngày 28/7/2020	
23	Hà Nam		
24	Hà Nội	Số 213/BC-UBND ngày 28/7/2020	
25	Hà Tĩnh	Số 1535/SKHĐT- DNĐT ngày 23/6/2020	
26	Hải Dương		Chưa gửi
27	Hải Phòng	Số 212/BC-UBND ngày	

		22/7/2020	
28	Hậu Giang	Số 1509/BC-UBND ngày 20/7/2020	
29	Hòa Bình		
30	Hưng Yên	Số 106/BC-UBND ngày 24/7/2020	
31	Khánh Hòa	Số 137/BC-UBND ngày 04/8/2020	
32	Kiên Giang		
33	Kon Tum	Số 230/BC-UBND ngày 04/8/2020	
34	Lai Châu		
35	Lâm Đồng		
36	Lạng Sơn		
37	Lào Cai	Số 448/BC-UBND ngày 17/7/2020	
38	Long An		
39	Nam Định		
40	Nghệ An		
41	Ninh Bình		
42	Ninh Thuận	Số 229/BC-UBND ngày 27/7/2020	
43	Phú Thọ		
44	Phú Yên	Số 407/BC-SKHĐT ngày 20/7/2020	
45	Quảng Bình		
46	Quảng Nam	Số 333/BC-SKHĐT ngày 12/8/2020	
47	Quảng Ngãi	Số 136/BC-UBND ngày 17/7/2020	
48	Quảng Ninh		
49	Quảng Trị	Số 331/BC-SKH-DN ngày 28/7/2020	
50	Sóc Trăng		
51	Sơn La	Số 287/BC-UBND ngày 15/7/2020	
52	Tây Ninh		
53	Thái Bình	Số 441/BC-SKHĐT ngày 05/8/2020	
54	Thái Nguyên	Số 130/BC-UBND ngày 05/8/2020	
55	Thanh Hóa		
56	Thừa Thiên Huế		

57	Tiền Giang	Số 152/BC-UBND ngày 04/8/2020	
58	TP. Hồ Chí Minh		Chưa gửi
59	Trà Vinh	Số 204/BC-UBND ngày 27/7/2020	
60	Tuyên Quang	Số 82/BC-UBND ngày 19/7/2020	
61	Vĩnh Long		Chưa gửi
62	Vĩnh Phúc	Số 192/BC-UBND ngày 28/7/2020	
63	Yên Bái	Số 119/BC-UBND ngày 29/7/2020	
III	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	1958/PTM-KHTH ngày 22/10/2020	